

Son, một nhạc sĩ tên tuổi đang vang đến các xứ sở xa xôi, vừa được chấm giải trong cuộc thi tại Nhật với bản «Diễm xưa».

Trước đây một hai năm người ta đã nói đến hiện tượng Trịnh Công Sơn, lớp người trẻ hầu như không người nào không ít thì nhiều đã hát với mình hoặc với bạn bè những tình khúc cùng những bài hát cho quê hương khốn khổ này. Đã có một dạo người ta không ngớt nghe thấy những bài như Tuổi Đá Buồn, Mưa Hồng Nắng Thủy Tinh, Ca Khúc Da Vàng được hát lâu và được nghe thấy suốt ngày này qua ngày khác.

Lần này trong Như Cánh Vạc bay, chúng ta sẽ được nghe những bài :

Ru ta ngậm ngùi. Ru ta ngậm ngùi với những lời ca vút vút vì chùng thấp, tự đổ dành mình, buồn bã trước vô vị của ngày tháng trôi qua trong cô tịch. « Một ngày như mọi ngày, từng chiều lên hấp hối. Một ngày như mọi ngày, bóng đổ một mình tôi ». Với *Này em có nhớ* chúng ta sẽ buồn bã khi trực nhận sự cô đơn. « Chúa đã bỏ loài người, Phật đã bỏ loài người. *Này em, xin cứu một người* »

Bài hát nào trong Như cánh vạc bay cũng mang một tình ý cô đơn đến giá buốt. Nhất là bài Như cánh vạc bay. Người nghe bị xúc động đến nổi ốc vì những nốt nhạc trầm bổng cuốn hút, những lời ca như thơ, những lời ca làm người ta bàng hoàng về cái thân phận cô đơn của mình. Vì thế, từ nốt nhạc, lời ca Như cánh vạc bay đã được những người thường ngoạn thù ghét loại nhạc sĩ rả vô hồn suốt ngày lái nhải bởi những ca sĩ chẳng ca được loại nào khác hơn loại đó ưa thích. Nếu nghe một băng nhạc hay, thật hay là một hạnh phúc thì nghe *Như cánh vạc bay* người nghe sẽ thấy tràn ngập tâm hồn mình những hạnh phúc chơi vơi, cô tịch.

(TRẦN MINH HOÀNG)

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9.10.1961

Chủ - nhiệm : **NGUYỄN - VỸ**

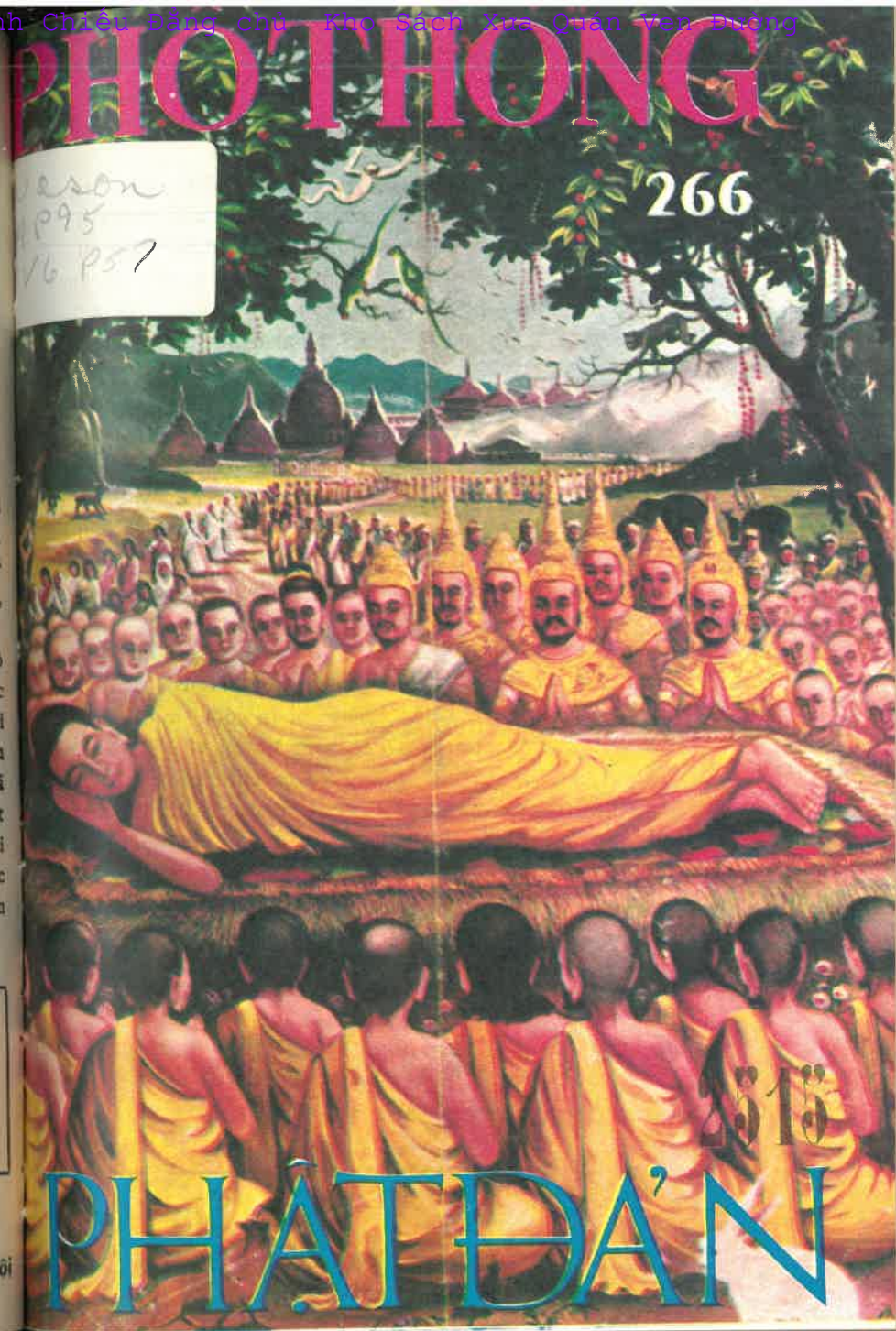
In tại nhà in riêng của **PHỒ - THÔNG**

24 Nguyễn an Ninh — SAIGON

Điện thoại : 23.971

Giá : 50đ

Công sở : gấp đôi



Đã phát hành trong toàn quốc :

VĂN - THI - SĨ

TIỀN - CHIẾN

của NGUYỄN - VỸ

Dày trên 500 trang

Nhà Sách KHAI - TRÍ xuất bản

62, Đại-lộ Lê-Lợi — Saigon II

TẠP CHÍ phổ thông

Giám Đốc, Chủ Đái :
NGUYỄN VỸ
Đổng thư ký Tòa soạn :
AN THỊ THU MAI
Tòa Soạn :
13 Phạm Ngũ Lão Saigon
ĐT. 24814
*

Chúng tôi hoàn toàn không
trách nhiệm về những
lời cáo của bạn đọc
o thể lệ chung của các
chỉ quốc tế). Bài lai cáo
ng đáng, không trả lại.
Sách Báo Việt Ngữ ở
ng nước được tự tiện trích
ng những bài trong tạp
PHỔ THÔNG, nhưng yêu
đề rõ xuất xứ: «trích tạp
PHỔ THÔNG» và đừng
tắt. Cấm trích, dịch,
ng đáng vào sách báo
oại Quốc mà không xin
p. Tous droits de traduc-
n, d'adaptation, et de
roduction même partielle,
ervés pour tous pays.
pyright by PHỔ THÔNG,
nted in Viet Nam.

P.T.

li vô, Kỹ thuật, Trình bày :
CAO ĐẮC BỬU

Năm thứ XIII Số 265 01-5-1971

- 1— Sách Báo Mới
- 2— Hộp thư Tòa soạn
- 3— Phật đã bị bao vây
- 4— Phổ Thông như thế nào?
- 5— Phổ Thông đây đó
- 6— Đạo Phật ngày nay
- 7— Phật Giáo A, B, C
- 8— Phật Đản ở Huế cách đây 36 năm
- 9— Khi Đức Phật xuất hiện
- 10— Sakma thik, lối thiền của sư sãi
- 11— Những mùa Phật Đản
- 12— Cuộc tranh chấp về tóc dài tóc ngắn
- 13— Sống nhờ các ngôi sao
- 14— Bóng lá (Truyện)
- 15— Tôn giáo vào năm 2000
- 16— Những bước chân trên quê hương
- 17— Loài người sẽ suy vi dần
- 18— Em mặc áo vàng (Thơ)
- 19— Những Mùa Mưa Lăng Quên (Truyện)
- 20— Bệnh viện cho côn trùng
- 21— Vài nét về nền Y Khoa Nhật Bản
- 22— Một chuyến đi thăm Reensburg
- 23— Mối tình Chim Ưng (Truyện dịch)
- 24— Xe hơi của thành phố tương lai
- 25— Những giọng thơ mới
- 26— Mai về thăm tâm vu (Thơ)
- 27— Tuyệt tình (Thơ)
- 28— Làn về thăm sao long (Thơ)
- 9— Sinh Hoạt Văn Nghệ

PHỔ THÔNG

Góp phần xây dựng Văn Hóa Việt Nam
Phổ Biến Văn Hóa Đông Tây Kim Cổ

	TRANG	
P.T.	6	
P.T.	7	
P.T.	8	
NGUYỄN VỸ	10	
P.T.	12	
VIÊN VỌNG KÍNH	16	
THÍCH TRÍ CHƠN	26	
NGUYỄN THANH HÀ	25	
AI LAN	30	
VƯƠNG MINH	35	
LÊ HƯƠNG	39	
PHƯƠNG BẢO	42	
TÔ MINH NHẬT	46	
LƯƠNG THẾ ĐÔNG	50	
PHAN VIỆT THỦY	57	
VŨ NGUYÊN	59	
PHẠM HỒ	63	
ĐỖ TÙNG	66	
HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN	68	
TỪ KẾ TƯỜNG	76	
YÊN CHI	79	
CHU VĂN LỘC	83	
TRẦN LÊ NGUYÊN VŨ	93	
NGUYỄN HÙNG	98	
TRẦN THANH	101	
HOÀNG TUYẾT KHANH	107	
PHẠM HỮU QUANG	10	
HỒNG PHONG	109	
NGỌC THÙY KHANH	110	
ĐẶNG BẢO TRÂM		

HÌNH BÌA KỲ NÀY : Sau khi hành đạo cứu đời trong 45 năm,
vào năm 486 trước Tây Lịch, Đức Phật Thích Ca nhập niết bàn dưới
hai cây Sala, thọ 80 tuổi. (Xem bài trang 30).



Sách báo Mới

TIẾNG ĐỘNG : tập san Nghệ Phụng Sự Dân Tộc. Chủ g: Mạc Tường Niệm, Hoàng Châu, 12 bis Kỳ Đồng Saigon.

THƯỢNG UYÊN : Thi của 30 tác giả do Nhân X.B. Lê Phở Đức tuyển

MƯỜI HƯỚNG SAO : Thi của 10 tác giả do Nhân chứng Lê Phở Đức tuyển chọn.

PREVENT WORLD WAR No 77 Winter Spring 1971 shed by Society for The Pre-on of World War 111, Inc, 50 Street, New York N.Y. 10019. dent : Norman Allen.

Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Hóa tặng :

-- **PHẠM CÔNG** tân truyện của Võ Danh Thị do Nguyễn quang Kỳ và Hoàng văn Suất phiên âm và chú giải.

-- **XU HƯỚNG VÀ TIẾN TRIỂN CỦA GIÁO DỤC NHẬT BẢN** : Tài liệu của Nhật Bản Quốc tế Giáo dục Hội. Bản dịch của Châm Vũ Nguyễn Văn Tân.

Hai quyền trên đều do Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn hóa xuất bản.

-- **ZABIG** hay là **ĐÌNH MỆNH** của Voltaire. Đào văn Hội dịch thuật Sống Mới xuất bản.

-- **TỰ ĐIỂN HỎI NGÃ** của Đào Văn Hội. Sống Mới xuất bản.

-- **LINH TRÌNH HÀNH CHÁNH NAM PHÂN** của Đào văn Hội. Tác giả. x.b.

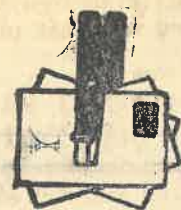
-- **CUNG BUỒN** ; Thơ của Mịch La Phong. Xuân Thu x. b.

-- **MÙA THU ĐÔNG KINH** của Trạm Nhiên -- Anh Đào x.b.

-- **KHỞI NGUYÊN** : Tập chỉ văn học nghệ thuật, do Bích Hoài chủ trương biên tập, với sự cộng tác của : Cao Tiêu, Châu Trị, Du Tử Lê, Đình Phụng Tiến, Huỳnh Phan Anh, Hồ Phong, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Nguyễn Nhượng Nghiễm, Từ kế Tường v.v...

-- **GÁC CHUÔNG GIÁO ĐƯỜNG** : tập truyện của Nguyễn nhược Nghiễm. Khởi Nguyên xuất bản.

-- **MỘT LẦN VỀ THĂM** Truyện của Trần Đình Thái Huỳnh văn Trứ xuất bản.



hộp thư tòa soạn

-- **Ô. Lê quốc Sinh (Tuy Hòa)** : Cám ơn ông về lời hỏi thăm. Mong ông cho biết ý kiến về sự thay đổi của tờ báo. Mấy bài của ông đang đọc. (CĐB).

-- **Đặng tấn Tới (Qui Nhơn)** : Đã nhận được « Cười Ca ». Lúc trước có nhận được một số bài do một người nào đó gửi vào. Còn giữ. Khi nào vào Saigon nhớ ghé (TKT).

-- **Phan đình Huy (Đà Nẵng)** : Bạn quá khiêm nhường nên mới nói thế. Người phụ trách vẫn mong bài của các bạn đầy chữ. « Những giọng thơ mới » càng ngày càng đông và càng vui. Cám ơn lời chúc.

-- **Phạm đăng Phương (Gò Công)** : Gọi thế nào cũng xong cả. Người phụ trách rất vui khi nhận được thư, và không việc gì phải ngại cả. Bài của bạn đang đọc.

-- **Tạ Mỹ (Kóm tum)** :

Thì gọi một lần này cũng như gọi bạn là Huy Phong cho « Những giọng thơ mới » biết luôn vậy. Nhưng việc gì lại phải đổi bút hiệu nhỉ ? Đúng ra thì trong thơ luôn luôn có nỗi buồn, thể hiện bằng

hình thức này hay hình thức khác. Hạnh phúc cũng là một nỗi buồn vậy, có thể lắm ? Bạn quá nên không thể liên lạc bằng thư riêng được.

-- **Ngọc Thủy Khanh (Đà Lạt)**

Đã nhận được một số bài mới và cái thư bên Đ L, hôm nay chợt nhớ nên trả lời luôn. Đồng ý lắm chứ. Khi nào về phép Sài gòn nhớ ghé chơi. Sẽ chuyển lời thăm tới NTN.

-- **Mây hạ (Sài Gòn)** :

Đã nhận được bài thơ, sẽ đăng. Cứ gửi tiếp. Nghỉ hè tới nơi rồi chắc không còn kêu than như chủ ve mùa hạ ở vườn Tao Đàn nữa. Vẫn còn nhớ cái hẹn vào một ngày chủ nhật đẹp trời chứ nhỉ ?

Tòa soạn đã nhận được bài vở của các bạn, đang đọc và lựa đăng dần :

Hoài Dạ Thanh. Nguyễn Đăng Hà, Hoài cổ Hương, Trần Bích Hạnh, Ngọc Thủy Khanh, Nguyễn Du Ca, Đồng Hà, Trầm Vy, Tạ Mỹ, Phạm văn Thơm, Kim Đan, Đông Trinh, Dạ Vũ Miên Trường, Trịnh văn Chương, P. H. Lê Giang, Miên Hồng, Phạm Trường Đình, Trần văn Châu, Hoàng Ngọc Thạch, Châu Thỏa Lan, Phan đình Huy, Nguyễn Lê Hồng. Lê Quốc Sinh, Trần Ngọc Chánh, Lê Bình, Nguyễn Phương Long, Hoàng Đình Quế, Ngọc hoài Thị, Nguyễn đăng Cát, Huỳnh ngọc Ánh, Từ Nguyên, Quyên mùa Đông, Hà nguyệt Lý, Phan thị Hai, Thứ Lễ, Đình Ca, Hương Dạ, Vũ Vy, Đông phương Hồng, Vũ đình Lý Phạm văn Sinh, Du yêu Hương Trịnh ngọc Hải, Huy Lan, Tạ ngọc Thư, Mỹ Kim, Cúc Thy, Nguyễn lệ Trinh, Trường Châu, Tân Như Miên Thảo, Thích mùa Hạ, Phạm thế Đăng, Trần Trọng, Bội Nguyễn Vũ Myh Ca, Miên 67, Hồng Loan.

PHỎ THÔNG

Góp phần xây dựng Văn Hóa Việt Nam
Phổ biến Văn Hóa Đông Tây Kim Cồ

266

Ngày 1-7-77

Phật đã bị bao vây hưng phép Phật nhiệm màu

*Na antalikkhe, na samuddamajjhe, na pabbtanam
vivaram pavissa, na vijjati sojagatippadeso yatthat-
thito munceyya papakanama*

(Dhammapada 127)

7 A I ba năm nay tôi không
n bước chân đến Chùa Ấn
ng hay chùa Quốc Tự ở đường
n quốc Toàn nữa. Vì hai nơi
không còn là đất của Phật.
t không còn ngự trị những nơi
Phật đã bỏ đi từ lâu rồi.

Một bầy Devadatta của thời đại
giáo đã bao vây Đức Thế-Tôn,
m hại Đấng Đại Từ Bi. Chúng
hiếu vũ với quỷ sứ, Satan,
hơi no nê và cười giỡn trong
hoan, như lũ Pharisiens trong
Do Thái.

hóa Christ đã cầm roi đánh

đuôi lũ trộm cướp ấy, lũ con buôn
xác thịt và linh hồn ra khỏi Đền.

Nhưng Đấng Từ Phụ của chúng
ta đã lặng lẽ lánh xa những ngôi
chùa ô trọc, chuông mõ của chúng
không lấp nổi tiếng nôn ọc của
dục vọng và tham sân si.

Trầm hương của chúng không
làm tan nổi mùi tanh hôi của danh
lợi, và dâm ô.

Chúng ta đi ngang qua đó chỉ
rùng mình ghê tởm.

Phật giáo không cần có lịch sử
như loài phạm chúng ta quan niệm.

Phật giáo là Phật giáo, Độc Nhất,

55-266

Độc Tôn, Trường Tôn, Vinh Cửu,
Đấng Thế Tôn đã dạy điều đó rồi
chúng ta phải nhớ :

« Buddha nam sattvadhato ca
« Yenabhinna ram arthatah
« Atmanee ca paresam ca
« Samata tena te mato »

(Catuhstava, trong kinh Bodhi-
caryavatrapanika trang 590)

Trải qua a-tăng-kỳ kiếp, khắp
tam thiên đại thiên thế giới, Đạo
Pháp của Đấng Từ Bi không bao
giờ bị nguy và không cần cứu
nguy. Chỉ có bọn phản Phật, phản
Pháp mới giả vờ cứu nguy Đạo
Pháp mà thôi. Một thiểu số tỳ kheo
của thời kỳ mạt pháp hiện nay
tranh đua nhau giả đạo, giả đức,
giả ái quốc, hòa bình, nhưng
khoác áo cà sa mà dâm dục với
phụ nữ, buôn bán làm tiền, tích
trữ bạc muôn bạc triệu, lái xe hơi
huê kỳ vênh vang chạy khắp chợ,
câu danh háms lợi, học đòi làm
chính trị hoạt đầu, kiêu căng ầu
trĩ, chẳng còn sáng suốt thông hiểu
Kinh Kệ là gì, Phật Pháp là gì.

Chúng dâm loạn nhất trong xã
hội dâm loạn. Và chúng tưởng
chiếc áo sramana và xấu chuôi
nặng trĩu tội ác, làm mà mất được
chúng sanh.

« Phật tại tâm ». Nhưng « tâm »
chúng đã loạn, tâm bất chính, nên
Phật đã lìa xa cái tâm đầy sắc
dục của chúng cứ phùng phùng
như hỏa ngục.

Phật chỉ còn mãi trong lòng
những kẻ chơn tu. Phật trở về các
ngôi chùa vắng vẻ, trong sạch, tôn
ghiêm. Phật lặng lẽ từ bi trong

Trầm Hương thanh khiết, trong
tiếng chuông giải thoát nghiệp
chúng ta bà.

Ngày Phật Đản thiêng liêng, Phật
hiện về trong Hào quang Mầu
Nhiệm của Nirvana của Tam
Muội Tam Bồ Đề, để giác ngộ
chúng sanh.

Phật không hiện về Ấn Quang,
« V.N. Quốc Tự », và những ngôi
chùa chứa đầy tham sân si, đầy
giả tâm, tà thuyết và tràn ngập
Cộng sản, CIA.

Nam Mô Bồn Sư Thích Ca Mâu
Ni Phật.

Nam Mô Đại Từ Đại Bi Cứu
Khổ Cứu Nan Quan Thế Âm
Bồ Tát Ma Ha Tát.

NGUYỄN VY

Đệ tử của Hòa Thượng Đôn
Hậu, Chùa Linh Mục, Huế, vị chơn
tu đã bị V.C bắt cóc tàn nhẫn
trong ngày Tết Mậu Thân.





PHỔ THÔNG NHƯ THẾ NÀO? LÀM SAO? CỦA AI?

PHỔ THÔNG số này mang con a hàng đơn vị. Hàng trăm, lục và hàng bắt đầu từ một: n số có thể nói « thọ » ng các tạp chí đã và đang hành. Nhưng bắt đầu từ trước đó hẳn bạn đọc đã t sự thay đổi lớn về hình ng như nội dung (không chủ trương). Sự thay đổi làm đáp ứng lại sự của một số lớn đọc giả ng đó có sinh viên học ững người làm văn nghệ ọc giả thích có nhữn món

ăn mới như là phần tài liệu, sưu tầm v.v. Sự thay đổi này ngay từ số PHỔ THÔNG cải tiến, tức là số 263 đã gặp ngay phản ứng của hai phía đọc giả. Tòa soạn tạm gọi là phía đọc giả lớn tuổi và phía đọc giả trẻ tuổi. Hai phản ứng này thật mãnh liệt qua điện thoại và thư từ hàng ngày tới tấp gửi về tòa soạn. Phía đọc giả lớn tuổi thì cho rằng PHỔ THÔNG đã thay đổi hẳn chủ trương của tờ báo từ trước đến giờ. Bài vở tạp nhạp v.v... Mà điển hình nhất là ông Đông Tùng, một cây bút biên khảo dịch thuật quen thuộc

của Tạp Chí Phổ Thông và của các nhật báo, tạp chí khác, đã kết án PHỔ THÔNG vài số sau này là tờ báo lá cải.

Về phía đọc giả trẻ tuổi thì cho rằng tờ PHỔ THÔNG đã đáp ứng đúng lại nguyện vọng của họ từ trước tới nay. Trong số đó có người làm văn nghệ trẻ tuổi, uy tín với sinh hoạt văn nghệ hiện nay. Một bức thư tha thiết và cảm động nhất của anh Phạm Hữu Quang đã cho rằng anh chỉ mới đọc PHỔ THÔNG ở số 263 tức là số cải tiến mà thôi, và nhận xét của anh là PHỔ THÔNG đã đi sát với đọc giả. Vượt bậc và tiến bộ về hình thức lẫn nội dung.

Cùng lúc đó tòa soạn nhận được sự cộng tác của nhiều nhà văn nhà thơ tên tuổi ở cả hai phía lớn tuổi cũng như trẻ tuổi như Bùi Giáng, Huỳnh phan Anh, Hoàng trúc Ly, Nguyễn Đạt, Huy Tường, Nguyễn tôn Nhan, Nguyễn Mai, Thái ngọc San, Tần Vy...

Đề trả lời cho một số đọc giả bảo rằng PHỔ THÔNG đã thay đổi hẳn chủ trương từ trước tới giờ, Ông Chủ Nhiệm, trong số qua đã nói đại ý rằng nhằm đáp ứng lại sự yêu cầu của các bạn sinh viên học sinh trẻ, tuổi cũng như là các bạn văn nghệ trẻ PHỔ THÔNG đã thay đổi nội dung và hình thức. Về nội dung, thêm phần biên khảo, dịch thuật, tài liệu, sưu tầm và văn nghệ, nhận sự cộng tác của các bạn văn nghệ trẻ. Về hình thức thì in đẹp hơn, sáng sủa hơn. Đạt được một kỹ thuật vừa ý cho tờ báo càng ngày càng nổi bật ở cách trình bày v.v... Nhưng thay đổi hình thức

và nội dung không có nghĩa là thay đổi chủ trương. Trước sau chủ trương của PHỔ THÔNG cũng vẫn là đáp ứng lại sự yêu cầu của bạn đọc góp phần xây dựng văn hóa Việt Nam, phổ biến văn hóa Đông Tây kim cổ...

Cũng từ hai phản ứng sôi nổi đó, Tòa soạn muốn ông bạn đọc giả xem sự khác biệt của những số PHỔ THÔNG từ trước và những số PHỔ THÔNG mới nhất bây giờ như thế nào. Bởi vì PHỔ THÔNG không phải là tờ báo của nhóm này hay nhóm khác. Mà chính là tờ báo của đọc giả.

Chúng tôi không chủ quan. Sự chủ quan ấy dành cho bạn đọc. Ít nhất qua 266 số báo cầm trên tay, đọc giả đã theo dõi PHỔ THÔNG cũng có quyền khen, chê, góp ý kiến. Tòa soạn sẽ rất sung sướng nhận những ý kiến đó và sẽ đăng tải trên PHỔ THÔNG bắt đầu từ số sau, và bài viết này coi như bài phỏng vấn của tòa soạn dành cho bạn đọc qua hai phản ứng nói trên. PHỔ THÔNG như thế nào, làm sao, và của ai?

Đọc giả khen chê góp ý kiến một cách thẳng thắn. Tòa soạn sẽ đăng nguyên văn hoặc xin phép tóm lược lại những ý chính. Và từ đó ý kiến của bạn đọc sẽ nuôi dưỡng PHỔ THÔNG, để tạp chí Văn Hóa này càng ngày càng đúng nghĩa với chủ trương đã vạch sẵn.

PHỔ THÔNG





● Hai cặp trai gái Úc Đại Lợi đã chiếm chức vô địch hôn lâu thế giới với kỷ lục là 24 tiếng đồng hồ, trong một cuộc thi vừa tổ chức tại Úc.

Các cặp trên là 4 sinh viên sư phạm thuộc lứa tuổi 20 đã nâng kỷ hôn lâu của thế giới từ 18 lên đến 24 tiếng đồng hồ.

Các tân vô địch này là :

- Beverly Barrett, 21 tuổi
- Geoffrey Middleton, 24 tuổi
- Elizabeth Dombrowsky, 20 tuổi
- Robert Feast, 20 tuổi

● Một chiếc bàn Ping-Pong vừa được gửi đến tặng hội nghị Lê về Việt Nam. Chiếc bàn được đóng thùng và được xe không chở đến nơi hội đàm. Sau một hồi tranh luận khá lâu giữa giới giao ban và nhân viên an ninh, chiếc bàn lại được chở đi vì bàn được gửi về địa chỉ «hội nghị Ba Lê về Việt Nam» nhưng vì nghị này không có chủ tịch nên không ai có thể đứng ra nhận.

Người gửi là ông John Reid ở Hoa Kỳ với hy vọng là hòa đàm lại được kết quả qua chính sách «ngoại giao bóng bàn» mà Trung Quốc đã thi hành với Hoa Kỳ.

● Sự chi phí về quân sự trên thế giới đã đạt tới con số kỷ lục 40 tỷ Mỹ kim trong năm 1970, Hoa kỳ đã cho biết như thế trước nghị tài binh ở Genève mới đây.

Như vậy nếu chia đồng đều cho dân số giới thì trung bình mỗi người lớn nhỏ đều được 56 kim, tính theo giá chợ đen thì vào khoảng gần 25 ngàn bạc VN. Gia đình Việt Nam ít nhất cũng có 4 người vừa con nít vừa người, vậy sơ sơ cũng được 100 ngàn bạc một năm. Thời buổi kiếm

tiền, tiền bạc khó kiếm, số tiền trên quả là đáng thèm. Nếu mấy đàn anh lo chuyện gây sự, cả thế giới liệng hết võ khí, thương yêu nhau vui vẻ, rồi đem tiền chi phí quân sự chia cho mọi người thì đỡ biết mấy !

● Một em bé trai 5 tuổi thuộc Bang Hakka (nước Hẹ) trong tỉnh Quảng Đông hội đủ điều kiện để được chấp thuận thừa hưởng gia tài của một nhà triệu phú tại Hồng Kong đã chết tên là Cheung Kwok Sang.

Người ta vẫn biết rõ em bé tên là gì và từ đâu tới.

Các người giám hộ tài sản của ông Cheung đã nộp đơn tại tòa án tối cao xin phép cho em nhỏ trên được nhận làm con nuôi và được coi như người thừa kế gia tài trị giá khoảng 10 triệu đô la Hồng Kong (1,67 triệu Mỹ Kim); đơn này đã được tòa án chấp thuận.

Trường hợp này xảy ra vì ông Cheung, người đã chết năm 1944, viết trong chúc thư của ông vào năm 1933 là em bé trai được hưởng phần gia tài phải trên năm tuổi, phải mang tên của ông Cheung và gốc gác ở miền Hakka.

● Staline đã hạ sát vợ. Một người Nam Tư từng bị giam giữ trong các trại tập trung Nga Xô tại Tây Bá Lợi Á đã tiết lộ trên tạp chí Nam Tư «Nin» rằng chính Satalin đã hạ sát vợ và cái chết này được dàn cảnh như 1 vụ tự vận.

Tác giả bài báo trên là ông Rarlo Steiner, một đảng viên Cộng sản Nam Tư trước kia bị kết án 20 năm tù tại các trại tập trung Nga xô trong cuộc thanh trừng năm 1936 rồi được trả tự do năm 1956 và sau đó được Nga phục hồi danh dự.

Steiner đã thuật lại thời gian ông sống trong các trại tập trung dưới nhan đề «7000 ngày ở Tây Bá Lợi Á».

● Luật cấm quảng cáo thuốc hút đã được ban hành tại Tân Gia Ba.

Các nhà sản xuất địa phương và các đại lý nhập cảng thuốc lá đã gỡ các tờ bích chương và dấu hiệu quảng cáo khác các khách sạn, tiệm ăn và những nơi công cộng.

Nghị viện đã thông qua dự luật này ngày 30-12 năm ngoái,

in tất cả các hình thức quảng cáo. Các đài phát thanh và truyền hình này đã lập tức đình chỉ việc quảng cáo thuốc hút, làm họ thiệt mất 2 triệu tiền Tân gia Ba (khoảng 400.000 Mỹ kim) mỗi năm.

Hiện nay, chính phủ cấm hết hút thuốc trong xi nê và rạp hát. Các người vi phạm luật này sẽ bị phạt đến 500 tiền Tân Gia Ba (khoảng 165 Mỹ kim).

● Phụ nữ trí thức Pháp đã tỏ vẻ ủng hộ phá thai và ngừa thai. 343 phụ nữ Pháp thuộc các giới văn sĩ, điện ảnh, kịch trường, Luật sư vừa đăng bài trên báo "Nouvel observateur" ủng hộ vụ phá thai tự do và ngừa thai.

Trong số các người ký trong bài hiệu triệu này (tất cả thú nhận phá thai) có các nữ văn sĩ như Simone Sagan, các nữ nghệ sĩ như Françoise Fabian, Jeanne Moreau và Michelle Prest cùng các nữ luật sư như Gisele Malimi.

Bài kêu gọi này nhấn mạnh một triệu phụ nữ phá thai mỗi năm ở Pháp. Trong những điều kiện nguy hiểm vì cuộc phá thai phải lên tay, tốt hơn nên cuộc phá thai được thực hiện dưới sự kiểm soát y tế.

● Người có huyết áp cao nên coi chừng khi yêu đương. Người trung niên dù có áp suất huyết cao vẫn có thể giao hợp với điều kiện phải thảo luận với các y sĩ riêng trước và sau đó phải tìm hiểu xem việc giao hợp có ảnh hưởng đến sức khỏe không.

Bác sĩ Harley Williams đã viết trong cuốn sách "Con người và xuất huyết của bạn" do hội Y khoa Anh quốc phát hành là việc làm tình dục bất cẩn sẽ làm cho áp suất huyết của người mắc chứng này gia tăng, tuy nhiên, ông nói thêm là sự thoải mái sau khi làm tình, sẽ làm cho áp suất huyết hạ dần xuống.

● Thuốc DDT khiến phụ nữ hiếm hoi. Cơ quan bảo vệ môi trường HK cho biết sẽ thí nghiệm các loại thuốc trừ sâu mới bị nghi ngờ liên hệ đến sự hiếm hoi của phụ nữ để quyết định xem có nên sử dụng loại thuốc khác loại thuốc này hay không.

Ông William D. Ruckelshaus giám đốc cơ quan trên nói rằng thuốc DDT và bốn loại thuốc độc khác có thể vẫn được bán trên thị trường trong khi chờ có quyết định dứt khoát của cơ quan này.

Ông Ruckelshaus đã bác bỏ những đề nghị cấm bán các loại thuốc

nói trên trong thời gian cơ quan cứu xét có thể kéo dài một năm hay hơn, viện lẽ chưa đủ bằng có xác thực.

Tuy nhiên, ông Leroy Heinrich, một bác sĩ chuyên về bệnh phụ, và nhà vật lý học Ronald Gellert, cả hai đều là giáo sư đại học Washington, đã thông báo cho hội ung thư HK rằng nhiều dấu hiệu cho thấy có sự liên hệ giữa thuốc DDT và sự hiếm hoi của phụ nữ.

● Giống rùa bị dọa tiêu diệt. 12 chuyên viên nghiên cứu về giống rùa đã họp tại Morges để bàn luận về số phận của loại rùa lớn ở biên bị đe dọa diệt chủng vì nhu cầu về "súp" rùa, trứng rùa và đầu rùa đang gia tăng.

Các đại biểu tại phiên họp gồm các khoa học gia Hoa Kỳ, Úc Đại Lợi, Nam Phi, Mã Tây Cơ, Sabah và những đại diện tổ chức Lương Nông Liên Hiệp Quốc.

● Hiện có 60.000 người theo chủ nghĩa khóa thân ở Pháp. Tuổi trung bình của phụ nữ theo chủ nghĩa khóa thân là 36 tuổi và của đàn ông thích tắm nắng là 41 theo các bản thống kê vừa công bố tại Genève.

Liên đoàn quốc tế các tổ chức du lịch cho hay đa số các đàn ông theo chủ nghĩa khóa thân thuộc các cấp điều khiển và chỉ có 1/5 thuộc các cấp dưới.

Hơn 80% giới khóa thân là những gia đình, gồm những trẻ em dưới 15 tuổi.

Thiên đảng của chủ nghĩa khóa thân là Pháp quốc. Ở đây có ít nhất 60.000 người theo chủ nghĩa khóa thân tại 100 khu vực.

Hơn 25.000 người theo chủ nghĩa khóa thân ngoại quốc đã sống ở những khu vực này vào mùa hè năm 1969.

● Công chúa Anne và 1 người đưa ngựa Thế vận đẹp trai người Anh thời gian gần đây được gọi là bạn rất thân nhau. Điện Buckingham đã đính chính 1 bài báo Bì nói là nữ hoàng Anh đệ nhị và hoàng tử Philip đang cho công chúa Anne 20 tuổi đi du lịch vòng quanh thế giới để phá vỡ mối tình này.

Và Richard Meade, 31 tuổi, từng đoạt huy chương vàng Thế vận hội 1968, nói rằng, "mặc dầu anh và công chúa rất thân thiết" nhưng nói chuyện "tình duyên" thì hơi quá.



Đạo Phật Ngày Nay

Nguyên tác : Tiến Sĩ G.P. MALA LASEREPS
Bản dịch : THÍCH TRÍ CHƠN (Ấn Độ)

Có nhiều tôn giáo khác nhau. Tôn giáo này mang tính chất địa phương và bộ lạc, tôn giáo kia thích hợp cho vài dân tộc. Có tôn giáo lại phổ cập toàn thể giới và nhân loại. Như mọi vật ở đời, các tôn giáo đều phải chịu luật thay đổi. Trong lúc biến đổi như thế, những tôn giáo đã phát triển cao có thể duy trì căn bản giáo lý của chúng. Nhưng khi các tôn giáo này đem áp dụng vào mọi xã hội khác xã hội chúng đã phát sinh, những tôn giáo đó lại phải đương đầu với nhiều thử thách. Cũng do bởi nỗ lực để thích nghi và hữu ích mà những tôn giáo này đã tạo nên trong thời đại của chúng mọi sự phát triển cao quý về tinh thần. Ngày nay, các tôn giáo đang gặp phải nhiều thử thách lớn lao nhất, bởi chúng đang cần đến những hình thức cụ thể để chứng tỏ sự lợi ích và thỏa mãn đối với mọi nhu cầu và khát vọng của con người hôm nay.

Sự cần thiết của tôn giáo là ở đó và nhu cầu tôn giáo của con người ngày nay tuy bản chất không khác gì với thể hệ tiền nhân xưa, nhưng vẫn có nhiều sai khác, nếu

không hoàn toàn thì cũng có một số vấn đề đặc biệt đã trở thành đáng kể đối với niên kỷ hiện đại do bởi sự tiến triển của lịch sử và mọi đòi hỏi bất đồng mà chúng ta phải đương đầu. Khi va chạm với những nhu cầu này, các tôn giáo cổ xưa có thể cần được thêm vào giáo lý và giáo điều của chúng một hình thức mới, kết hợp giữa tân với cựu, tập quán với khoa học để chứng minh lý thuyết với sự thật. Không tôn giáo nào xứng đáng với danh nghĩa là tôn giáo duy nhất có thể truyền thừa một nền cựu tư tưởng.

Nhiệm vụ mới và căn bản của tôn giáo là tìm những phương pháp ứng dụng hữu ích mọi phát minh khoa học vào đời sống nhân loại, trình bày một tư tưởng hệ khá dễ tạo nên được cho chúng ta một niềm tin chung tổng quát về bản thể vũ trụ và những giá trị mà chúng ta tìm thấy trong thế giới với đầy tính chất nhân tính của chúng ta. Nhưng ngoài ra còn có nhiều điều cần được giải đáp khác. Có những vấn đề vượt ngoài thế giới này, huyền bí và thiêng liêng. Câu hỏi cần được trả lời khi nó hiện đến với chúng

ta là : Con người là chủ nhân ông hay một cái máy ? Trả lời được điều này tức sẽ dẫn đến cuộc cách mạng tinh thần có thể khiến con người thay đổi hoàn toàn thái độ đối với cuộc đời và mọi hiểu biết căn bản về sự sống. Ngày nay đa số mọi người nam nữ đều sống trong sự lo âu và bất an. Họ cảm thấy phải đối diện trước một thế giới họ chưa bao giờ tạo nên, một thế giới quá bao la và phức tạp hiện ra như thách đố nỗ lực nhân loại và lãnh đạm nếu không hẳn là đối với mọi khát vọng của con người.

Đức Phật dạy rằng giáo lý của Ngài là một tôn giáo vĩnh cửu, thích hợp với mọi thời đại. Điều ấy có thể còn duy trì trong thế giới ngày nay không ? Câu hỏi không phải là Phật giáo có thể đáp ứng mọi câu trả lời đặc biệt về những vấn đề của thời đại hạch tâm ngày nay hay không mà là đưa ra một nền tảng giáo lý trong đó chúng ta có thể tìm thấy những giải đáp hữu hiệu cho những vấn đề nêu trên. Lịch sử của thế giới xây dựng trên sự xuất hiện của những ý tưởng và nhân loại ngày nay có đời dào ý tưởng hơn nhiều thế hệ trước. Các dân tộc thế giới hình như đang tiến đến một kỷ nguyên hòa bình và phát triển thực sự cả hai mặt vật chất lẫn tinh thần. Có nguồn hy vọng mới và một sự hiểu biết sáng suốt đang phục hưng, sẽ ảnh hưởng quyết định đến vận mạng con người. Nhân loại quá khứ đã từng có thời kỳ tiến bộ vượt mức và bây giờ hình như chúng ta cũng sắp tiến đến giai đoạn ấy. *Chúng ta hiện sống trong tình trạng*

mà mọi việc đều có thể xảy ra, hoặc hết sức nguy hiểm hoặc hạnh phúc vô cùng. Loài người sẽ có thể tận diệt bởi chính mình hoặc một sức mạnh tinh thần có thể phục sinh và một kỷ nguyên mới sẽ bắt đầu.

Nhìn cảnh tượng thế giới ngày nay thật giống như một bức tranh hỗn tạp, đầy dẫy sự hỗn loạn, chống đối ý thức hệ, năng lực giết người và mọi hành động sản hận chuẩn bị cho chiến tranh. Nhưng nếu nhận xét kỹ hơn, chúng ta cũng thấy có một sự tiến triển đều đặn, nhịp nhàng của nhân loại đang hướng về thiện chí và hiểu biết, đoàn kết và thống nhất mọi nỗ lực hữu ích của con người. Theo quan niệm Phật giáo, con người không thể thả buông xuôi theo phận số mà nhân loại tự có đủ năng lực làm chủ vận mệnh mình. Tương lai chúng ta do chúng ta quyết định. Chúng ta có thể sáng suốt hướng dẫn bước tiến của loài người. Ý tưởng cho rằng chúng ta là những sinh vật nổi trôi, sẽ bị dập vùi bởi dòng nước lũ và nhận chìm xuống vực thẳm trong một trận hồng thủy, chính là triết lý của tuyệt vọng và Phật giáo không bao giờ dạy bất cứ một triết lý nào như thế. Mọi sự bất an, tai họa chiến tranh đe dọa tận diệt loài người, ngay từ lúc ban sơ những điều này đã làm khổ đau con người. Cho nên đó không phải là một hiện tượng mới lạ. Điều mới lạ là sự tiến bộ vượt mức của khoa học và kỹ thuật ngày nay đã tạo nên cho chúng ta những khí cụ để hướng dẫn một cuộc sống mà hình như chúng ta không đủ năng lực

chủ. Chúng đe dọa thân tóm
bữa chúng ta vắng đi xa
chúng ta không có sức đề ngăn
chúng. Ngoại vật đã bắt đầu
soát cuộc sống ta chúng ta. Sự
g bằng, bình an và yên tĩnh
tránh chúng ta. Chúng ta đã
thành những kẻ chán chường,
mỏi, bất lực không thể cố
g để làm chủ chính mình. Con
đi đang tiến trên con đường
dần nhân tính.

trong tình trạng nguy hiểm
Phật giáo có phương pháp
rướng dẫn con người không?
t giáo dạy rằng mỗi con
đi phải chịu trách nhiệm lấy cá
n mình. Cuộc sống chúng ta
thuộc mỗi chúng ta. Và chúng
t được quyết định bởi một
t, duy nhất chỉ một điều là
TÍNH CHUNG TA. Không ai
không có vật gì khác có thể
y chúng ta giải quyết được.
o nên chúng ta phải tự mình
h đoạt, nghĩa là chúng ta quyết
bng làm nô lệ cho máy móc.
úng ta phải tự giải quyết đề
lại nhân cách, sự toàn thiện và
hức bản thân, hầu xứng đáng
trị của địa vị con người. Điều
y duy nhất chỉ có thể thực hiện
a sự phát triển tinh thần và tu
a tâm niệm, được xem như
o tàng quý báu nhất của chúng
t. Chính bởi những lời dạy tu
yện bản tâm và những phương
áp nhờ đó con người có thể đạt
n khả năng sáng suốt và giác
tộ nội tâm mẫu nhiệm của mình
vũ trụ mà Phật giáo đã trở
ành tôn giáo có thể đóng góp
nhiều lợi ích nhất cho thế kỷ hôm
ay.

Nền tảng đề tu luyện bản thân
là tự giới mình và ở đây đức
Phật không chỉ thuyết bày cho
chúng ta một hệ thống lý thuyết
suông mà cả một phương pháp
sống đang được nhiều dân tộc trên
thế giới ham chuộng thực hành.
Chấm dứt điều ác, chúng ta phải
biết làm lành và giữ tâm ý trong
sạch, nguồn gốc tạo nên hạnh phúc
và hòa bình.

Ngoài ra, những phương pháp
phát triển tinh thần như quán
tưởng, thiền định cũng được đức
Phật đề cập đến. Giáo lý và những
lời răn dạy này không có gì huyền
bí mà rất phổ thông dễ dàng cho
những ai muốn tìm hiểu. Đó
là con đường mở rộng cho tất cả.
Thế giới đang khao khát hòa bình.
Nhưng chừng nào tâm chúng ta
chưa bình và con người còn gieo
rắc những mầm mống chiến tranh,
chừng đó thế giới chưa thể có
hòa bình. Nguyên nhân mọi cuộc
chiến tranh đều phát sinh từ sự
tranh chấp giữa hai bản tính xấu
và tốt nơi mỗi tâm niệm con người.
Và chúng chỉ sẽ chấm dứt khi
nào chúng ta thắng được cuộc
tranh chấp nội tâm này.

Gần đây, chỉ những nhà khoa
học Tây phương mới đặt trọng
tâm nghiên cứu đến địa hạt tâm
thức được xem như một vũ trụ
vô hình và bao la nhất của con
người. Trong khi họ tiếp tục thăm
dò vào thế giới sâu kín này, cùng
lúc chúng ta hy vọng họ có thể
khám phá được những bí ẩn của
thế giới vật chất chừng đó một kỷ
nguyên mới sẽ hiện đến với
nhân loại. Chúng ta đang sống
trong một thế giới thay đổi lớn

lao và con người còn tiến xa nữa
trong phạm vi khoa học, có thể đạt
được nhiều kết quả vĩ đại hơn cả
quyền làm chủ ngoại giới. Những
thành tích khám phá được của con
người trong thế giới vật chất sẽ
giúp chúng ta tin tưởng để thành
công trong việc nghiên cứu thế
giới tinh thần. Thế giới hình như
đã chuẩn bị sẵn sàng cho một
cuộc cách mạng mới trong địa hạt
tư tưởng (tâm linh) và chắc đã
đến lúc Phật giáo đứng ra đóng
vai trò của mình. Chúng ta
cũng đừng quên rằng ngay từ
xưa, khi đức Phật bắt đầu chứng
đạo Bồ Đề, Phật giáo đã là nhà
cách mạng chống lại mọi tập quán
và những giáo lý đương thời không
chân chính rồi. Trong mọi thời đại,
sự tiến bộ chỉ tạo nên được nhờ ở
tinh thần sáng suốt, can đảm và

công trình của những kẻ dám mạo
hiểm tiên phong. Chúng ta phải
sớm mở một con đường dành cho
chuyển khởi hành xa xôi của chúng
ta, nhưng còn bao lâu nữa chúng
ta mới sẽ thực hiện được một cuộc
khám phá đi sâu vào địa hạt
tâm linh và tinh thần của
chúng ta? Đến ngày ấy, như trong
kinh Phật ghi chép là thời kỳ đức
Tỳ Tôn Di Lạc (Maitreya) xuất
hiện trong thế giới, lúc mà cuộc
đời này sẽ được chan hòa ánh
sáng của Giác Ngộ, Tình Thương
và Hòa Bình.

Trích tạp chí The Middle Way,
Vol. XL, No. 3,
Hội Phật-giáo (The Buddhist
Society), Luân-Đôn (Anh-quốc)
Đại-Học-Viện Nalanda,
THÍCH-TRÍ-CHƠN





PHẬT GIÁO A, B, C

*Trình bày tất cả những chi tiết khái quát và
tiêu biểu nhất về đạo Phật*

• NGUYỄN THANH HÀ

NẾU trên thế giới có một tôn giáo nào được xem như có nhiều tín đồ nhất, thì tôn giáo ấy chính là đạo Phật vậy. Nơi có nhiều tín đồ Phật Giáo nhất là Á Châu và một vài đảo ở Thái Bình Dương. Tín đồ Phật Giáo chiếm đa số tại các nước Trung Hoa, Nhật Bản, Tây Tạng, Thái Lan, Kampuchea, Ai Lao, Tích Lan và Việt Nam. Tại Ấn Độ, nơi phát xuất đạo Phật, Phật Giáo cũng có một số lớn tín đồ trung thành, mặc dù tôn giáo xuất hiện trước và cũng là tôn giáo chính của quốc gia này là Ấn Độ giáo.

Phật giáo do Đức Phật sáng lập. Phật có nghĩa là « Giác » tức là người hiểu biết mọi sự, sáng láng vì đã đạt đến giai đoạn tuyệt hảo về trí tuệ cũng như về tinh thần.

Tùy theo các tín đồ Phật Giáo, mỗi giai đoạn lịch sử lại có một vị Phật khác nhau. Mỗi khi loài người mù quáng đánh mất chân lý thì lại có một vị tiên, tri xuất hiện để dẫn dắt họ tìm đến ánh sáng của chân lý. Đức Thích Ca Mâu Ni tức Thái Tử Tất Đạt Đa, con trai của Tịnh Phạn Vương sinh tại thành Ca tỳ la vệ vào khoảng năm 565 trước Thiên Chúa Giáng Sinh

(1) là vị Phật thứ tư, theo sự tin tưởng của tín đồ Phật giáo từ ngàn xưa.

Ngày xưa người ta đã tỏ ra hết sức nghi ngờ sự xác thực về cuộc đời của đức Phật cho đến khi người ta tìm thấy một tài liệu đầy đủ chứng minh sự hiện hữu của ngài. Trong số những dấu tích ấy người ta có thể kể những dấu tích được xem là quan trọng nhất như cây cột trụ tìm thấy ở Rumindei (cây cột này đã được tái thiết vào năm 249 trước Thiên chúa giáng sinh dưới triều đại của A Dục Vương) và trên cột có khắc dòng chữ sau: Nơi đây là chỗ mà con người vinh hiển nhất đã sống; và chiếc bình chứa kim thân Đức Phật. Ngoài ra còn có những áng văn hết sức xưa cũ cho ta thấy những chi tiết quan trọng về đời sống của Thái Tử Tất Đạt Đa.

Cuộc đời và triết thuyết của Đức Phật

Vì là con vua nên những năm đầu tiên Đức Phật sống trong cảnh chăn êm nệm ấm tại cung điện của vua cha, nơi mà ngài đã chú tâm để học văn chương và âm nhạc. Sau đó, ngài bỗng cảm thấy chán đời sống nhung lụa xa hoa ấy, và lại bị xúc động trước những khổ não của dân chúng mà tình cờ Ngài trông thấy được mặc dù Tịnh Phạn Vương đã hết sức che giấu, vì thế Ngài từ giả vợ con để đi sống một đời khổ hạnh.

Theo phong tục Ấn Độ, ngài cũng mặc áo vàng của các tu sĩ, và trở thành môn đồ của đạo Bà La môn. Nhưng triết lý và sự hành

xác của đạo Bà la Môn đối với Ngài dường như không đủ để giải quyết vấn đề trầm trọng nhất của nhân loại, đó là vấn đề đau khổ. Vì thế Ngài liền rời bỏ những bậc thầy của mình, nhất quyết đơn độc đi tìm con đường giải thoát.

Huyền thoại kể rằng Thái Tử ngồi ngay thẳng dưới gốc cây Bồ Đề mặt quay về hướng Đông mà trầm tư mặc tưởng. Ngài phát nguyện rằng nếu không chứng được đạo Vô Thượng Đại Bồ Đề thì Ngài quyết không rời bỏ chỗ ngồi này. Chân lý đã hiện đến với Ngài vào ngày thứ 49. Thái Tử Tất Đạt Đa đã tìm thấy không phải cho riêng mình mà cho toàn thể chúng sinh, con đường dẫn đến Niết Bàn, chân hạnh phúc tối thượng.

Sau đó Đức Phật mở cuộc thuyết pháp đầu tiên tại Bénarès, thành phố thánh địa của Ấn Độ, nơi đây ngài đã thu nhận những môn đệ đầu tiên. Sau đó ngài đã cùng các môn đệ đi khắp nước Ấn Độ, thuyết pháp tại từng thôn xóm nhỏ và từ thành phố này sang thành phố khác. Mặc dù phải chịu nhiều ngược đãi song ngài vẫn thu hút được rất nhiều người tin theo triết lý của ngài. Cuộc du thuyết của ngài kéo dài trong suốt 45 năm.

Ngài nhập Niết Bàn năm 486 trước Thiên Chúa giáng sinh, sau khi đã đọc trước các môn đệ bài thuyết pháp cuối cùng khuyến khích họ làm việc trong sự sáng suốt để giải thoát chúng sinh.

(1) Xin xem bài « Khi Đức Phật xuất hiện » cũng trong số báo này

Vì trước kia Đức Phật đã thấm nhuần một nền giáo dục thành hình bởi những nguyên tắc giáo lý của Ấn Độ giáo nên trong việc soạn thảo triết lý mới có một vài điểm căn bản trùng hợp với Ấn Độ giáo. Những điểm trùng hợp giữa Phật Giáo và Ấn Độ giáo là:

- 1) Ý nghĩ về sự đầu thai.
- 2) Triết lý về chữ Nghiệp (Con người sẽ được thăng thưởng hay đầy đọa trong kiếp sau tùy theo hành động của họ trong kiếp này).
- 3) Quan niệm rằng sự giải thoát cốt là ở chỗ rời bỏ những của cải của thế giới này, đó là trung tâm của u mê và đau khổ.
- 4) Muốn đạt được sự thanh thoát, điều cần thiết là phải vượt qua sự khổ ải, những dục vọng và tham vọng.

5) Nhận xét rằng mọi việc trên thế gian này đều tạm bợ và chỉ có bề ngoài.

6) Nhận xét về nguyên tắc từ bi nhân nhục và thương xót đối với mọi người, mọi vật.

Điều mới lạ, trong những bài thuyết pháp của Đức Phật là cốt ở việc dạy bảo chúng sanh triết lý về sự chuộc tội, về khát vọng được đạt tới tình trạng sáng suốt hoàn toàn, mọi khổ ải đều tiêu tan đó là Niết bàn (Nirvana)

Ngoài ra để chống lại việc phân chia giai cấp của Ấn Độ giáo, ngài dạy rằng tất cả mọi người đều bình đẳng với nhau về trí tuệ, mỗi người đều mang trong người mầm mống của sự hiểu biết.

Đề đạt tới sự bình đẳng đó, con người phải đi theo con đường trung dung, có nghĩa là một đời

sống ôn hòa, tiết độ, tránh xa mọi trạng thái quá đáng, bởi vì tất cả những sự quá độ đều đưa con người đi ngược lại lý tưởng trên.

Những điều căn bản của giáo lý nhà Phật là bốn chân lý mà tiếng nhà Phật gọi là: «Tứ Diệu Đế». Tứ Diệu Đế gồm:

a-) **Khổ đế**: Sự đau khổ bao la không bờ bến và theo sát con người cho đến suốt đời.

b-) **Tập đế**: Những nguyên nhân của đau khổ là do ở dục vọng muốn hưởng thụ và lòng ước muốn hạnh phúc.

c-) **Diệt đế**: Muốn diệt trừ đau khổ chỉ có cách là chế ngự mọi dục vọng.

d) **Đạo đế**: con đường dẫn đến Niết Bàn gồm «bát chánh đạo»:

1) **Chánh kiến**: Giữ giữ một quan niệm xác đáng về bốn đế.

2) **Chánh tư duy**: Suy xét nghĩa tứ diệu đế một cách không sai lầm.

3) **Chánh ngữ**: Giữ gìn lời nói chân thực, hòa nhã.

4) **Chánh nghiệp**: Giữ gìn hành vi chánh đáng, thiện mỹ.

5) **Chánh mạng**: Sống bằng một nghề chánh.

6) **Chánh tinh tấn**: Thăng tiến trên con đường đạo không chịu giạt lùi hay bẻ quanh vào đường tà.

7) **Chánh niệm**: Tâm trí bao giờ cũng suy nghĩ đạo lành, không để một niệm tà len lỏi vào.

8) **Chánh định**: Luyện tập khiến hết thấy ý nghĩ và tình cảm cùng chảy một chiều theo con đường vạch sẵn trong Tứ Diệu Đế.

Bởi vì kiếp sống con người bị nối liền vào bánh xe luân hồi nên

có thể chỉ đạt tới Niết Bàn sau khi đã qua nhiều kiếp sống, nhưng phải luôn luôn theo con đường trung dung, bát chánh đạo và ba chiều hướng: luân lý, sự tập trung và sự khôn ngoan. Luân lý ấn định hành động và lời nói cho con người, sự tập trung dẫn đến sự khôn ngoan cho phép con người phân biệt đâu là giả dối đâu là chân thật.

Phật giáo như thế là một hệ thống triết lý hơn là một học thuyết tôn giáo; đó chính là qui tắc cho đời sống. Cho đến ngày nay cũng thế, người Phật tử chân chính là người theo đúng những lời giáo huấn của đức Phật. Sự tu hành của mỗi người chỉ cứu độ được cho chính mình vì Đức Phật đã nói rằng Phật đưa đường dẫn lối, mọi người phải tự cứu lấy mình chứ không thể chờ đợi sự giải thoát ở người khác...

Tổ chức tôn giáo của đạo Phật

Người ta không biết đích xác hệ thống đẳng cấp của Phật Giáo được thành lập từ khi nào. Người ta có thể thấy khởi điểm là vào lúc đức Phật nhận hàng đệ tử gọi là Tỷ kheo, mặc dù lúc đó hàng đệ tử này chưa thành lập đẳng cấp và chưa có y trang riêng biệt.

Các tu sĩ Phật giáo không có sứ mạng giống như những giáo sĩ hay chức sắc ở các tôn giáo khác, vì đạo Phật không phải là một hệ thống chỉ gồm những tín điều, cũng không phải là một hệ thống chỉ gồm nghi lễ bề ngoài. Và vì Phật giáo chủ trương xa lánh cuộc sống vật chất nên Phật giáo không

có một quyền hành trung ương để theo đuổi những quyền lợi thiết thực của người Phật tử. Hiện nay thì có Hội Phật Giáo Thế Giới Phụng Sự Xã Hội do Thượng Tọa Thích Tâm Châu sáng lập nhưng Hội này không có quyền hành đích thực, chỉ có tính cách xã hội và không qui tụ được tất cả các Giáo hội trên thế giới.

Trong tổ chức Phật giáo có hai hạng: đệ tử tu tại gia và đệ tử xuất gia, tức các tăng, ni. Các Phật tử và tu sĩ đều phải theo những giới luật như là: không sát sanh, không trộm cắp, tránh vật dục, không nói láo, không dối gạt, tránh rượu chè. Hơn nữa những hành động phải phát xuất từ bốn đức tính từ, bi, hỷ, xả. Những Phật tử tu tại gia thì nên có những hành động hướng về đạo pháp như đi hành hương, xây dựng và gìn giữ các chùa chiền.

Nhưng người Phật tử hoàn toàn nhất là vị tu sĩ xuất gia đã theo đúng con đường của chân lý. Chính vị này là người được giao phó nhiệm vụ giáo dục các thanh thiếu niên, cử hành các tang lễ hoặc các cuộc lễ ở đền chùa. Vị tu sĩ ấy phải tôn trọng ba nguyên tắc: thanh bạch, từ bi và độ thân. Thông thường các tu sĩ Phật Giáo phải ăn chay và chỉ ăn một bữa vào đúng Ngọ. Thức ăn là những gì dân chúng cúng dường cho họ. Họ không có vật gì làm của riêng ngoại trừ cái bát đàn đề đựng thức ăn, một cây kim và một chuỗi tràng hạt.

Những buổi lễ Phật Giáo phần nhiều là để giảng lại những bài thuyết pháp của Đức Phật, đề tạo

cách long trọng cho sự qui y pháp của những người mới đạo, hay đề ghi nhớ những lễ đặc biệt tại các đền chùa. Ngôi chùa thường tạc trụ rất u di tích của Đức Phật như Xá Lợi, bút tích, kinh kệ, ảnh của Đức Phật.

ác tượng Phật cũng được tạc mọi người thờ cúng. Tuy n đó cũng không phải là hình thật của Đức Phật, mà chỉ là ng hình ảnh tượng trưng để sống lại kỷ niệm của Đức Phật. họa sĩ hay điêu khắc gia đã vẽ hình ảnh của Đức Phật tùy ý nghĩ và trí tưởng tượng họ. Ngày nay hình ảnh của Phật tại các quốc gia theo giáo có thể nói là hoàn toàn nhau.

Thành trưởng của Phật giáo ngoài lãnh thổ Ấn Độ

ốt ba thế kỷ đầu kể từ khi Đức nhập Niết Bàn, đạo Phật được n bá một cách mau chóng khác ng tại khắp nước Ấn Độ và Lan. Đức vua A Dục, vị vua Ấn Độ từ năm 272 đến năm trước Tây Lịch đã tuyên bố Phật là Quốc Giáo. Nhưng, thế kỷ sau Phật Giáo lại bị và dân chúng vì không chịu ngược đãi đã quay về với độ giáo, vì thế các đệ tử của Phật liền mang lời Phật dạy yết pháp tại các miền đất xa

ở thế kỷ đầu tiên của Tây ác tu sĩ Ấn Độ đã vượt qua ỹ núi để đến Trung Hoa bá tư tưởng Phật giáo, trong c nhà thông thái Trung Hoa được lại, sang Ấn Độ để tìm

hiểu, phiên dịch các sách kinh kệ và lý thuyết Phật giáo để sau đó mang về nước nghiên cứu.

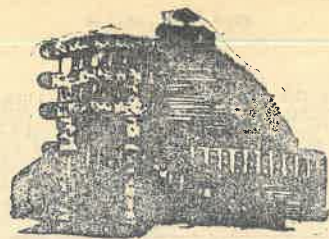
Sau đó triết lý Phật Giáo sang đến Đại Hàn và Nhật Bản, và đặc biệt thành công lớn tại Tây Tạng, xứ được xem như là quốc gia Phật Giáo mạnh nhất. Cuối cùng nhờ các cuộc thương mại hàng hải, đạo Phật lan tràn đến phía Nam, xâm nhập các nước Thái Lan và Miến Điện.

Tại Nhật Bản, mặc dầu có sự chống đối của Thần Đạo nhưng đạo Phật vẫn giữ một địa vị khá quan trọng, và chia ra làm hai phe phái : phái Schin-Shu khá phổ thông và phái Thiền (ZEN).

Vài nét về Phật giáo ở Việt Nam

Phật giáo Việt Nam du nhập từ Trung Hoa, phát triển mạnh vào dưới thời Lý Phật giáo lúc đó được xem như là Quốc giáo. Sau đó, tuy có nhiều lần thăng trầm, nhưng luôn luôn Phật giáo chiếm một vai trò quan trọng bậc nhất trong sinh hoạt tôn giáo Việt Nam. Trong khoảng vài năm trước năm 1963, Phật giáo bị chính quyền đệ nhất Cộng Hòa kỳ thị và chính Phật giáo là một yếu tố quyết định trong cuộc Cách mạng lật đổ chế độ Ngô đình Diệm ngày 1-11-1963.

Từ năm 1965 đến nay, nội bộ Phật giáo bắt đầu rạn nứt và chia làm hai phía rõ rệt: phía Việt Nam Quốc Tự và phía Ấn Quang với hai hệ thống giáo hội riêng biệt. Dù có sự lung củng nội bộ, Phật giáo vẫn là tôn giáo mạnh nhất và có ảnh hưởng nhất tại Việt Nam.



Cách đây 36 năm Lễ Phật Đản ở Huế như thế nào?

• ÁI LAN

NĂM 1935, Hội Phật Học ở Trung Việt Thần Kinh Huế, do cựu Thượng Thư Bộ Hộ, cụ Nguyễn khoa Tân làm Hội Trưởng, Bác sĩ Lê đình Thám Phó hội Trưởng, có tổ chức cuộc lễ Phật Đản đức Phật Thích Ca rất long trọng. Chưa từng thấy một cuộc lễ nào long trọng ở Huế, từ trước đến bấy giờ.

Quang cảnh Đê đô Huế thật là huy hoàng, rộn rịp. Nhà nào có đạo Phật hay đạo thờ cúng ông bà, đều treo cờ kết hoa, giăng đèn lồng rực rỡ. Đèn làm bằng giấy sुरूn tre, bề hình hoa sen, phát giấy hồng, giữa nhụy hoa đốt đèn hồng lập, gần dãi trước nhà, ban đêm đốt đèn lên sáng rực và chiếu ra màu hồng rất đẹp.

Ngày mồng bảy, trời đang nóng bức, chiều đến, trời lại âm u, không sao không trăng, ai nấy đều lo lắng sợ sẽ có trận mưa

bất thường đêm nay thì công trình trang hoàng đèn hoa lồng lầy đó sẽ bị mưa phá hủy, hoài công sửa soạn bao nhiêu ngày trước của ban tổ chức và nhân dân Phật tử.

Nhưng rất may trời đương vẫn vũ thì bỗng một trận gió thổi tới, quét sạch những đám mây mù, nền trời trở nên trong sáng, con trăng thượng tuần lại lộ dạng và muôn vì sao lấp lánh trên nền trời.

Tại chùa Bảo Quốc, một ngôi chùa chung của nhà nước và nhân dân, cỗ kính lớn lao, trang trọng của Thủ đô, do nhà Nguyễn sáng lập hơn một thế kỷ, nằm trên một cái đồi cao, đã rộn rịp hàng ngàn Phật tử và các chư tôn Hòa thượng, tăng ni từ chư sơn cùng nhiều chùa khác tề tựu đông đủ, chờ làm lễ.

Áo già áo lam chen lẫn với quần hồng áo tía của thiện nam tín nữ, và Phật tử các nơi tựu về, phát

hời như trăm hoa đua nở trước
lỗ xuân, như ngàn bướm lượn bay
vào đón kim thân đức Phật.

Con đường trước chùa ngày
trường vắng vắng vẻ, tịch mịch,
ay bỗng dưng trở lên náo nhiệt
thường. Người đông chen chân
không lọt. Ai nấy đều chú ý nhìn
n ngôi chùa cao trên đồi, với cửa
m quan sáng đẹp, chạm trổ tinh
c, cổ kính dưới trăm ngọn đèn
ng kiếng mà đợi Phật Thích Ca
a ánh từ bi xuống chúng sinh.

Từ con đường trước chùa Bảo
Quốc, đám rước kim thân đức
Phật phải đi qua đường Nam Giao,
rờng Jules Ferry, cầu Thành
Thái, rồi đường Faul Bert, cầu Gia
Lợi và đường Đồng Khánh. Kẻ đi xem
rưng chật cả hai bên đường theo
trình của đoàn cung nghinh kẻ
n, ai có việc gì gấp rút cũng
lại chen lấn, len lách một cách
ổn nhọc lắm mới qua được đám
rưng người ấy. Thật không thể
tượng tượng được số người đông
o đi cung nghinh Phật Tồ như
ế. Xưa nay ở Huế chưa
cuộc lễ nào mà dân
úng cổ đô Huế hưởng ứng nồng
liệt như vậy, dầu những cuộc
tế Nam giao, hay lễ vi của nhà
a cũng vậy.

Trong chùa, giữa sân, trước
n, hai hàng Sư và Tiểu cầm
n hoa sen giờ cao, chờ rước
c Phật, các thiện nam tín nữ và
ật tử làm lễ không ngớt. Hồi
uống trông bát nhã báo hiệu cho
ng chúng biết giờ Phật ra đi. Tất
sư soạn lại khăn áo. Vị đại sư
Đa Tuý Vân ra trước điện bạch
ật xin thỉnh Phật về chùa Diệu

Một đội nhạc sĩ hòa tấu nhạc
bát âm. Thiên hạ nhón nhào
náo nức ngàn người như một,
thốt lên: Phật gần đến! Phật sắp
giáng lâm! Tất cả nhào nhào chờ
đón nhón gót tìm nhìn đám rước
Kim thân Phật Tồ. Đám rước dài
đến 600 thước, đã bắt đầu lộ dạng.
Dẫn đầu, hai vị trong ban tổ chức
cầm một cây đèn hơi (lampe à
acétylène) và hai cây đèn sáp lớn.
Tiếp theo đó, một lồng đèn giấy lớn
có đề chữ Hán và chữ Việt
nói rõ ngày nay là ngày Phật
Thích Ca giáng thế Hai bên lồng
đèn này, có hai đèn hoa sen lớn.
Kế đó là hai hàng sư mặc áo cà sa,
thời tử và và niêm: « Nam Mô
Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ».
Đi kèm hai bên, có hai dãy các
thầy Sa di cầm đèn hoa sen sáng
rực màu hồng. Ban hát đồng ấu gồm
hai toán, đi trước là trai, đi sau
là gái, xen vào giữa, đồng phục áo
hoa, tay xách đèn và cầm bài giấy
(tấm bằng bằng giấy bồi có cán
cầm) vừa đi vừa hát chúc mừng
Phật, làm tăng vẻ uy nghi cho đám
rước. Sau ban hát đồng ấu là các
Đại sư mặc lễ phục, theo hầu Phật.

Bây giờ tượng Phật đã về tới
chùa. Tượng bằng đồng mạ vàng,
cao 45 phân tây. Lúc này đức
Thích Ca mới sanh, đương là một
Đồng Cung Ấn Độ. Tay phải ngài
chỉ xuống đất, tay trái ngài chỉ lên
trời, ngài đứng trên bờ hồ sen và
dưới gốc cây bồ đề. (Cảnh
làm giả tượng trưng) Trước
tượng Phật, có hai thiếu nữ người
Trung Hoa ăn mặc rất đẹp tay
thỉnh thoảng tung những cánh sen
ra chung quanh, để gọi là Phật
ban bố hồng phúc cho thiện
nam tín nữ hai bên đường,

sau lưng Phật là một
ngôi tháp giả làm bằng lá dừa tươi
năm tầng, nhắc lại ngày xưa, nơi
Phật Thích Ca thuyết pháp. Cuối
cùng, ba vị Hòa Thượng chùa
Diệu Đế, chùa Thiên Mụ, chùa
Bảo Quốc ngồi trong xe hơi của
bác sĩ Lê Đình Thám, đi theo hộ
giá Phật Tồ và tụng niệm.

Đám rước đi qua đường nào,
người đi xem đều cúi đầu, chấp tay,
niêm Nam mô A Di Đà Phật, tất
cung kính và thành tâm. Mỗi vài
bước tới của đám rước là mỗi đốt
pháo. Người đi theo đám rước và
người đứng hai bên đường mỗi
phút mỗi đông thêm. Dưới sông
Hương, hai chiếc « Thê bằng »
(thuyền xen lại làm bè) trần thiết
trang hoàng thật là đẹp để rực rỡ,
đèn lồng kiếng, đèn hoa sen kết
thành hàng sáng rực đủ màu. Trăm
hương, hoa quả, chờ đám rước
tại cầu Thành Thái. Rồi chiếc thê
bằng chèo nép vào bờ sông, theo
sau những chiếc thuyền khác của
tư nhân cũng trang hoàng rực rỡ
đi từ từ theo đám rước trên bờ,
đến chùa Diệu Đế.

Cửa chùa Diệu Đế trần thiết
rực rỡ, trên tam quan có bảng
đề chữ thật lớn: « Phật Khánh
Đản » bằng đèn điện kết lại, chớp
nháy liên hồi, thật là đẹp và lạ
mắt với đồng bào Huế lúc bấy
giờ. Vào giữa sân, một bức chân
dung của Phật có hào quang (làm
bằng điện) chiếu diệu quanh ngài,
cặp mắt từ bi nhìn chúng sanh
như thương xót. Dưới chân ngài
có bốn chữ « Phật nhật tăng huy ».
Người đi chiêm bái, vào chùa
đông đảo như nêm, đến nỗi có
người ngất xỉu.

Chín giờ rưỡi tối, đám rước đến
chùa. Các Đại sư nghinh đón
tượng Phật vào chánh điện an vị.
Các vị Hòa Thượng làm lễ, rồi
đến chư tôn Thượng Tọa, Đại
Đức, Tăng Ni, và Phật tử. Tiếng
chuông trống inh ỏi cả một
góc trời thủ đô cổ kính.
Mùi trầm hương ngào ngạt,
theo làn khói hương tỏa khắp vùng
đánh tan mùi uế浊 của tục lụy.
Giữa sân, ban văn nghệ Phật tử
ca vũ dâng hoa, dâng đèn.

Đến 11 giờ Thượng Tọa Thích
Giác Nhiên thuyết pháp với đề tài
« Bát Nhã Tâm Kinh ». Người đông
thêm, chen lấn vào gần để được
nghe thuyết pháp như một đám
rừng dày mật.

Ngày mồng tám tháng tư, 8 giờ
sáng, là lúc Phật Thích Ca giáng
thế, ngài từ trong lòng mẹ ra; Cả
chư sơn chùa chiền khắp cả xứ
Huế đều nổi lên chuông trống bát
nhã, lay động cả thôn quê, thành
thị và núi đồi. Người ta tấp
nập kéo nhau vào chùa lễ
Phật. Tại chùa Diệu Đế
ba vị Tăng can làm lễ, các đại sư
sắp hàng hai bên tụng niệm. Hội
viên Hội Phật học có đánh huy
hiệu riêng trước ngực, xấp hàng
lạy Phật.

Lễ xong thiện nam tín nữ và
Phật tử chen chúc nhau lạy Phật
mãi không ngớt.

Kể lạy trước xong rồi thì lui ra
người chờ đợi kể bên vào thay
chỗ, không còn một chỗ trống nào.
Mãi đến 12 giờ, chùa Diệu Đế và
các chùa khác cũng làm lễ niệm
hương, chuông trống bát nhã lại
nổi lên như lúc ban mai.

Trời ở Huế tháng này nóng như
lửa, nhưng người đi lễ Phật
n cứ đông. Đến hai giờ trưa,
trời đi dự lễ chen lẫn nhau như
m trước. Ba giờ, Tì Kheo sư
Thích Diệu Hương thuyết pháp
đề tài « A Di Đà Kinh »

Tiếp theo sư cô Thích Diệu
Hương, có ni cô Thích Diệu Viên
thuyết pháp về vấn đề « Phụ Nữ
và Phật Học ». Ni cô giảng giải rất
y, khiến thính giả lấy làm tâm
c. Ni cô Thích Diệu Viên người
Sơn Tây (Bắc Việt) chồng chết
lâu nên xuất gia học Phật. Bà
he ở Huế có Hội Phật học, nên
ở Huế đề nghiên cứu Phật học.

Đại khái bài thuyết trình của
ni cô Thích Diệu Viên nói về « Phật
học với phụ nữ » :

« Đạo Phật vô lượng vô biên,
nghĩa sâu xa, mầu nhiệm. Lợi
của Phật học đối với phụ nữ vô
cùng tận. Tánh tình và trách
nhiệm phụ nữ có ba phần quan
trọng đối với sự tu học :

« Một, là vì phụ nữ đa sầu đa
m, thường gặp sự không may.
Những cảnh thâm mục thương tâm
trường làm cho đau đớn sầu khổ,
nhìn đời bằng cặp mắt bi
an, lãnh đạm, thờ ơ. Vậy ta
nghiên cứu triết lý cao siêu
của Phật mới xét rõ được nguồn
cớ sự đau khổ để diệt được tánh
cảm đa sầu, cho đến khi còn
nhàn an nhiên sáng suốt.

« Hai là vì phụ nữ giàu lòng từ
thiện, hợp với đạo. Tánh hiền lành
y thương xót; đối với cha mẹ
hiếu thảo, đối với chồng con
hiền từ, với người dưới tay thì

nhân đức, với kẻ nghèo khổ, người
quen thuộc thì tận tâm giúp đỡ,
nên càng hiểu đạo Phật, càng thọ
lý nhân quả của Phật, càng bỏ điều
dữ mà làm điều lành. Ấy là hợp với
chơn tánh, khiến gia đình và xã hội
được an vui đầm ấm.

« Ba là phụ nữ có trách nhiệm
đối với gia đình giáo dục. Dạy
con không phải do mẹ thì ai? Nên
bà mẹ hiền đức, đủ nhân cách thì
con cũng chịu ảnh hưởng đó ít
nhiều, sau này mới mong làm một
công dân xứng đáng của Tổ quốc.
Nếu bà mẹ có tài mà không có
đức, không hạnh, thì làm sao
con không hư được? Vậy phụ nữ
ta phải học cho thông đạo lý nhà
Phật, để đảm đương trách nhiệm
nặng nề ấy. Ta thử xem
đàn bà Nhật bản, tuy đã theo mới
nhiều, nhưng vẫn sùng đạo Phật.

« Nói tóm lại trong 3 điều, điều nào
cũng cần cho ta cả. Ta phải chuyên
tâm học Phật. Đạo Phật từ bi
quảng đại, đủ cương thường luân
lý. Nhưng đừng tưởng học Phật
là lạy Phật. Lạy là cảm ơn, học là
tìm cách gần gũi các bậc trí tuệ để
nghiên cứu giáo lý mà tu tập cho
khỏi mê lầm. Bản tính viên mãn,
thanh tịnh, tức sự tin A Di Đà,
tức sự tin chúng ta.

« Người thượng trí biết chúng ta
nguyên có sự tự tin A Di Đà, thì
chuyên tâm niệm Phật mà theo
một nguồn gốc. Vậy ai là đệ tử
Phật, nên tìm tự tánh, hoàn toàn
sáng suốt và cầu Phật hộ trì cho
chúng sanh thành Phật quả... »

Bà diễn xong, khán thính giả rất
hài lòng và lấy làm tâm đắc, rồi
lần lần giải tán.

Tối đến lúc 7 giờ, Hội Phật học
lại tổ chức cuộc phóng sanh phóng
đăng giữa sông Hương trước chợ
Đông Ba. Cá sống thả về sông, đèn
lồng thả nổi trên mặt nước đưa
theo soi sáng cho đàn cá được
phóng sanh, bơi lội tung thăng
mừng rỡ vì đã gặp nước
thoát chết bởi trên thớt
dưới dao, trong nước sôi lửa
bóng của con người háo sát. Hai
bên bờ sông và trên cầu Trường
Tiền, thiên hạ đi xem đèn nhệt.
Mỗi khi những chiếc thuyền có
giăng đèn sáng choang, có nhà sư
ngồi dưới ấy tụng kinh phóng sanh
và người trên thuyền thả hàng loạt
cá sống xuống sông, thì lồng đèn
nổi cũng thả theo cùng lúc.
Người ta trên bờ vỗ tay,
mừng reo, vui lây với bấy
cá được thoát tử hồi sinh. Nếu
có kẻ háo sát, thì cũng có đa số
người háo sanh mà háo sanh là
đạo tâm của đức Phật và con
người có tâm đạo.

Sau khi phóng sanh, bác sĩ Lê
đình Thám Phó hội trưởng Hội
Phật Học Huế, diễn thuyết ở
giảng đường chùa Diệu Đế. Bác
sĩ Lê đình Thám đã ăn chay mấy
năm trường, và chuyên tâm tu tập
theo Phật giáo rất chính chắn, mặt
ông hơi xanh, nhưng vẻ hiền từ,
giọng nói ông thông thả, điều hòa.
Ông giảng về vấn đề « Phật pháp
với tâm trí loài người » nội dung
cao thâm, lời lẽ rõ ràng hoạt bác.

Đến 9 giờ các ông Khâm sứ
Trung kỳ, Công sứ Thừa Thiên,
Trung tướng Bộ binh Trung kỳ,
và các quan khách Tây, Nam đều
mặc lễ phục đến. Sau đó một lúc
vua Bảo Đại và ba vị Tôn cung

đến, có bốn lọng vàng nghiêng giá.
Bảo Đại mặc áo vàng, bịt khăn
vàng, sau lưng có bốn người hầu
cầm quạt lồng lộn, có cán dài, lâu
lâu phất quạt một cái.

Nam Phương Hoàng Hậu không
đến. (có lẽ vì bà có đạo Thiên
Chúa, không đến các chùa chiền có
lễ Phật!) Ông cựu Thượng Thơ
Bộ Hộ Nguyễn Khoa Tân, Hội
trưởng hội Phật học Huế, đứng ra
đọc diễn từ chúc tụng « Đại
Nam Hoàng Đế » Cụ cũng

thay mặt Hội Phật học cảm ơn ba
Tôn cung và các quan Tây Nam
cùng quan khách tùy tùng, và thiện
nam tín nữ cũng như Phật tử đã có
lòng đến dự lễ Phật đàn của đức
Phật Tổ. Ông Nguyễn khoa
Tân đọc xong chúc từ quốc
văn, ông Nguyễn khoa Toàn dịch
lại bằng Pháp văn.

Trên bệ gỗ, trước điện Phật, hai
dãy ghế sắp sẵn. Vua Bảo Đại ngồi
ghế bành lớn, son sơn thếp vàng,
đặt ngay chính giữa. Hai bên đã
hữu vua thì ông Khâm sứ và Hoàng
tử Lào Savang, Hoàng tử mặc cái xà
rông, trên thì mặc áo tây trắng. Ông
vừa tốt nghiệp luật khoa tại Pháp
nhân dịp ghé Huế, ông cùng ông
Khâm sứ đến dự lễ Khánh Đản
Phật Tổ. Ba Tôn cung và các quan
ngồi dãy ghế bên kia, các bà chít
khăn màu trông rất rực rỡ oai nghi.

Kể đó ban ca vũ múa bông ban
hát đồng ấu hát bài chúc mừng
ngày Phật Đản và chúc mừng nhà
vua cùng quan khách.

Lễ xong bề mặc hồi 11 giờ trưa
nhà vua cùng các tôn cung ngự
giá về Hoàng cung và quan khách
ra về...

KHI ĐỨC PHẬT XUẤT HIỆN

*Câu chuyện thuật lại những
thăng trầm trong cuộc đời
của Đức Phật Thích Ca từ
lúc chào đời đến lúc Ngài
nhập niết bàn.*

• VƯƠNG MINH

CÁCH đây khoảng 2600 năm
giòng họ Thích Ca là giòng họ
rất lớn ở vùng đông bắc sông
Rapiti, miền Trung Ấn Độ. Giòng
này có đến 10 gia đình, mỗi gia
đình chiếm một thành nhỏ. Trong
những thành đó có thành Ca Tỳ La Vệ
là to rộng hơn cả, do vua Tịnh Phạn
trị vì. Đối diện với thành Ca Tỳ
La Vệ là thành Koli, ở bên kia
sông Rapti.

Theo truyền thống từ xưa để
lại, hai giòng họ Thích Ca và Koli
luôn luôn thông gia với nhau từ
đời này sang đời khác. Vua Tịnh
Phạn cũng theo truyền thống ấy
mà lấy hai chị em con vua Koli là
Ma Gia và Bà Xà Bà Đề làm
vương phi. Đến năm 15 tuổi,
Hoàng Hậu Ma Gia thụ thai. Theo
tục lệ ở Ấn Độ, người đàn bà sắp
đến ngày đẻ thì về nhà cha mẹ
minh. Hoàng Hậu Ma Gia cũng
phải theo tục lệ ấy. Nhưng mới về
được nửa đường vào lúc mặt trời
mọc thì Hoàng Hậu chuyển bụng,
nên phải vào vườn Lâm Tỳ Ni,
nằm dưới hai cây Słaa mà sinh ra
một Thái Tử. Hôm đó là ngày mồng
tám tháng tư năm 565 trước Tây
Lịch.

Thái Tử Tất Đạt Đa xuất gia

Sau khi sanh xong, Hoàng Hậu
Ma Gia lâm bệnh và qua đời đúng
bảy ngày sau đó. Thái Tử được



bà di là Bà Xà Bà Đề nuôi dưỡng
cho đến lớn.

Thái tử được đặt tên là Gautama
hiệu là Tất Đạt Đa (Siddarta : đã
thành đạt mục đích). Tục truyền
khi Thái tử còn nằm trong nôi, có
đạo sĩ tên Asita được vời đến xem
tướng cho Thái tử. Sau khi quan
sát các dấu hiệu dị thường, Asita
đã đồng thời vừa cười vừa khóc.
Ông nói : « Tôi sung sướng vì
được thấy một vị cứu tinh nhân
loại ra đời, nhưng tôi cũng vô
cùng đau khổ vì không còn sống
được bao lâu để chứng kiến công
quả của ngài ».

Từ nhỏ Thái Tử Tất Đạt Đa đã có
khuyên hướng trầm mặc khiến
Tịnh phạn vương phải khá vất vả
trong công việc huấn luyện Thái
Tử xứng đáng với một bậc vương
giả thuộc đẳng cấp quý tộc. Thái
Tử có năng khiếu thông minh
tuyệt vời, từ năm 7,8 tuổi đã theo
thầy Bà La Môn học văn chương
vô nghệ và không môn nào là
không linh hội tuyệt đỉnh. Theo
truyền thuyết một ngày nọ thái tử
cùng các vương tử khác ra thành tỉ
vô, nhưng chợt có một con voi lớn
đứng chắn ngang cửa thành khiến
không ai có thể ra ngoài được.
Thái Tử thấy vậy không có vẻ gì
sợ hãi, đến ôm con voi vắt ra
ngoài thành.

Tuy sống trong quyền quý cao
sang, nhưng Thái Tử không bao
giờ được sung sướng trong lòng,
Thái Tử đã có nhiều dịp ra
ngoài cung điện để quan sát
đời sống của dân chúng và Thái
tử đã gặp bốn hình ảnh ảnh
huởng đến bộ óc suy tư của ngài :

Một người già yếu, một kẻ bệnh
hoạn đơn đau, một đám tang và
một hình ảnh an nhàn của một tu
sĩ, cái thắc mắc về sinh, lão, bệnh,
tử cứ luẩn quẩn mãi trong đầu,
Thái tử thường tự hỏi làm sao
để con người thoát ly khỏi bề khổ.
Dần dần Thái tử có ý định xuất
gia để quyết tìm chân lý, giúp con
người thoát khỏi sự đau khổ ngàn
đời đó.

Vua Tịnh Phạn biết được ý định
của con, nên cố hết sức ngăn cản,
và cho Thái Tử Tất Đạt Đa cưới
công chúa Gia Du Đà La, con vua
Koli. Ngài cấp cho Thái tử 3 tòa
cung điện để sống thích hợp với
3 mùa, ở bên trong đầy đủ tiện
ngi vật chất để Thái tử được
hạnh phúc bên cuộc đời vương giả.
Ít lâu sau, công chúa Gia Du Đà
La hạ sinh được một hoàng nam.
Thái tử không lấy làm vai vì phải
mang thêm một liên hệ ràng buộc,
nên ngài đặt tên con là Raula (La
Hầu La : chương ngại).

Nhưng rồi cuộc sống vàng son
không làm Thái tử quên đi ý định
xuất gia. Năm 19 tuổi Thái tử
quyết định từ giả hoàng cung để
chọn đời tu hành khổ hạnh.

Thái tử Tất Đạt Đa đác đạo

Trước tiên, Thái tử tìm đến các
đạo sĩ thời danh thuộc đạo Bà La
Môn như Bargawa, Aralah, Kalama
Ramuputar. Những vị này tu phép
tiên, cho rằng nếu đời này ăn ở
kham khổ, thì đời sau sẽ lên cõi
trời mà hưởng sung sướng. Thái
tử cho rằng cảnh sung sướng trên
cõi trời này chỉ có một giá trị
tương đối, nếu cứ kéo dài sự
khoái lạc thì dần dần sẽ đi đến

chỗ nhàm chán. Thất vọng vì lý thuyết của các đạo sĩ Bà La Môn không thỏa mãn được lòng khao khát chân lý, Thái Tử bèn thực hiện lối tu khổ hạnh. Thái Tử đi về phía Đông Bắc Ấn Độ, ngồi trên bờ sông Nairamtjana mà tu hành xác trong 6 năm. Mỗi ngày, ngài chỉ ăn một hột gạo, một hột mè, nên sau 6 năm trời thân thể ngài hao mòn đến độ gần như mất hết khả năng hoạt động tinh thần. Một hôm, Thái Tử nhận thấy rằng những phép tu cực đoan đều vô ích, không mang lại kết quả gì, ngài bèn xuống sông tắm gội sạch sẽ, và nhận một chiếc bánh sữa do Sujata, con gái của một vị phú thương cúng dường. Sau khi tắm rửa ăn uống tâm thần sáng suốt như xưa, Thái tử bèn đến xứ Budihagaya, trải nệm cỏ dưới cây Bồ đề, ngồi ngay thẳng, mặt quay về hướng đông, và nguyện chỉ đứng dậy khi nào đạt tới trí tuệ viên mãn, nếu không thì dù thịt nát xương tan, ngài cũng không rời bỏ chỗ đó. Ý nguyện ấy khiến cho quý vương Mara xuất hiện và tìm cách ngăn cản, Y tạo nên bão tố phong ba, nhưng Thái Tử Tất Đạt Đa vẫn ngồi yên. Tất cả gạch đá khi ném đến ngài đều biến thành những bông hoa thơm phứt. Quý vương bèn dụ dỗ Thái Tử bằng những lời lẽ vô cùng tốt đẹp, nhưng đều bị Thái Tử chối từ. Thấy không lay chuyển được Thái Tử, Quý vương bỏ đi. Đêm đó, Thái Tử rất Đạt Đa chứng ngộ được chánh pháp, kể từ đây Ngài mang tên là Phật, tức là người đã giác ngộ.

Sau đó, Phật còn tiếp tục ngồi yên lặng trong 49 ngày nữa. Quý

wương Mara lại cho các con gái của mình tới cám dỗ đức Phật, nhưng y vẫn bị thất bại hoàn toàn. Đêm cuối cùng, khi mặt trời sắp mọc thì tâm thức Phật hoàn toàn sáng suốt. Ngài chính thức chứng đạo Vô Thượng Đại Bồ Đề.

Tuy nhiên, theo kinh Mahavagga sau khi ngộ đạo đức Phật lại băn khoăn về việc giảng dạy chân lý cho người khác. Ngài nghĩ rằng «ta mất bao nhiêu công lao mới đạt được Trí Huệ rất khó hiểu, khó bàn. Đám chúng sinh kia còn ngập lặn trong biển mê, thì không thể hiểu được Trí Huệ sâu xa vô lượng ấy. Vậy ta hãy yên lặng đi vào Niết bàn». Bấy giờ Thần Phạm Thiên xuất hiện, cầu xin Đức Phật đem đạo pháp cứu khổ chúng sanh. Thần Phạm Thiên nói tới lần thứ ba, Đức Phật mới nhận lời lên đường truyền đạo.

Đức Phật Thích Ca đi truyền đạo

Ngay năm đầu Đức Phật đi truyền đạo, đệ tử của ngài đã có hơn ngàn người thuộc đủ hạng: từ vua chúa cho đến ăn mày, hễ ai thành tâm quý đạo đều được nhận làm học trò. Ban đầu, Ngài chỉ nhận hàng đệ tử đàn ông gọi là Tỳ kheo sau Ngài nhận cả đệ tử đàn bà xin xuất gia, gọi là Tỳ kheo ni. Còn có hạng đệ tử không cắt tóc xuất gia, vẫn ở nhà, có vợ có con, đó là đệ tử tại gia, đàn ông gọi là Ưu bà tắc, đàn bà gọi là Ưu bà di.

Hai người đầu tiên gặp Đức Phật và dâng bánh cho ngài là hai thương gia tên Tapussa và

Bhallika. Cả hai được thâu nhận làm đệ tử tại gia đầu tiên. Sau đó, ngài đi tìm những vị sư phụ trước kia, nhưng các vị này đã khuất. Đức Phật bèn đi Bénarès và thâu nhận lại 5 đệ tử đã từng theo ngài từ lúc đầu nhưng sau đó đã bỏ đi khi thấy ngài bỏ lối tu khổ hạnh. Ngài thuyết phục được họ nhờ giảng cho họ hiểu về thuyết Trung Đạo. Năm vị đệ tử này tạo nên Giáo Hội Tăng Già Phật giáo đầu tiên.

Sau đó đức Phật đã đi thuyết pháp hầu hết mọi nơi ở Ấn Độ, từ nước Ca Tỳ La Vệ ở cực Bắc cho tới nước Ba La Nại ở phương Nam, rồi nước Câu Diêm Di ở phương Tây. Trong cuộc chu du này, Đức Phật đã thu nhận nhiều vua chúa và tu sĩ Bà La Môn làm đệ tử. Trong số tu sĩ Bà La Môn theo Phật, hai vị Kasyapa và Urucela là những đệ tử theo đầu tiên.

Về vua chúa thì có các vua Tần Bà Sa La nước Ma Yết Đà, và Bà Tư Nặc nước Xá Vệ. Vua Tần Bà Sa La đã dâng cho Đức Phật một khu rừng trúc để làm nơi xây tịnh xá. Phụ hoàng Tịnh Phạn Vương nghe tin con thành Phật cũng vội cho vời ngài về kinh đô, và tất cả hoàng tộc, kể cả công chúa Gia Du Đà La đều trở thành tín đồ tại gia. Hoàng tử La Hầu La, con của Ngài được Đức Phật thâu nhận làm học tăng, và bà di Bà Xà Bà Đề được Đức Phật thâu nhận làm tỳ kheo ni đầu tiên.

Trong 45 năm chu du thuyết pháp, Đức Phật đã gặp nhiều bước thăng trầm, nhất là những chống

đối từ phía tăng lữ Bà la môn. Đã hai lần ngài bị đưa ra xét xử vì bị vu cáo phạm tội tà dâm với hai người đàn bà tên Cinca và Sundara nhưng may thay ngài đều thoát được âm mưu hiểm độc. Năm ngài 72t, vua Tần Bà Sa La bị con trai là Ajatasatru sát hại để cướp ngôi. Lần này liên kết với một đệ tử của Phật là Devadatta âm mưu hãm hại ngài. Một lần Devadatta lần đả trên núi xuống nhưng không trúng Đức Phật. Lần khác, y thả voi điên vào nơi Đức Phật ở nhưng con voi không giết ngài mà lại thần phục Ngài. Devadatta còn mưu lập một hội giáo riêng để chống Đức Phật Thích Ca, nhưng thỉnh linh bị thổ huyết mà chết. Vua Ajatasatru thấy vậy tỏ lòng ăn năn hối hận, và xin theo Đức Phật làm đệ tử.

Ngày Đức Thích Ca nhập Niết bàn

Năm 80 tuổi, thấy công việc giáo hóa chúng sinh đã tạm đầy đủ và biết mình sắp tới ngày viên tịch, Đức Phật Thích Ca bèn từ thành Vương Xá đi một lần cuối cùng đến xứ Câu Thi La Yết La. Ngài cùng với các đệ tử băng qua sông Hằng Hà đến xứ Bi Xa Li của nước Ma Yết Đà.

Thời ấy là vào mùa mưa, trời mưa ròng rã 3 tháng trời, khiến các đệ tử không ra ngoài khát thực được. Do đó Đức Phật đặt lệ đến mùa mưa thì tất cả đệ tử tụ một nơi không ra ngoài để chuyên tâm ngồi tu tĩnh. Lúc đó Đức Phật muốn ở Bi Xa Li luôn 3 tháng, nhưng vì xứ ấy nghèo không đủ thức ăn cung cấp cho hết thầy đệ tử của

ni, nên ngài bèn cho bọn họ tạm
tán, còn ngài và Ananda đi về
tây, đến thành Pà và. Trong
nh có người thợ rèn dâng cho
ngài một bữa ăn gồm có cơm, bánh
rau. Ngài dùng trái xong, bèn
về xứ Câu Thi La Yết La bên
sông Bạt Đề, giữa hai cây Sala,
từ khi mới ra đời: Ngài thuyết
áp luôn một ngày một đêm xong
Đại Bát Niết Bàn kinh.

Trước khi nhập niết bàn, Đức
Thầy bảo với Ananda rằng:

«Này An Nạn, con bảo rằng sau
khi Phật diệt độ, sẽ không còn nơi
nương tựa, che chở chẳng? Con
không nên nghĩ như vậy, những
pháp luật ta đã dạy từ khi thành
phật đến giờ sẽ là nơi nương tựa
che chở của các con»

Ngài cũng bảo: «Này đệ tử các
người, chớ có buông tuồng, phóng
ng; ta sẽ đi thành bậc chánh giác
vì không bao giờ buông lung;
tất thấy các công đức, và việc
nhiệm đều cũng nhờ tánh không
hống tưng mà thành tựu. Này các

người, hãy thấy các sự vật đã có
hình tướng thì một ngày kia sẽ
diệt hoại đi»

Sau đó, ngài bèn chống tay hữu
đầu quay về phía Bắc mặt ngó
xuống phía Nam mà vào Niết bàn.
Hôm ấy là ngày 15 tháng 5 (trùng
với hai ngày Đản sinh và Nhập
đạo theo lịch Ấn Độ) năm 486
trước Tây lịch.

Sau khi đức Phật nhập diệt, hàng
đệ tử đời ngài Đại Ca Diếp là bậc
đứng đầu đệ tử ở Cưu linh Sơn
về mới cử hành lễ hỏa táng gọi là
Trà tỳ. Việc tranh dành Xá lợi của
Đức Phật sau đó suốt gây nên
những cuộc xung đột đẫm máu
nếu không có sự can thiệp kịp
thời của một vị sư Bà La Môn tên
Drona. Kết cuộc, Xá lợi được
chia làm tám phần cho người xứ
Ma Yết Đà và người 8 nước khác
có cùng giòng họ với đức Thích
Ca, đem về thờ trong 8 ngọn bảo
tháp đặt khắp nơi trên toàn cõi
Ấn Độ.



- Người chồng phàn nàn...
- Món đậu ve xào này nửa sống nửa chín.
- Thì anh chỉ việc ăn cái nửa chín ấy chứ có gì đâu mà khó

hiều.

- Một người mẹ trẻ nằm ở Bảo sanh viện đang tiếp cô bạn gái
thân nhất:
- Trời ơi thằng nhỏ dễ thương quá, trông nó giống cha nó như
giết.
- Đúng thế, nhưng chị đừng nói to quá chồng tôi nghe được
thì sao.

Ngoài lối tu tại chùa, tu ở nhà, trong giới Sư Sãi và Cư
Sĩ Việt gốc Miên có người tu theo lối tham thiền gọi là
Sakmathik.

Nguồn gốc của phương pháp tham thiền hoặc là thiền
định do phái Du-Già (Yoga) ở Ấn-Độ phát minh hơn 4.000 năm
nay. Chính Đức Thích Ca cũng theo pháp này lúc ngồi dưới gốc
bồ đề mà ngộ đạo. Vì thế, tu sĩ thừa hành Phật pháp tất phải
biết tham thiền, nhưng có thực hành hay không là do ý muốn
của họ, không bị bắt buộc. Người Việt tu thiền theo phương
pháp của người Tàu đã thọ giáo với Đức Đạt Ma tổ sư rồi dần
dà biến chế, thêm bớt ra. Gần đây, có người theo phương
pháp của Nhật gọi là Zen, dịch ra là Thiền.

Nếu ta cho rằng những quy luật của ngành Đại Thừa khác
hơn ngành Tiểu Thừa thì lối tham thiền của người Việt gốc
Miên quả có nhiều khác biệt với lối thiền của người Việt.

SAKMATHE PHƯƠNG PHÁP THAM THIỀN CỦA TU SĨ VIỆT GỐC MIÊN

● LÊ HƯƠNG



Thiền theo phái Đại Thừa

PHẬT tử phái Đại Thừa
ngồi thiền để diệt cái tâm, cái ý
muốn, tánh tham, sân, si, với mục
đích cứu độ chúng sinh, gọi là
"tự giác, giác tha", Đức Phật đã
dạy rằng: «Nhất thiết do tâm tạo»,
nghĩa là muôn việc hoạt động của
con người đều do tâm mà ra.
Người có tâm hiền thì nghĩ
đến việc cứu người, người
có tâm dữ thì tính chuyện

giết người. Những nhà thông thái
suốt đời ngồi trong phòng thí
nghiệm nhưng chính do cái tâm
của họ suy nghĩ, tìm tòi mà chế
ra phương thuốc cứu nhân loại,
hoặc chế bom, đạn tiêu diệt nhân
loại.

Trong lúc ngồi thiền, Phật tử
lạc bỏ tất cả tư tưởng xấu xa, chỉ
nghĩ toàn điều thiện, điều lành
cũng như ông Trình Tử dùng hai
cái lọ đậu đen, đậu trắng để đo
lượng ý nghĩ xấu và tốt của mình.

Đó là lối «Khư trước, lưu thanh». Dần dà đến chỗ cao hơn, người Phật tử lọc bỏ luôn cả những ý nghĩ tốt và giữ tâm trống rỗng gọi là diệt hẳn thất tình: hỉ, nộ, ái, ố, ai, lạc, dục theo chữ nhà Phật là Định. Dưới mắt Phật tử thiền định thì mọi việc ở đời đều vô thường, họ không muốn gì, không ao ước gì, đúng theo nghĩa câu: Vô sở cầu, vô sở đắc.

Phân tách ý nghĩa chữ định, một trong những quyền kinh của phái Đại Thừa giảng rằng: Định: nghĩa là chú tâm vào một cảnh, không cho tâm tác động, tán loạn, không cho tâm theo các duyên. Thiền định lại có nghĩa là vận tường nội tâm, chuyên chú vào một cảnh, dứt hết loạn duyên. Chính vì trong tâm tư còn vương các loạn duyên mới vọng niệm, đã vọng niệm thì bị mê mờ, nên tu theo lối tham thiền là cốt trừ những vọng niệm, những tư tưởng mê lầm phát sinh vô minh. Muốn vậy, trước hết Phật tử phải giữ cho được Định, phải dứt bỏ các tà niệm bằng cách đem những tư tưởng chơn chánh đúng với chánh pháp mà ngăn dẹp các tà niệm. Không phải chỉ thực hành trong lúc ngồi thiền mà thôi. cả những khi đi, đứng, nằm, ngồi, hề có tà niệm khởi lên thì phải đem chánh niệm dẫn, dẹp lại. Khi diệt được tư tưởng tà rồi, trong tâm Phật tử vẫn còn những tư tưởng trong sạch loạn động, cần phải dứt luôn chúng nó nữa. Có vậy tâm mới được Định. Khi giữ tâm Định rồi thì phải coi bỏ luôn cái niệm gìn giữ cho tâm Định tức là tự tâm an trú không còn vọng động nữa.

Thời gian thiền định không thể ấn định bao lâu vì không phải trong vòng 1 tuần, 1 tháng 1 năm, 10 năm mà Phật tử có thể giữ cho tâm định được. Người tu theo phương pháp này phải kiên tâm, bền chí, có khi suốt đời vẫn chưa có kết quả như ý muốn.

Thiền của người Việt gốc Miên:

Đối với người Việt gốc Miên, tu theo lối tham thiền có nhiều điểm khác biệt hơn. Người ta cho rằng họ chỉ tu cho thân mình, lo giải thoát cho riêng mình mà thôi.

Quy định của ngành tiểu thừa cho rằng Đức Phật chia hai lối cho thiền hạ tu:

1/ người nhỏ tuổi, có đủ khả năng học chữ Phạn để đọc kinh thì tu theo pháp KONTAK THURAK, nghĩa là ở chùa làm Sadi hay Tý khuru.

2/ người lớn tuổi trí óc mệt mỏi không thể học nổi thì tu theo pháp WIBAKSAKNA THURAK nghĩa là ở chùa hoặc ở nhà tu tâm, dưỡng tánh, giữ tâm lòng yên tĩnh để thấu hiểu đạo lý của Phật và thấy được lẽ huyền vi của Tạo Hóa. Đó là pháp môn tu thiền.

Ngoài ra, mục đích của Thiền của người Việt gốc Miên là để:

— Thấy được tiền kiếp của mình xem là người thế nào, giàu sang, nghèo khổ hay là thú vật đầu thai.

— Biết rõ công ơn của cha mẹ đã sanh đẻ, nuôi dưỡng mình như thế nào.

— Thấu hiểu cái vô ngã của con người, sự khổ não của chúng sanh.

— Và tìm con đường giải thoát.

Không phân biệt tu sĩ hay cư sĩ, đàn ông hay đàn bà, lớn hay nhỏ tuổi, người nào cũng tu thiền được. Nếu là người ngoài đời thì trước khi hành pháp phải quy y Ngũ giới và thọ Bát quan trai giới.

Thời gian tu thiền không bó buộc. Tùy theo tình trạng của tu sĩ, có thể tu ít nhất là một tuần lễ hoặc là tu suốt đời. Do đó, giới tu thiền được chia làm 3 nhóm:

1/ Cư sĩ ở nhà phải lo làm lụng không thể tu nhiều ngày liên tiếp thì lúc nào cũng rảnh rang vào chùa 1 tuần, 2 tuần hoặc một tháng. Sau đó, về nhà rồi khi xong việc lại tiếp tục tu.

2/ Tu sĩ ở chùa có lời nguyện tham thiền một thời gian nhất định như 1 tháng, 3 tháng, 1 năm sau đó có thể nguyện tu 1 hay nhiều lần nữa.

3/ Tu sĩ hoặc cư sĩ phát nguyện tu thiền không ở chùa, không ở nhà, đi lang thang trong rừng (ta gọi là đi Ta-bà) suốt đời, mình mặc một chiếc áo cà sa bằng vải của người ta bỏ, vá vúi lại, che nắng che mưa bằng một cây dù, ăn uống trong một cái bình bát, thức ăn do người ta dâng cúng mỗi ngày. Hòm nào không có ai cho thì đồ nước trong bình bát để lấy hơi cơm mà uống. Những vị này gọi là Nek Sakmathik, rất được người đời tôn trọng, sùng kính.

Giờ khắc tu thiền cũng tùy theo phương tiện và tình trạng của tu sĩ, có thể tu ban ngày và ban đêm, nhưng ít lắm cũng phải tu ban đêm. Người nào hành pháp càng nhiều thì giờ thì càng chóng có kết quả.

Mỗi người cất một cái cốc bằng lá như cái nhà nhỏ đủ một người nằm. Cốc này cất gần chùa hoặc bên cạnh nhà của người tu — Đến giờ thiền, thì tu sĩ vào cốc ngồi, đóng cửa lại, cấm không cho thân nhờn quấy rầy. Đối với quý vị sư trong chùa cũng vậy, nếu không cất cốc thì ngồi trong mùng, phía sau bàn Phật trên chánh điện.

Trước khi bắt đầu ngồi thiền, tu sĩ phải theo lời chỉ dạy của ông thầy, gọi là Lục Krou. Ông thầy đã tu thiền nhiều năm, biết cách điều khiển, dẫn dắt, giúp đỡ người tu. Gặp thầy dở, khả năng kém, tu sĩ có thể bị điên thình lình. Thầy chỉ cách cho tu sĩ ngồi kiết già, hoặc ngồi xếp bằng tròn, hai tay để trên đầu gối, lưng thẳng, mắt hí hí nhìn xuống bụng, thở đều hơi và miệng đọc kinh. Trong lúc ấy, trí óc hướng về mục đích của mình nguyện được thấy. Tùy theo tánh tình của tu sĩ, ông thầy dạy cách điều khiển tư tưởng. Người có tánh nóng nảy, thiếu nhận xét, người lẳng lơ, người ngu khờ, dễ tin, người thông minh v.v. phải theo những phương pháp khác nhau.

Sau giờ ngồi thiền, nhất là mỗi buổi sáng, tu sĩ thuật lại cho thầy nghe những gì mình đã cảm thấy để thầy cho ý kiến, hoặc khuyên nên tiếp tục, hoặc sửa đổi phương

pháp, hoặc bảo nên chấm dứt vì không thể tham thiền được. Ông thầy giỏi có thể theo dõi được tư tưởng của tu sĩ trong khi ngồi thiền để kịp thời sửa chữa ngay. Có người thấy cảnh sắc vui vẻ quá nhảy cò lên, múa tay, múa chân gần sập cái cốc; có người thấy ma quỷ dọa nạt, sợ quá phát run; Ông thầy phải kêu gọi hoặc phun nước lạnh cho tu sĩ tỉnh tại. Nếu không can thiệp đúng lúc có khi tu sĩ phát cuồng.

Sau một thời gian dài, gần tùy theo sự tu học của vị tu sĩ, ông thầy xét thấy tu sĩ có thể tự luyện thì không chỉ dẫn nữa, để vị hành một mình.

Trong lúc ngồi thiền, tu sĩ tâm nguyện xin thấy điều gì, nếu thực hành đúng lời thầy dạy thì sẽ thấy ngay điều đó. Ví dụ: nguyện thấy kiếp trước của mình, thấy cảnh Niết Bàn, thấy Âm Phủ, thấy Đức Phật v.v... Nhưng không phải ai xin thấy gì cũng được.

Người hung ác, thâm độc thường hại người thì chỉ thấy toàn rắn, rít, ma quỷ dọa nạt đến phát sợ, có khi điên luôn.

Người có lòng tốt, tánh tình quảng đại, lòng dạ trong sạch thì thấy cảnh đẹp, thế giới Thiên đàng, Tiên Phật, Thần Thánh, thấy mình biết bay trên mây.

Người có dạ biểu thảo có thể thấy vong hồn cha mẹ đã chết, có thể xin viếng Âm phủ để gặp thân nhân quá vãng.

Người tu thiền giỏi rồi có thể

nguyện xin thấy gì được nấy, nguyện thả hồn đi đến cõi nào cũng được.

Kết quả của tu thiền người có ý định làm việc ác sẽ hồi tâm hối cải, người có tâm tu hành thấy cảnh Niết Bàn, thấy Tiên, Phật thì lia đời đi tu luôn, người nào không thể xuất gia thì đem phần lớn của cải bố thí, làm phước để mong sau này linh hồn được giải thoát, người hung bạo thấy cảnh ma quỷ xâu xé mình thì phát sợ đến cuồng tâm, có khi bỏ mạng vì tinh thần quá dao động.

Người Việt gốc Miên cho rằng tu theo lối tham thiền rất có ích cho tinh thần, cho tâm tánh của mình nên quý vị Sư trưởng thường tổ chức tại chùa những lớp tu thiền từ một tuần lễ trở lên để giúp các tu sĩ và cư sĩ tu tâm, dưỡng tánh. Người ở ngoài đời không thể bỏ việc làm ăn ban ngày thì ban đêm đến chùa tu đến sáng, rất tiện.



NHỮNG MÙA PHẬT ĐẢN

Một vài cảm nghĩ về đạo
Phật và cuộc đời nhân mùa
Phật Đản 2515

● PHƯƠNG BẢO



TÔI vẫn còn nhớ rõ hình ảnh cô bé gái tóc cắt ngắn, mặt bầu bĩnh, người mũm mĩm trong chiếc áo dài màu lam, màu áo của Gia Đình Phật Tử. Cô bé ấy chính là tôi, ngày nay đã lớn, đã làm vợ, làm mẹ, song những kỷ niệm của ngày thơ ấu vẫn còn được gìn giữ trong một ngăn kéo nào đó của vùng ký ức.

Gia đình tôi không hẳn là theo một đạo nào hết, mà tôi hình như không đi chùa. Tôi chỉ thấy má tôi cúng ông bà vào dịp Tết hay các ngày giỗ. Thuở bé tôi theo học tại một trường bà sơ. Vì lúc vào trường còn quá nhỏ nên tôi gần như là một người theo đạo Thiên Chúa, đọc kinh từ sáng đến tối. Chẳng những tôi muốn xin theo đạo mà lại còn cầu xin ơn Chúa cho cả gia đình tôi trở lại đạo (nói theo ngôn ngữ của các bà sơ). Thế nhưng còn một điều lạ khác là không chủ nhật nào tôi không theo các dì, cậu lên chùa để dự các cuộc họp gia đình Phật Tử! Không phải là tôi không biết đến sự khác biệt giữa hai đạo Thiên Chúa và đạo Phật và mặc dù có sự tranh chấp khá trầm trọng trong đám học sinh của trường về vấn đề tôn giáo (dĩ nhiên là tôi không tham dự) nhưng tôi vẫn đến với Chúa và Phật một cách hồn nhiên. Có lẽ trẻ con đáng yêu hơn lớn ở điểm hồn nhiên ấy.

Và cứ mỗi mùa Phật Đản, tôi lại say mê huyền thoại về sự đản sinh của Đức Phật, mà không say mê làm sao được khi những huyền thoại ấy lại được thể hiện bằng những bức tranh, bằng những khung cảnh được dựng lại trên những chiếc xe hoa. Dưới cặp mắt ngây thơ của một đứa bé thật đó là những ngày thần tiên. Tôi lần lần ở các khuôn hội để xem các anh chị lớn bài trí xe hoa từ lúc còn cái sườn không cho đến lúc công việc hoàn tất. Và khi cuộc lễ hành ngoài phố của đoàn xe hoa vào đêm lễ Phật Đản (lúc đó còn là ngày 8-4 âm lịch) bắt đầu thì tôi cũng nhất định bắt ba tôi mở ra phố đứng xem. Thật không có gì huy hoàng hơn, những chiếc xe hoa rực rỡ ánh đèn với hình ảnh Đức Phật như một đứa bé một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất. Còn nhiều nữa, từ hình ảnh Hoàng hậu Ma-gia đứng trong vườn Lâm tỳ ni đến hình ảnh Đức Phật cắt tóc xuất gia, rồi, khi ngài đắc đạo.

Những chiếc xe hoa mang đầy huyền thoại ấy đối với tôi như một cái gì thiêng liêng lắm. Với tuổi bé thơ, tôi chỉ mơ hồ cảm thấy như thế, chứ làm sao hiểu rõ hơn và phân tích tỉ mỉ được? Tôi chỉ biết rằng Đức Phật từ bi và ở Ngài toát ra một thứ ánh sáng ấm dịu, che chở. Và mặc dù hàng ngày vẫn đọc kinh cầu nguyện Chúa và Đức Mẹ, tâm hồn tôi vẫn hướng về phía ánh sáng từ bi ấy.

Khi lên trung học, tôi thi đậu vào trường công nên phải xa cách các bà sơ. Từ đó hình ảnh Chúa và Đức mẹ phai mờ dần trong tôi, và không hiểu tại sao những mùa Phật Đản đối với tôi cũng không còn sôi nổi nữa. Có lẽ tại tuổi thơ hồn nhiên song dễ quên.

Người xưa nói thời gian như bóng câu qua cửa sổ thật không ngoa. Chớp mắt những năm trung học lần lượt trôi qua. Những huyền thoại về sự đản sinh của Đức Phật không còn hấp dẫn tôi nữa. Tuổi thơ hồn nhiên, dễ tin nhưng ở tuổi trẻ, phần lớn mạnh nhất luôn luôn là nghi ngờ. Xa rời những huyền thoại, song tôi lại gần gũi với triết lý của Đức Phật hơn. Tôi cảm thấy rằng Đức Phật không phải là con người siêu nhiên khi mới sinh ra đã bước đi bảy bước như huyền thoại mô tả. Ngài cũng là người như chúng ta, nhưng vượt hơn mọi người ở tấm lòng từ bi, sự sáng suốt và một nghị lực vô bờ bến. Lòng từ bi đã khiến ngài xót xa trước sự khổ đau của dân chúng khi ngài còn là Thái tử sống trên nhung lụa. Sự sáng suốt làm cho ngài nhận ra cuộc đời phù phiếm khổ

ải, sinh, ião, bệnh, tử nổi tiếp nhau chẳng có gì là hạnh phúc. Và chính cái nghị lực vô bờ bến ấy đã giúp cho Thái Tử Tất Đạt Đa rời khỏi cung điện, chịu đựng biết bao khổ hạnh, biết bao cám dỗ trên đường đi tìm Chân Lý. Lời nguyện thề không rời bỏ chỗ ngồi này trước khi Ngộ Đạo của Ngài đã chứng tỏ sự quyết tâm tìm Đạo đáng cho chúng ta kính phục.

Ngài đã đạt đến Niết Bàn, đã thành Phật và đã thoát khỏi sự đau khổ của thế gian và Ngài đã đem chân lý đi giảng dạy khắp nơi để cứu vớt chúng sinh đang mê đắm trong biển khổ. Từ đó đến nay đã hơn hai ngàn năm, có biết bao nhiêu người nhờ đó mà tìm thấy cực lạc, có biết bao nhiêu người đã xuất gia tu hành, có biết bao nhiêu người còn đang trầm luân?

Phật như một ánh đuốc soi đường dẫn dắt nhân loại đi qua những gian nan tăm tối của cuộc đời. Nhưng có mấy ai chịu đi theo ánh đuốc ấy. Phật dạy «Đời là bể khổ» và mọi người đều công nhận điều đó, nhưng hình như sự khổ ải đó có một cái gì quyền rũ con người hơn là sự thanh tịnh của Phật pháp. Mọi người đua nhau hụp lặn trong cái bể khổ ấy để tranh dành vinh hoa phú quý.

Ngay cả các bậc tu hành cũng thế. Hình ảnh những nhà sư áo vải nâu sòng, không màng đến danh lợi của tiền, suốt đời hy sinh cho Phật pháp, những nhà sư chịu khổ hình dưới thời vua Ngọa Triều Lê Long Đình, những nhà sư bị bắt bỏ giam cầm tra tấn dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa, hình ảnh Bồ Tát Quảng Đức ngồi uy nghi trong lửa đỏ vẫn không mờ phai trong lòng kính mến của người Việt Nam. Nhưng cũng có quá nhiều những kẻ tu hành, xuất gia đầu Phật, hàng ngày kinh kinh thuyết pháp mà lại không hiểu lời Phật dạy «Bể khổ mênh mông, quay đầu lại là thấy bờ». Những người này đã đề cho mình bị cám dỗ bởi ba lợi danh, mù quáng chỉ biết đến quyền lợi riêng tư của mình, xúi dục các đệ tử của Phật chém giết nhau, phạm giới sát sinh. Đức Phật ngự trên tòa Sen hân không thể mỉm cười mỗi khi nhìn thấy những đứa con hoang ải.

Đã bao nhiêu năm rồi tôi không còn nghĩ tới ngày Phật Đản. Nhưng sao năm nay, bỗng dưng tôi lại nhớ những kỷ niệm thơ ấu với những mùa Phật Đản cách đây mười năm. Phải chăng vì đã quá mệt mỏi với cuộc đời lừa lọc, đảo điên, phải chăng vì vô thức ước muốn sự hồn nhiên, vô tư thuở nào?

Hay chính vì tôi đang nghĩ đến các con tôi, đến sự vô tội một cách đáng thương của chúng cũng như bao nhiêu đứa trẻ khác rồi đây chúng có giữ mãi được sự vô tư trong sạch của tuổi trẻ không, hay cũng như bố mẹ chúng hiện giờ đã đánh mất sự hồn nhiên mãi mãi và mãi mãi bị dẫn dắt bởi câu «đời là bể khổ».

Cuộc tranh luận về tóc dài tóc ngắn



Cuộc tranh chấp tóc dài tóc ngắn có nguồn gốc từ thời Trung Cổ chứ không phải chỉ mới xuất hiện mấy năm gần đây

• TÔ MINH NHẬT

TÓC dài, phất phơ, xoắn lại hoặc rối bù là một cái mốt đóng một vai trò quan trọng trong các phong trào hippie và khuynh tả hiện nay. Đối với các phần tử khuynh tả về hippie này thì một bộ tóc dài, một bộ râu xồm xoàm diễn tả vừa một sự dẫn thân vào một lối sống tự do hơn, vừa một sự thách thức đối với thể hệ lớn hơn họ đang cắt tóc ngắn. Sự để tóc dài còn được ca ngợi ngay trong những bài hát của thế hệ trẻ ngày nay: trong nhạc phẩm *Hair*, mà giới trẻ Saigon đã và đang còn hâm mộ nồng nhiệt, có những câu nhạc rock với lời lẽ như « *Hãy xỏa nó, hãy trình bày nó, cứ để nó dài như Trời đã ban cho nó, tóc của tôi* ».

Giới đứng tuổi hơn rõ ràng

là bị đám trẻ bài xích kịch liệt. Giới già thường xem việc để tóc dài của giới trẻ là một sự xuống thang của trật tự luân lý.

Tranh chấp từ lâu

Thật ra những cuộc tranh luận về tóc dài, tóc ngắn có một căn nguyên lịch sử khá lâu dài. Trong mọi thời đại giới đàn ông đều lo lắng về tóc tai của họ, và hầu hết những sự thay đổi chiều dài của tóc đều xảy ra trong thời kỳ cách mạng và lộn xộn chính trị.

Có lẽ các lực lượng của hai bên tóc dài, tóc ngắn chưa bao giờ lại đụng độ dữ dội cho bằng trong thời nội chiến vào thế kỷ thứ 17 ở Anh quốc, cuộc đụng độ đã khiến giới kỵ sĩ phải chống lại giới đầu tròn. Các Hiệp sĩ, vốn là những

người ủng hộ nhiệt thành đối với vua Charles I, thường mang những kiểu tóc xỏa thành lộn. Đặc biệt có một lộn tóc gọi là «lộn tóc tình yêu», được buông thả một cách hồ hững trên bờ vai và được cột bằng một cái nơ. Các kỵ sĩ chế nhạo các đối thủ của họ (tức là các nghị viên), gọi họ là «đầu tròn», vì các nghị viên thích cắt tóc theo hình chén tròn.

Các nghị viên với đa số là người Thanh giáo, đã phản công lại bằng cách cho rằng để tóc dài là nguồn thói hư tật xấu. Các kỵ sĩ thì lại cho rằng các đối thủ «Đầu tròn» của họ thiếu trí khôn, vì ít tóc. Vào năm 1841, Charles MacKay đã viết trong cuốn sách «*Extraordinary Popular Delusions and the Madness of Crowds*» (Những ảo tưởng kỳ lạ trong dân gian và sự khích nộ của đám đông): «Tóc của một người là biểu hiệu khuynh hướng của người đó, cả về khuynh hướng chính trị lẫn khuynh hướng tôn giáo». Ông nhận xét: «Tóc càng nhiều, lòng tin càng ít đi, và đầu càng hói, lòng thành kính càng thành thật».

Một thí dụ khác xảy ra đã khá xưa trong lịch sử Anh quốc. Quân xâm chiếm Norman vào thế kỷ thứ 11 đã cắt tóc rất ngắn. Vì thua trận nhục nhã, dân quân Saxon để tóc mọc thật dài, để họ giống những kẻ đồ hộ họ càng ít càng tốt.

Đôi khi các nhà cách mạng dường như bị thúc đẩy để tóc dài hay ngắn là tùy thuộc lời đề nghị kỳ cục của những người chung quanh hơn là lý tưởng hay ý thích. Một trường hợp điển hình là

nhà cách mạng Jean Paul Marat, một «gentlemen» khả kính. Vào khoảng đầu cuộc cách mạng Pháp ông bỗng từ bỏ mọi sở thích xa hoa để thành một «hippie», dĩ nhiên đó là một việc quá sớm đối với thời đại đó. Ông mặc quần áo cũ rách tả tơi như giẻ lau và không dùng xà bông. Một khi thấy ông là người ta thấy mái tóc bờm sòm, bộ râu mấy tuần chưa cạo và một mùi hôi hăng nồng. Bỗng nhiên ông tự thấy mình là một anh hùng văn hóa.

Một lần ông bị bao vây bởi một hàng rào cảnh sát xung quanh tòa nhà ông đang cư ngụ. Ông liền cạo râu, tắm rửa, mặc quần áo sạch sẽ đội nón rồi đường hoàng đi. Dĩ nhiên là ông thoát khỏi sự kiểm soát dễ dàng vì cảnh sát mãi chú tâm tìm kiếm một người do dấy, rách rưới và hôi hám.

Tóc dài còn là hình ảnh tượng trưng cho uy quyền tối thượng của các bậc vua chúa và quý tộc của La Mã ngày xưa và Âu Châu thời Trung Cổ. Tên Caesars (César) sở dĩ có là do chữ cesaries có nghĩa là tóc dài. Còn các vị vua Pháp từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 9 đều có mái tóc dài và uốn quăn.

Nói chung, ai thích tóc dài, ai thích tóc ngắn

Như vậy tóc dài hay tóc ngắn, chỉ là dấu hiệu của sự phản kháng chống đối lại cái mốt đang thịnh hành của thời đại. Bộ tóc dài bờm sòm của Marat thật tương phản với mái tóc chải chuốt của dòng họ Bourbons cũng như với vẻ đẹp

u mực của các nhà trường giả
vì bấy giờ. Nhưng trong thời
n cuộc nổi loạn do Cromwell cầm
ở Anh và với phong trào
ronarola trong thời Florence
gic sinh, các nhà cách mạng lại
tóc ngắn.

Tuy vậy, dường như sự thực là
ững người thích hưởng thụ
ặc những người vô thần thích
tóc dài, trong khi những người
ông tín hoặc là tín đồ Thanh
ảo thì lại thích để tóc ngắn. Các
sĩ thường lên tiếng chống đối
tóc dài: cho đến thế kỷ thứ 11,
rc Giáo Hoàng vẫn ra lệnh khai
r những giáo dân để tóc dài.

Vị Tổng Giám mục nổi tiếng
a thành Worcester, đức cha
ulstan, đặc biệt rất giận dữ khi
ấy ai để tóc dài. Ngài thường
ang trong túi một con dao nhỏ
nh riêng cho những tín đồ tóc
i quí trước mặt ngài chờ được
n phép. Ngài sẽ móc dao trong
i ra, cắt ngay một nắm tóc và
ra dao bắt người tóc dài đó tự
t cho xong bộ tóc của mình.

Những giai thoại như vậy
ông phải chỉ có ở văn minh Tây
ương. Cuộc khởi nghĩa của
ông Tú Toàn (Thái Bình thiên
tốc) chống lại nhà Mãn Thanh
ợc xem là một cuộc nổi loạn
a phe Tóc Dài. Cuộc khởi nghĩa
y sở dĩ được gọi như vậy vì
tân khởi nghĩa không cạo tóc ở
mía trước đầu theo kiểu mà nhà
lãn Thanh bắt buộc. (Ai cũng
ết người Mãn Thanh có lệ bín
c thành đuôi bọ phía sau lưng, và
ít buộc dân Trung Hoa phải để
c y như vậy).

Tại sao thích để tóc dài hay tóc ngắn?

Sự kiện tóc dài tóc ngắn có
quá nhiều ảnh hưởng đến loài
người như vậy đã làm các học
giả, tư tưởng gia suy nghĩ không
ít. Các nhà phân tâm học thì nhấn
mạnh rằng tóc có liên hệ đến
những dấu hiệu tiềm thức. Một
nhà phân tâm học, ông Charles
Berg, đã viết nguyên một cuốn
sách về vấn đề này, nhan đề là
*The Unconscious Significance of
Hair* (Ý nghĩa vô thức của Tóc).
Trong cuốn này, tác giả đã cho rằng
những người tóc ngắn thuộc phe
"Đầu tròn" trong nghị viện Anh
vào thế kỷ 17, khi hớt tóc của
mình, đều có mặc cảm là tự thiên
mình đi. Các nhà phân tâm học
thường quan niệm rằng các kiểu
tóc thường thay đổi khi quan niệm
tình dục và tình hình chính trị bị
xáo trộn.

Nhà xã hội học Lewis Feuer, tuy
vậy, lại nghĩ rằng các kiểu tóc
trong lịch sử phản ánh đến kỷ luật,
năng lực và sự sạch sẽ của con
người. Ông ta cho rằng giới "Đầu
tròn" đại diện cho giới trung lưu
đang lên, và bộ tóc ngắn của họ
diễn tả sự khinh thường
đối với những lối sống xa hoa của
những giai cấp hơn họ. Cũng vậy,
trùm Cộng sản Lê Nin gần như
sói đầu hoàn toàn khi ông ta mới
21 tuổi và giữ mái đầu hói như
một cái mốt của riêng mình, đến nỗi
các đồng chí của ông ta gọi ông là
"ông già" khi ông ta mới 24 tuổi.
Feuer bình luận: "Ông ta thường
lo lắng rằng giới trí thức Nga sẽ
luôn luôn yếu đuối như

nhược và luôn luôn thất bại
trong bất cứ công việc nào. Ông ta
quyết định là cần phải áp dụng
kỷ luật, và ông ta quay sang phong
trào cắt tóc ngắn."

Ngoài ra có nhiều sự giải thích
khác. Quân Chetniks, một đám loạn
quân của xứ Serbian (Nam Tư),
đã để râu mọc dài trông rất dữ tợn
với mục đích đem sự khủng khiếp
vào tâm khảm quân Đại đế Alex-
andre thì vì sợ để râu dài sẽ bị
địch quân dùng tay nắm dễ dàng,
nên ra lệnh quân sĩ của ông phải
cạo râu thật kỹ.

Những sự ưa thích các kiểu tóc
của con người thay đổi luôn luôn
và các cuộc cách mạng về tóc tai
vẫn luôn luôn tái diễn. Ngày nay
các cuộc tranh chấp về tóc dài tóc
ngắn đang diễn ra khốc liệt hơn
bao giờ hết. Nhóm *Skinheads*, một
nhóm thanh niên cạo đầu trọc tỏ
chức khá chặt chẽ ở Anh quốc
đã nhiều lần đụng độ đám

máu với các nhóm hippie
để tóc dài. John Lennon, một trong
Tứ quái Beatles, đã làm cho cuộc
tranh chấp về tóc dài tóc ngắn thêm
sôi nổi khi anh xén bộ tóc dài nổi
tiếng một thời của mình thành
một bộ tóc ngắn, đến nỗi người ta
có cảm tưởng những giới trẻ cắt
tóc ngắn thời 1950 khi nhìn thấy
bộ tóc của anh hẳn phải hài lòng
ghê lắm.

Điều rất chắc chắn là việc để tóc
dài hay tóc ngắn của John Lennon
cũng như của hàng triệu người
khác, hoàn toàn không ảnh hưởng
gì đến tư tưởng, thái độ hay đức
hạnh của họ. Tuy nhiên điều đó
vẫn không ngăn cản con người, cả
những người thích thay đổi, thích
lập dị lẫn những người bình
thường để ý đến chiều dài bộ tóc
của những người khác. Lịch sử
đã chứng minh rằng sự chú trọng
đến tóc tai là một "tật xấu" ngàn
đời của nhân loại.

Đón đọc trong thượng tuần tháng 5 tờ báo lặn dạn nhiều
nhất về kỹ thuật:

S Ó N G

Tạp chí văn học nghệ thuật

Số 1, bộ mới. Với bài vở đặc sắc của:

VÕ HỒNG — VIÊN LINH — CUNG TÍCH BIỂN — VŨ THÀNH AN —
TRẦN HOÀI THU — KIM TUẤN — LÔI TAM — NGUYỄN LỆ UYÊN —
TẦN VY — HẠC THÀNH HOA — CHU TRÂM NGUYỄN MINH — HÀ
THÚC SINH — LÂM CHUÔNG — TỪ THẾ MỘNG — NGUYỄN BẮC
SƠN — THUY MIÊN — LÊ VĂN THANH VÂN — LƯU NHƯ THUY —
TRẦN PHÙ THẾ — PHẠM CAO HOÀNG — NGUYỄN PHƯƠNG LOAN
VŨ ĐÌNH TRƯỜNG...



SỐNG NHỜ CÁC NGÔI SAO

• LƯƠNG THẾ ĐÔNG

Đối với 10.000 chiêm tinh gia chuyên nghiệp ở Hoa Kỳ, công việc nghề nghiệp của họ chưa bao giờ tốt đẹp hơn lúc này. Họ làm việc có giờ giấc đúng hoàng, chứ không coi bói bất kể ngày đêm như trước, và mỗi lần lấy lá số tử vi là họ lấy của thân chủ từ 25 đến 300 mỹ kim tiền thù lư. Ngoài ra, hơn 1.200 nhật báo trên khắp nước Mỹ có đăng những bản «tử vi hàng ngày» của họ, và các chiêm tinh gia chuyên nghiệp này cũng đã xuất bản riêng ít nhất là 20 tạp chí chuyên môn định kỳ. Sách của họ thì bày bán khắp nơi, trong đó tiên tri, bày biểu cho độc giả đủ thứ từ việc nấu ăn theo chiêm tinh ra làm sao đến việc tìm một người bạn tốt theo các ngôi sao chiếu mạng.

Dùng máy tính điện tử như điên

Đôi khi các chiêm tinh gia Mỹ cũng dùng máy tính điện tử. Một hội đoàn chiêm tinh gia họ đã cung cấp cho khách hàng một bản tử vi dài 10.000 chữ chỉ với giá 20 mỹ kim. Ngày sinh tháng đẻ và nơi chào đời của người xin tử vi được bỏ vào một máy điện tử I.B.M 360-40. Sau đó, bản tử vi đầy đủ sẽ được máy đây ra. Một «công ty chiêm tinh» khác gửi cho các thân chủ một bản tử vi cá nhân từng tam cá nguyệt một mỗi bản giá 9 mỹ kim, và cũng được soạn bằng máy tính điện tử.

Vở Nhạc Kịch nổi tiếng *Hair* đã phổ biến giúp cho các chiêm tinh gia lòng tin của họ rằng con người hiện đã bước vào thời đại «Bảo Bình». Theo họ, thời đại «Hoàng Đạo» đầy ưu phiền và biến động đã chấm dứt vào năm 1904, và các

chiêm tinh gia hiện đang hướng về thời đại năm 2000, thời đại của hòa bình và nhân ái. Vẫn theo họ, trận thế chiến thứ nhất và thứ hai đã làm cho thời đại «Bảo Bình» khởi sự có vẻ không được tốt lành lắm, nhưng những người tin tưởng thật sự vào khoa chiêm tinh đều cho rằng sau cái khởi sự không tốt lành đó thế giới đang bắt đầu đổi mới.

Sự phồn thịnh của ngành chiêm tinh chỉ là một bộ mặt của phong trào quan tâm đến sự huyền bí hiện nay tại Hoa Kỳ. Các độc giả Mỹ đã nghiền ngẫm, tin tưởng vào những lời tiên tri của các chiêm tinh gia Flane Dixon và Edgar Cayce. Những vết tích của một thời đại tiền khoa học như là bói bài Tarot, ma thuật, bói số, coi chỉ tay, coi tướng, cũng như ngành chiêm tinh, đã thành linh trở nên những đề tài mà các sinh viên Mỹ nghiên cứu tỉ mỉ.

Trong một thế giới mà không ai biết tương lai ra sao ngành chiêm tinh đã đưa ra những tiên đoán, những giải đáp cho các thắc mắc về tương lai. Và vì vậy ngày nay ngành này có nhiều người tin hơn là bất cứ trong thời gian nào trong suốt 200 năm qua ở Mỹ. Một vài quan sát viên đã cho rằng tình trạng đại chúng hóa của ngành chiêm tinh là dấu hiệu con người vẫn minh xa rời khoa học, nhiều nhà quan sát khác thấy rằng, đối với một số người sự huyền bí của chiêm tinh học đã làm lu mờ hẳn lòng tin vào tôn giáo mà họ có từ trước tới nay.

Lịch sử khoa chiêm tinh

Trong số các dân tộc cổ, dân

Babylone đã góp phần quan trọng nhất vào ngành chiêm tinh. Hồi đó họ không có ống viễn vọng kính, nhưng với một bầu trời trong vắt và từ trong những ngôi tháp xây trên đồng bằng, họ có thể dò xét toàn diện một chân trời. Các tu sĩ Babylone đã ghi chép cẩn thận những sự di chuyển của Mộc tinh, Kim tinh, Hỏa tinh và Thủy tinh, cũng như của mặt trời và mặt trăng.

Lúc đầu người Babylone cho rằng các hành tinh tự chúng là Thượng Đế, nhưng sau đó họ lại tin rằng mỗi Thượng Đế ngự trị một hành tinh. Khi họ trau dồi cho quan niệm của mình, họ đã liên hiệp mỗi hành tinh với một số đặc tính nào đó. Đôi khi cái màu sắc bên ngoài của hành tinh cho thấy tính chất của nó: Hỏa tinh với màu đỏ được đồng hóa với chiến tranh và máu lửa...

Từ Babilone, khoa chiêm tinh được đưa sang Hy Lạp Người Hy Lạp lý luận rằng nếu mặt trời và mặt trăng có nhiều ảnh hưởng đến nhiệt độ và thời tiết của quả đất như vậy, thì các ngôi sao khác cũng có thể quyết định đến các điều kiện và trạng thái của con người. Cả hai nhà thông thái Phetô và Aristote đều tin rằng các ngôi sao có thể cho biết trước tương lai. Hippocrates ông tổ của Y khoa đã nói: «Người nào không biết chiêm tinh thì nên gọi là kẻ điên hơn là một nhà thầy thuốc». Các nô lệ Hy Lạp đã đem khoa chiêm tinh qua La Mã và các tác giả khoa học thời đó như Plimy và Seneca đã xác nhận giá trị của khoa này.

Thiên Chúa giáo lúc thì chấp

Lịch sử của khoa chiêm tinh và cuộc sống của các chiêm tinh gia thế nào như?

lúc thì chống đối dữ dội của chiêm tinh. Thánh Augustine công kích khoa chiêm tinh vì nó phủ nhận ý chí tự do của con người. Ngài dùng lập luận căn cứ vào sự kiện «các trẻ song sanh có vẻ giống nhau không» để quả quyết rằng khoa chiêm tinh vừa là trò trò bịp bợm vừa là công việc của ma quỷ.

Các chiêm tinh gia đã bảo vệ nghề nghiệp và nghệ thuật của mình bằng cách tự so sánh họ với các Magi trong thánh kinh, là những người thông thái đã tìm ra dấu hiệu chào mừng Chúa ra đời trong các người bênh vực phe thiên Chúa giáo đã trả lời rằng các Magi đã phủ nhận lòng tin của họ đối với khoa chiêm tinh khi họ đến hang Bethlehem, vì sau đó họ đã trở về nhà bằng con đường khác với con đường lúc đến.

Thánh Thomas Aquinas đã dùng hai quan niệm để tin đỡ Thiên Chúa giáo và các chiêm tinh gia đối tranh luận. Ngài chấp nhận rằng các ngôi sao có ảnh hưởng đến thể xác, và thể xác trở lại ảnh hưởng vào tinh thần và ý chí: «Quả vậy, đa số con người được vọng nung trị, và ảnh hưởng của những sự thêm bớt về thể xác. Với những người này, sự ảnh hưởng của các ngôi sao thấy rõ ràng. Một số ít hơn, thì thừa sáng suốt để có thể chống cự lại những ảnh hưởng thú vật của mình. Như vậy, các chiêm tinh gia có thể tiên tri sự thật của đa số các trường hợp, đặc biệt là khi họ tiên đoán ông quất».

Các chiêm tinh gia vì muốn hòa giải với phía Thiên Chúa Giáo, nên trong hệ thống khoa chiêm tinh, họ

thường dành một chỗ cho «ý chí tự do». Họ lý luận rằng các ngôi sao chỉ gây một ảnh hưởng duy nhất lên con người, nhưng con người có thể cưỡng lại các ảnh hưởng này. Nếu một bản tử vì tiết lộ một khuynh hướng vì kỷ luật một người nào đó, thì người ấy có thể cố gắng tối đa để tự mình tập luyện lòng quảng đại.

Suối thời Trung Cổ, hầu hết các dân tộc đều tin rằng các ngôi sao có ảnh hưởng đến đời sống con người. Môn chiêm tinh được dạy nhiều đại học học lớn từ năm 1200 đến năm 1600, Đức Giáo Hoàng Juis II nhờ các chiêm tinh gia ấn định ngày đăng quang của mình và đức Giáo Hoàng Paul III thường tham khảo ý kiến của các chiêm tinh gia trước khi ấn định ngày giờ các cuộc Hội nghị ở Tòa thánh. Đức Giáo Hoàng Leo X thì thiết lập chức giáo sư chiêm tinh. Ngày nào khoa chiêm tinh còn xóa bỏ thuyết tiên định và còn giữ một phần cho ý chí tự do, thì ngày đó khoa này còn sống chung hòa bình với Thiên Chúa Giáo.

Khoa chiêm tinh cứ như thế phát triển cho đến thế kỷ thứ 18. Từ thế này nhiều ngôi sao mới được khám phá. Ngay cả những người thật thà chất phác cũng tự hỏi về giá trị của những sự tính toán mà các chiêm tinh gia đưa ra dựa trên con số sai lầm về các ngôi sao. Mặc dù Đức Giáo Hoàng và các nhà thần học đã từng tin tưởng vào khoa chiêm tinh, nhưng Giáo hội một lần nữa khởi sự tố cáo đó là một hình thức đề cao thuyết tiên định.

Ở Phương Đông sự tin tưởng vào chiêm tinh học vẫn được xem

là chuyện dĩ nhiên tại các xứ Ấn Độ, Hồi Quốc, Tích Lan, Miến Điện. Tại các nước này, ai ai cũng đi thỉnh ý của một chiêm tinh gia về một cuộc hôn nhân, một việc tang chế hay bất cứ việc làm ăn gì. Một nhà chiêm tinh ở đây phải nghiên cứu học hỏi 20 năm trước khi ông ta được chính quyền cấp cho một chứng chỉ hành nghề.

Lời làm việc của một Chiêm tinh gia Mỹ

Một ký giả Mỹ mới đây, nhân cuộc điều tra của ông về giới chiêm tinh gia, đã đến xin một nhà chiêm tinh chuyên nghiệp làm bản tử vì cho mình. Nhà chiêm tinh chuyên nghiệp này là bà Frederic Geiger, đã từng hành nghề 20 năm và có chân trong Hiệp Hội Chiêm Tinh Gia Mỹ. Bà cũng là giám đốc bảo tàng viện nghệ thuật của Viện Đại Học Purdue. Bà đã nhấn mạnh rằng khoa chiêm tinh dựa trên một căn bản khoa học vững chắc, nhưng không giải thích các ngôi sao hiện ảnh hưởng như thế nào đến đời sống mỗi người.

Giống như mọi chiêm tinh gia khác, bà Geiger lấy tử vi chiêm tinh mỗi người nhờ vào ngày, giờ và nơi sinh. Bà tính giờ sinh ra giờ quốc tế, và tính toán nhiều điều rắc rối khác. Bà dùng một cuốn sách về lịch thiên văn, trong có ghi rõ vị trí của các hành tinh và tính giờ sinh qua giờ thiên văn.

Xong bà bắt đầu viết ra lá số chiêm tinh, là một loại như bản đồ trong có ghi rõ vị trí của mặt trời, mặt trăng và các hành tinh khác so với trái đất vào lúc sinh ra đời.

Vị trí của mặt trời được xem như quan trọng nhất. Vị trí này

sẽ xác định một người thuộc vào tuổi nào: Song Ngư, Bảo Bình hay Xử Nữ v.v... Một yếu tố quan trọng khác là dấu hiệu «lặn» hay «mọc» vào lúc chào đời.

Vị trí các ngôi sao khác cũng khá quan trọng. Vị trí các ngôi sao này trong các «khu vực» khác nhau và liên hệ của chúng đối với nhau cũng đã được nghiên cứu từ xưa.

Tin hay không tin?

Hiện nay, hầu hết các khoa học gia đều xem khoa chiêm tinh như là một ý niệm lỗi thời. Họ biết rằng các ngôi sao không mọc lên trong màn đêm như lời các chiêm tinh gia cho biết, trái lại chính quả đất quay vòng vòng về phía các ngôi sao. Các chiêm tinh gia cũng nói đến sự liên hợp giữa các hành tinh, nhưng thật ra các hành tinh cách nhau hàng triệu triệu cây số. Sự thay đổi về ánh sáng, về sức hút của các hành tinh này đối với quả đất không nghĩa lý gì nên không thể nào ảnh hưởng đến đời sống, vận mệnh của từng người.

Xem như vậy, lẽ ra ngày nay người ta phải không tin tưởng gì vào khoa chiêm tinh mới phải. Nhưng sự thật là, như đã nói ở trên, khoa chiêm tinh lại sống mạnh hơn bao giờ hết, giữa thời đại văn minh này. Do đó người ta chỉ có thể tạm kết luận là, mặc dù trong tiềm thức vẫn biết có nhiều sự sai lầm trong kiến thức của một ông chiêm tinh gia, nhưng con người vẫn thích nghe những lời tiên tri về cuộc đời của họ bởi một lẽ duy nhất: đó là vì sự tò mò.



BÓNG LÁ

N H A N quay mở cánh cửa hướng ra bên cạnh lối đi. Từng vạt nắng chiếu sáng trên bức tường vôi trắng ngôi nhà đối diện. Không biết ngờ ngàng thế nào Nhận bỏ quay đi như vĩnh viễn không muốn thấy bóng mình in xuống khung cửa sổ. Những tháng ngày dài cúi mặt xuống đời mình Nhận thấy thiếu vắng sự thân yêu, đôi lúc hình bóng mờ của Ngọc lảo đảo trước mắt như một nhắc nhở đau thương mà ngàn đời Nhận không muốn kéo lại cuộn dây thắt cổ đời mình dù sự thất bại chỉ đến trong trí nhớ. Bốn chân ghế lắc lư đưa đẩy khi Nhận vô tình va mạnh vào cạnh bàn làm mấy chiếc tách lung lay va chạm leng keng.

—Thầy đã thức dậy chưa thầy ?

Tiếng bà Ngọc hàng ngày vẫn đánh thức Nhận mỗi khi ngọn chổi quét nhà kéo qua lại sột soạt trước cửa phòng của Nhận.

— Dạ rồi ạ.

— Thầy ăn sáng gì nói cháu Ty chạy đi mua cho.

— Cảm ơn bà. Sáng nay cháu đi ăn sáng với người bạn.

Cuộc đối thoại thông thường, nhưng Nhận thấy êm ấm, thứ tình cảm ngoài đời sống lắm lúc là thứ tình cảm chân thành. Một người không phải họ hàng lại chăm sóc hình như một người cháu. Làm cho Nhận tìm kiếm lại thứ tình thương ruột thịt đã bỏ đi xa.

Căn phòng Nhận đang ở quay mặt ra hàng dừa cao khẳng khiu. Lá dừa khô vẫn thường đồ xuống chắn cả lối đi. Nhưng Nhận vẫn thích thú hàng dừa ngày ngày in hình bóng mát. Những trái dừa khô đưa đây, nếu có ngọn gió mạnh thổi qua một vài quả trong số rơi xuống không khác có người trèo cao vừa ngã xuống. Bà Ngọc cứ nói «cậu ở đây chẳng bao lâu sẽ mập». Nhưng làm gì có chuyện đó. Nhận nhìn những ngón tay xương xẩu, đường gân nổi lên thô kệch. Nhận chỉ thầm cười, biết đâu có ngày nào đó mình sẽ mập sẽ đổi khác cũng như trăm sự thay đổi khác trong đời sống. Nhận chỉ ao ước bệnh hoạn không đến với chàng là được. Buổi mai mát, thoải mái Nhận sắp xếp lại nhiều thứ bề bộn trên chiếc bàn thường ngày chàng thường ngồi chấm bài hay uống nước trà. Nhiều lúc trăm thứ trải đầy từ ngày này qua ngày khác. Sự xấp xáp Nhận thấy lần thần nhưng cần thiết. Bà Ngọc bảo Nhận «con trai ở một mình bẽ bối lắm». Nhận nhận ra điều đó từ lâu, đàn ông không mấy chú ý đến những việc lật vạt, nếu chẳng may có người con trai nào làm những công việc đó một cách chăm chỉ hóa ra gần đàn bà đi mất. Không biết sẽ có ngày nào đó Nhận trở nên lần thần. Nhưng bây giờ, giữa vũng sâu núi lá ẩm mục, Nhận lúc nào cũng cố vươn vai theo chiều cao dựng đứng hóc đá phía bờ sông. Nhận nhớ đến Ngọc quay quắt sự nhớ nhưng chỉ làm thấy hình ảnh Ngọc mỗi ngày mỗi xa dần vào quá khứ. Mà quá khứ chỉ được phép nâng niu bằng hình ảnh xót xa. Nhận bây giờ không khác người chạy thoát chiếc bóng quá khứ mờ đục. Bóng bóng vờ trên môi và nước mắt mặn chắt xuống. Nhận cũng chỉ như con giun bị dẫm dưới bàn chân. Bà Ngọc vẫn thường trách cứ Nhận :

— Sao tui thấy cậu ít biên thư về nhà ?

— Lâu lâu mới biên một lần, nhưng lần nào cháu cũng viết thật dài nên ở nhà cũng ít khi trách móc.

Nhận biết nói láo cũng chẳng sao. Bà Ngọc vẫn tin thật. Nhận cũng không muốn để lộ quá khứ quặn quai nhúm cho một người lạ mặt. Nhất là trong đầu óc bà Ngọc hình ảnh Nhận đầy đặc, gương mẫu hiền từ. Tuy chàng cũng biết lời nói dối chẳng qua chỉ làm được lòng bà Ngọc chứ sự thật có viết thư về cho gia đình chỉ vồn vắn mấy dòng. Và cũng chẳng bao giờ nhắc nhở đến chuyện Ngô. Có phải sự nhắc nhở sẽ làm cho cha mẹ Nhận đau lòng hay để gọi lại ám ảnh đã qua. Cả hai điều này làm Nhận run sợ. Và cũng từ đó Nhận thông một chút mong muốn trở về. Sự trở về của Nhận sẽ là ngọn lửa bốc cháy trong đêm kinh hoàng. Nó sẽ đánh mất sự yên lặng thường nhật. Bỏ đi. Hai tiếng ngắn gọn lơ lửng nhưng cả một chuỗi suy tư dẫn vật mà hàng đêm Nhận thao thức. Dấu chân nào bước đi cũng bỏ lại ngậm ngùi dấu mặt. Nhận cũng không muốn tụt xuống vực sâu để ngồi thoi thóp nhìn không gian đục mờ giới hạn. Nhưng bây giờ có niu kéo thật thấp để vẽ vờ lên bàn tay xa cách nó cũng chẳng đi về đâu mà chỉ in dấu mực lên đầu ngọn tóc và khi đó cuộc đời đóng thành vết thọc ngàn năm.

Đấy nhà tôn mới được xây cất dành để mở thêm mấy lớp mới. Những vết vôi trắng rơi rớt xuống nền đất chưa láng xong. Mùi vôi bốc lên nồng nặc. Nhận đi qua có chiều vàng bóng cát, gió thổi lất phất thỉnh thoảng tung từng loạt cát đánh rát vào da mặt tê tê. Chung quanh trường không một bóng cây cao. Ở xa đấy dương liễu thấp lè tè cằn cỗi. Thứ dương liễu làm mất đi sức sống, nên cây chỉ tăng tuồng theo chiều ngang cành lá. Mấy quán giải khát tấp nập. Nhận quay trở lại theo chân ông Hiệu Trưởng bước ra khỏi căn phòng đi qua dãy hành lang. Ngôi trường xây cất trên một đồi cát hướng ra biển. Gió biển lúc nào cũng thổi mát. Nhưng từng loạt cát tung lên không khỏi khó chịu. Cũng bởi thế có cô giáo đến đây chưa đầy mấy tháng đã khăn gói ra đi. Đời sống Nhận đóng khung trong một ngôi trường chưa đầy mười lớp học, nhưng hầu hết là học sinh ở xa đến học, nổi lo âu nhọc nhằn thấy rõ trên mỗi khuôn mặt. Những khuôn mặt tái xanh vì lo âu cơm gạo, có những em khác kinh hoàng tiếng súng trong đêm. Học sinh tuy đã lớn nhưng chúng chưa hấp thụ lối sống thành thị nên vẫn còn những đầm ăm thầy trò. Buổi tan học nào Nhận cũng phải lững thững đứng bên đường đón từng chuyến xe. Nhiều

lần Nhận thấy hai chân như muốn quỵ xuống theo buổi chiều. Bóng đêm dần dần đe dọa. Nhận nhìn lên dãy núi mờ xanh thăm nghĩ đến nỗi hiu quạnh trong mỗi thôn xóm. Những chuyến xe qua mờ mịt bụi đường, thứ bụi đường đỏ chệch mờ cả mắt. Những chiếc xe ba bánh chật đầy người với gồng gánh, có khi những đứa trẻ thiếu chỗ ngồi phải trèo lên trần xe. Để cho an toàn ông tài xế lấy cuộn giây thường buộc từng đứa một cho vững chắc. Những hôm chờ đợi nóng lòng và có khi là sự bất trắc Nhận phải đi bộ gần năm mươi cây số mới có xe trở về thành phố. Tình hình ở đây ban ngày lắng dịu như không có điều gì xảy ra nhưng đêm xuống kéo luôn sự đe dọa. Luồng gió thổi qua đông đưa cành lá xào xạc cũng đủ gây bao mối nghi ngờ sợ hãi.

Nhận trở về sau mỗi buổi chiều với tấm áo đầy bụi đỏ. Nếu phải mùa mưa thì thường hứng phải những loạt bùn do những chiếc xe chạy qua. Nhận cởi chiếc áo xong bước vào phòng tắm. Chàng thấy lạnh lùng dội qua loạt nước đầu. Hơi thở nóng bốc ra làm Nhận thấy mệt mỏi. Tiếng động của những ngọn lá khô xoay chiều kéo không gian chạy dài theo bờ tre. Lá dừa khô đu đưa lê la qua lại, bóng đêm xuống dần Nhận tìm ra nỗi hiu hắt ghê sợ. Cơm tối bày sẵn trên bàn. Bà Ngọc chạy lên :

— Tắm gì mà lâu quá, giờ này chưa ăn cơm sao cậu Nhận ?

— Trời nóng thế này tắm không biết chán.

— Hồi chiều có người đàn bà nào đến hỏi cậu.

— Người đó đến hỏi gì bỏ bà ?

— Tui không được rõ, nhưng nghe đâu bà ta ở ngoài mới vào.

Bà ta có gọi cậu lá thư tôi đang giữ đây.

Nghe nói Nhận vội vàng lau mình thay quần áo bước ra khỏi phòng tắm. Bà Ngọc bỏ lá thư trên bàn rồi quay đi.

« Anh Nhận,

Anh ngạc nhiên lắm phải không. Em tìm thăm anh vì em chưa chết.

Chiều em sẽ trở lại.

Ngô »

Nhận bàng hoàng xúc động. Để lá thư xuống rồi lại cầm lên

ọc lại có phải dung nét chữ của Ngọ hay không. Mà đúng thật. Ngọ còn
 ỉng? Một điều bí ẩn và lạ lùng. Ngày Ngọ bỏ đi cũng chỉ để lại mấy
 từ báo tin đã chết. Hay có ai đang chơi thứ trò chơi ma quái gì đây.
 Nhận ngồi xuống trông ngóng và suy nghĩ liên miên. Biết đâu Ngọ đã
 chồng và Ngọ dấu đi cho Nhận khỏi đau lòng. Không biết phải nói
 ẽ nào trước mặt Ngọ. Nhưng có một điều Nhận sung sướng khó
 . Một thứ sung sướng bất gặp quá khứ đã mất. Mà sao Ngọ lại bỏ
 và người nhà cũng cho rằng đã chết? Tại sao Ngọ lại biết được
 Nhận đang ở nơi đây? Chính Nhận cũng không trả lời được những
 mắc do chàng nêu ra. Như màn sương tan, ánh mặt trời xuất
 hiện chói chang, đối với Nhận trăm thứ ngỡ ngàng. Hay cuộc đời
 Nhận bắt chàng phải trở về nâng niu bóng lá vàng son. Quá khứ đầy
 ỷ niệm vẫn ám ảnh và làm Nhận chán nản trong suốt thời gian hay
 n Ngọ đã chết. Những lá thư tình còn thơm mùi nước hoa, những
 ết chữ vội vàng trên trang giấy kẻ ô học trò Nhận dấu kín như một
 ảo vật. Nhận trông ngóng chờ đợi. Có phải chờ đợi hình ảnh Ngọ
 ả chết hay Ngọ tình nhân lâu ngày gặp lại, chàng đâm ra nghi ngờ
 ả như trước mặt.

— Anh Nhận.

— Em.

Ngọ bước vào cửa, hai người bàng hoàng chỉ biết gọi nhau chứ
 thông nói gì hơn. Một lúc sau Nhận hỏi:

— Anh cứ định ninh rằng em đã chết. Mẹ em cũng đã đau khổ
 báo tin cho anh như thế.

— Anh cũng cứ coi em như đã chết có gì lạ đâu. Sống với
 chết đâu có xa xôi, khó khăn. Nhưng có điều anh hãy quên cái chết
 của em đi. Em chỉ đến thăm anh đêm nay. Sáng mai em không là của
 anh nữa.

— Em nói gì khó hiểu quá. Thôi. Bây giờ em có thể thay áo
 quần rửa mặt xong chúng mình ăn cơm.

Ngọ cũng hết sức tự nhiên đứng dậy cắt chiếc xách tay vào góc
 tường.

— Một mình anh ở phòng này thôi sao?

— Còn ai nữa đâu. Thế hồi chiều em đi đâu?

— Em ngồi quán nước và đi một vòng chợ xem cho biết.

— Sao em không chịu nói rõ với bà chủ nhà em là người nhà,
 để bà ta mở cửa phòng cho. Đi lòng vòng suốt cả chiều.

Nhận hướng dẫn Ngọ biết những nơi đi lại trong nhà Nhận
 thuê. Nhận soạn từng thứ cần thiết cho Ngọ như những ngày hai
 người quen nhau thăm thiết.

Bà Ngọc chạy lên phân bua:

— Người nhà cậu Nhận mà hồi chiều cô không chịu nói rõ cho
 tui. Bất ngờ cô dùng cơm tạm nhé.

Mâm cơm như cũ bà Ngọc cho thêm một chén, đĩa, xong trở
 xuống nhà làm thêm thức ăn.

Không ngờ Ngọ có mặt một cách tự nhiên. Nàng ngồi cúi xuống
 như muốn rưng rưng nước mắt. Nhận hỏi thúc Ngọ ăn thêm nhưng
 nàng bỏ đĩa xuống:

— Anh cứ ăn tự nhiên, em no quá rồi.

Cả những điều buồn phiền từ lâu Nhận nói ra trong sung sướng.
 Biết rằng cuộc gặp gỡ này không khác ngọn lửa chiều đốt đồng lá
 khô âm mục. Mùa thu thương nhớ bên sông và cuộc tình như đã chết
 nay trở lại đột ngột. Một đoạn đời buồn thiêu cháy đêm nay. Nhận
 chưa cần ao ước gì hơn ngoài thấy lại mặt Ngọ. Ngọ chưa chết. Và
 Nhận không còn những ân hận áy máy dằng dai như cơn mưa đồng
 đầu mùa. Ngày mai đây Nhận cũng phải chết, nhưng Nhận không muốn
 nhìn thấy cái chết của chàng lúc chàng còn sống. Chiến tranh. Thật
 là vô nghĩa. Chém giết nhau khi không có một chút hận thù. Cơn phiền
 muộn và quãng đời lá mục của Nhận suốt hai năm qua bởi Nhận
 tin vào sự chết mong manh. Ngọ đã chết như trăm người khác phải
 liều thân quyền sinh vì những bất mãn, vì túng thiếu...

— Em biết em rất xấu hổ khi gặp lại anh. Biết như vậy nhưng em
 vẫn tìm đến anh.

— Anh không muốn em kéo dài sự đau khổ trong suốt cuộc đời.
 Cũng như anh. Đời sống ngán ngùi quá mà chúng ta lại quên đi đề
 gánh chịu đau khổ hơn là sống cho trọn vẹn. Có phải vậy là chúng ta
 quá ngu si. Bây giờ anh mới rõ em đã quá hy sinh cuộc sống hiện tại,
 em không nên chôn vùi tuổi trẻ và cuộc sống của em để mong

hường một hạnh phúc khác. Trăm người hay là tất cả, ai cũng có gia đình, ai cũng bị ràng buộc bởi những liên hệ khác nhau trong đời sống.

— Em không thích nghe anh lý luận. Mai mốt và mỗi mỗi sau này em muốn em không còn là em nữa, không còn người yêu của anh, người con của cha mẹ nữa. Em sẽ là người xa lạ trong thế giới xa lạ.

— Nếu em muốn giết anh thì em hãy đi. Tình yêu không phải quá đơn giản như chúng ta nói.

Luồng gió lạ thổi vào từ mé sông. Hai người cảm thấy lạnh. Đêm lạnh lùng lau lách. Tiếng những con ếch kêu buồn nản làm cho đêm sâu hút trong mỗi bụi cây. Hơi thở nồng ẩm luồn vào trong từng kẽ tóc. Nhận chỉ biết mình sung sướng, bên chàng, Ngộ của ấu thời, Ngộ của tình đầu ngây ngất. Bước chân nào hân hoan trên con đường về, những buổi hẹn hò còn thơm nồng nhung nhớ, Nhận không muốn nó mất đi và chôn vùi cuộc sống của Nhận quá nhanh chóng. Tiếng súng bắn đi rất gần đánh thức đêm đêm. Không phải một đêm mà như thường xuyên Nhận vẫn nghe tiếng súng giao tranh lúc gần, lúc xa. Chẳng bao lâu nữa Nhận sẽ cảm sung. Những hạt sương thấm ướt lên vai Ngộ, những lá dừa khô đưa đầy qua lại. Nhận muốn thức cho đêm thật dài, bóng lá che khuất hình ảnh hai người trong đêm dưới gốc dừa.

Nhận bước đi những bước hân hoan trong sương sớm. Những ngày không còn dài và nơi này sẽ không còn xa lạ.

PHAN VIỆT THỦY



● Câu chuyện nghe được trong một nhà giàu nọ.

— Tại sao anh không đi tưới cây đi. Đó là phận sự của anh mà
— Thưa bà trời đang mưa...
— Trời mưa ! Thì sao ? Anh chỉ việc bận áo mưa vô thôi..

● Anh có thể tưởng tượng nổi không. Ngày xưa tôi đã từng đánh bại một tay vô địch quyền anh và một tay vô địch cờ tướng.

— Thật sao. Chuyện khó tin.

— Có gì là khó tin đâu. Tôi thắng tay vô địch quyền Anh và môn cờ tướng và thắng tay cờ tướng về môn quyền Anh.

TÔN GIÁO VÀO NĂM 2000 NHƯ THẾ NÀO?

Một tác giả Mỹ nghiên cứu vấn đề và trả lời thắc mắc lớn nhất của giới hữu thần: tôn giáo sẽ ra sao vào đầu thế kỷ thứ 21?



● VŨ NGUYÊN

TRONG cuốn sách « Tôn giáo vào năm 2000 » do nhà xuất bản Sheed and Ward xuất bản năm vừa qua, tác giả Andrew M. Greeley đã cho biết những viễn tượng không đáng ngại về tình trạng của các tôn giáo trên thế giới khi con người bước vào đầu thế kỷ thứ 21.

Theo ông Andrew Greeley, vào đầu thế kỷ 21, những hệ thống tín ngưỡng, những sự liên hệ của con người và các cơ cấu xã hội sẽ không khác gì mấy so với thời gian giữa thế kỷ 20 như hiện nay.

Do đó, một số lớn những gì mà người ta sợ rằng sẽ xảy đến cho các tôn giáo sẽ không xảy đến.

1.— Tôn giáo sẽ không mất tín đồ của mình. Con số tông đồ của mỗi tôn giáo, ở Đông phương cũng như ở Tây phương, sẽ không thay đổi nếu không muốn nói là tăng.

2.— Tôn giáo cũng sẽ không mất ảnh hưởng quan trọng của mình. Tôn giáo vẫn có những ảnh hưởng trực tiếp lên xã hội về phương diện luân lý.

3. Sự thiêng liêng của tôn giáo không thay thế bằng một hình thức vô thần nào hết. Các luận lý dựa trên khoa học vẫn không thể đưa

ra một lòng tin mới thay thế cho tôn giáo. Ngược lại, phong trào chống sự máy móc của khoa học hiện nay cho thấy những hình thức tín ngưỡng mới sẽ không được hưởng ứng.

4. Riêng trong giới tu sĩ Công giáo, hạng tu sĩ hành đạo bán thời gian sẽ gia tăng, nhưng giới tu sĩ hành đạo chính thức vẫn tiếp tục giảm dần.

5. Các định chế tôn giáo sẽ không tàn lụi dần đi như nhiều người lo ngại. Trái lại, các định chế hiện nay sẽ trở nên phong phú hơn và bổ túc lẫn nhau.

6.— Trong Thiên chúa giáo, chính thống giáo sẽ không tàn lụi, và vẫn còn nhiều giáo sư thần học hiện mai danh ẩn tích sẽ sẵn sàng đứng ra bảo vệ cho những truyền thống của Chính thống giáo.

7.— Các hội đoàn tôn giáo từng địa phương sẽ không biến mất, những hội đoàn này sẽ trở nên nhỏ hơn và khác biệt với nhau hơn, nhưng khuynh hướng của con người thích sinh hoạt tôn giáo với gia đình, với vợ con ngay tại địa phương mình đang ở sẽ không bao giờ mất hẳn.

Với những tiên đoán trên, cùng t số nhận xét khác, tác giả cuốn tôn giáo vào năm 2000 đã giúp chúng người bi quan về tình ng của các tôn giáo trước những a minh vượt bậc của thế kỷ 21 ôi lo sợ nữa.

Riêng về nền tôn giáo ở Tây phương, tác giả đã cho biết sẽ có t số những thay đổi khá bi thảm ur sau :

1) Sẽ có một sự gia tăng dễ sợ sự đối thoại giữa tôn giáo và c khoa học xã hội, và sau đó cả i phía đều sẽ thu thập được iều ý kiến hay cho lãnh vực của ình.

2. Khoa học xã hội sẽ công nhận ãng tôn giáo giữ một vai trò quan ọng quyết định đối với đời sống ãh thần của con người và các à khoa học sẽ không còn cho ãng tôn giáo không đáng kể nữa.

3. Tôn giáo nói chung và thần học iới riêng sẽ tiếp tục tìm hiểu sâu ộng hơn về ý nghĩa của sự sống à sự chết của con người và con ười có thể có một đời sống khác òng.

4.— Trong tôn giáo sẽ có sự chú tâm hơn vào vấn đề phát triển cá nhân cho tương đương với việc phát triển tôn giáo, và trong vấn đề phát triển cá nhân các giáo hội sẽ chú trọng đến khía cạnh tính ục.

5.— Vì lý do thần học và cũng vì lý do tổ chức, tôn giáo sẽ quan tâm hơn đến các tổ chức tôn giáo nhỏ ở từng địa phương, và sẽ áp dụng khoa tâm lý xã hội vào việc phát triển tinh thần tín ngưỡng của mỗi tín đồ.

6.— Trong 30 năm tới tôn giáo ã khá hơn trong việc đương đầu

và giải quyết những xung đ... trong tâm thức mỗi tín đồ.

7.— Do đó, tôn giáo chẳng những đương đầu với những rắc rối bên trong con người mà còn có thể giải quyết những sự đa đoan ở bên ngoài xã hội.

8.— Sẽ có một sự nói rộng trong lý thuyết lẫn trong thực tế, về vấn đề trách nhiệm của mỗi cá nhân trong xã hội. Con người không những sẽ chỉ được xem là một cá nhân, chỉ giải quyết những vấn đề của cá nhân mình mà còn được xem là một cá nhân hành động trong một cộng đồng, và do đó có trách nhiệm với cộng đồng.

9.— Vấn đề tính dục sẽ xâm nhập vào đời sống con người nhiều hơn là hiện tại.

10.— Vào đầu thế kỷ 21, sự mạng của một tu sĩ sẽ khó khăn hơn, do đó trình độ về đạo và đời của các tu sĩ phải thật cao để có thể thuyết phục, gây cảm tình và lòng tin đến cho các tín hữu của họ.

Nói tóm lại, trong khi những hình ảnh dự phóng về đời sống vào đầu thế kỷ thứ 21 cho thấy những thay đổi lớn lao về điều kiện sống, hầu như cuộc sống lệ thuộc hoàn toàn vào máy móc, thì trái lại những dự phóng về tôn giáo cho thấy không có một thay đổi nào đáng kể nào cả.

Dựa vào những cuộc thăm dò và những tài liệu xác thực, ông Andrew Greeley có thể làm những người lo lắng đến đời sống tinh thần bớt quan tâm phần nào về thực trạng của các hệ thống tín ngưỡng trong đầu thế kỷ tới vậy.

• •



NHỮNG BƯỚC CHÂN TRÊN QUÊ HƯƠNG

● bút ký PHẠM HỒ

BẮT đầu viết đoạn bút ký Trang, Cà Phê, Hạnh Phúc Bồng Sơn, tôi nghĩ mình nên ghi những chuyện đẹp, những hình ảnh mình đã thấy trên bước đường công tác. Một buổi mưa dầm chìm thành phố ven biển sau một ngày theo người bạn bay tải quân ra vùng biên giới Đức Lập trở về. Một câu chuyện tình như một hạnh phúc đời người không phai nhạt hui hắt, vỡ tan trong một quán ly nhỏ ở Bồng Sơn. Và một quán Trang với nuông chiều tình người từ phương xa đặt chân đến tạm ngụ, với những giọng nhạc ru hồn... Tôi nghĩ rồi trong thời gian nối tiếp một lần trở lại nào đó tôi còn được thấy, ngồi lại quán cà phê Trang trong ngôi vườn cây xanh, trong ngôi nhà yên ả. Bắt đầu thì tôi nghĩ như vậy. Và ý nghĩ đó làm tôi say mê viết làm tôi ngất ngây với những hình ảnh mình đã gặp. Bồng Sơn một lần nào tôi đến thăm trên một phi vụ hành quân cùng với Thiếu tá Trang, Thiếu tá Bình, Thiếu tá Bút, Đại úy Luân và người bạn thân, nhà văn Đào Vũ

Anh Hùng, là một nơi khô cằn với đoạn đường đất đỏ mịt mù trên con đường từ phi trường ra chợ quận, là một con sông khô nước, đưa tro đáy một bãi cát với những chiếc xe nhà binh lội xuống đó để tắm rửa...

Bây giờ Nha Trang đang vào mùa mưa. Là vùng đất biên, Nha Trang thường có mưa sớm hơn ở các nơi. Mà mưa thì Nha Trang đẹp nào nùng. Mưa đan từng hàng phủ mờ một dãy biển xa, đồi màu biển xanh thường ngày thành màu xám thê lương, đồi màu xanh rặng núi cuối dãy Trường Sơn cũng thành một màu xám bao la. Không bao giờ những hình ảnh như vậy phai mờ trong lòng tôi mỗi lần nhắc nhở đến Nha Trang. Và bây giờ lòng lại đau hơn khi nghĩ rằng Nha Trang đã không còn gì nữa, còn chăng những người bạn thân đang phục vụ ở đó, đang ngày đêm lặn mình trong những phi vụ hiểm nguy... Có thể!

Cũng vì thế nhân một hôm ngồi uống nước cùng hai người bạn sinh viên khoa học ở một quán cà phê, một người đã nói là có đọc

hết bài của tôi viết về Nha Trang, về cà phê, Hạnh Phúc Bồng Sơn, ông tôi đã xốt xa nhiều. Bài viết đó, tình người dẹt trong đó là những thứ miên viễn, là những thứ mệnh mông tuyệt vời mà tôi đã bị giòng đời trong đục cướp mất.

Tất cả, tôi vẫn còn viết thiếu sót trong những ngày cách đây ba năm. Tất cả tôi sẽ cố gắng gọi lại, ông lại bằng nỗi tha thiết trong lòng mình. Để hoàn thành thiện nguyện ký viết cho thời chiến này, hình ảnh một, yêu quý của quê hương.

Làm sao tôi không nhớ được khi là những người bạn của tôi hiện đang mang đời mình trải ra ông ở những nơi đó; đánh đời tuổi niên thiếu, tuổi thành niên ở những nơi đó. Một Trần Xuân Hùng bác sĩ với ngày tháng cô đơn trong tỉnh Quảng Ngãi, một Hoàng Văn Giang với ngày tháng áo giáp, quần xà lỏn ở Hương Liên, Khe Sanh, một Võ Ý gói ví mình trong mưa mù gió lạnh ở đất Pleiku...

Hơn nữa còn những mảnh đời ông trong nỗi đơn đau tuyệt vọng ở những tình lý nhỏ, quây quần bên những người bạn lính từ những nàng ca kỹ Dung của Ban Mê Thuột, Tuyết, Thanh... Đó là những người con gái sống ở phương, chạy trốn những lửa phù phiếm của những thứ đông đúc trong các thành phố lớn, ẩn ẩn tìm sống ở các tỉnh nhỏ cao nguyên để rồi cuộc đời vẫn không thoát khỏi nanh vuốt của tình cảm say bùa, đánh đắm mắt yêu những chàng trai lính miền xa, lên nốt đời là một kiếp phù sinh.

Quê Hương chúng ta, có càng đi nhiều, có càng lăm kỷ niệm thì càng thêm bị dấn vật, nhàu xé trong lòng. Chính tôi đã bị như vậy. Ba năm, không làm những chuyến đi, không có cảnh sáng ở tỉnh này, chiều đã qua tỉnh khác, nhưng lòng vẫn luôn luôn khắc khoải.

Chợt một vài nhắc nhở, chợt một vài hình ảnh gọi lại những nơi mình đã đi qua. Như có một lần, buổi trưa cùng với Kiêm Thêm đến ăn cơm hàng của một bà người cùng quê hương với hẳn ở Tân Định. Ngồi đợi cơm chín trước hàng hiên của bà, ngồi nhìn thực khách của bà, tôi thấy hầu hết là những sinh viên, là các người lính trẻ. Có bao nhiêu đó thôi, nhưng lòng tôi đã rung rung khi xúc từng muỗng cơm trên đĩa đưa lên miệng. Lòng tôi rung rung vì trong cái cảnh ở quán cơm giữa thành phố Sài Gòn này tôi sẽ được sống một không khí một hàng cơm của đất Ban Mê Thuột ngày nào. Hàng cơm của bà Ba Cây Mít, dành nấu cho những người lính trẻ, những người lính bay biệt phái của vòm trời vùng hai. Thật là thanh đạm và nhiều tình thương. Tôi đã đến ăn tại quán cơm Bà Ba Cây Mít nhiều lần, trong các lần theo bạn bè trong những chuyến bay tải thương, bay liên lạc hành quân, ghé qua Ban Mê Thuột. Lòng tôi rung rung bởi vì trên quê hương đất nước chúng ta có những bà mẹ Việt Nam giàu tình thương, giàu tình đùm bọc những đứa con trai sống đời cát bụi giang hồ.

Đời sống của người lính, bay từ tỉnh này qua tỉnh khác, sống lang

thang như vậy làm sao có được những bữa cơm thơm tất trong một không khí gia đình. Đến bữa nếu đói thì vào những hàng quán, gọi một tô canh, một đĩa thịt hoặc một món xào. Có thể là cũng xong một bữa cơm qua ngày. Nhưng đến quán Bà Ba Cây Mít, tôi và cùng một số đồng anh em trong phi hành đoàn bay hành quân đã được hưởng một không khí trọn vẹn gia đình hơn. Đó chỉ là một ngôi nhà trong tự như bao ngôi nhà khác, phía trước nhà một cây mít to lớn sai trái cùng những chậu hoa chậu kiểng mát mắt. Và bữa cơm được dọn trên bàn ngay giữa nhà. Những người lính miền xa ngồi quây quần bên nhau ăn từng bát cơm bốc khói, trong từng cái chắc chiu, lo lắng chăm sóc của bà mẹ già. Xong bữa cơm với ăn tỉnh ấy, nhóm người lính chỉ trả một giá nào đó phải chăng. Hình ảnh quán Bà Ba Cây Mít ở Ban Mê Thuột là như thế. Và nó sẽ là những đau xót, mệnh mang hơn nếu chúng ta còn suy luận ra những thứ hình ảnh khác. Bởi có ai nghĩ đến những người con trai đến ngồi ăn cơm trong ngôi nhà ấy, một ngày, một buổi hay nhiều buổi, rồi một hôm nào đó người con trai ra đi vĩnh viễn trong một vùng trận địa nào ấy trong khi bạn của anh ta, lớp người bên cạnh của anh ta hằng ngày còn đến ngồi ăn cơm tại đó. Và cứ thế lần lượt thừa thốt đi, hoặc người lính đổi tới một đơn vị nào khác không có dịp trở lại ngôi ăn cơm, những chén cơm ân tình của bà. Cứ thế, người già chăm sóc cho người trẻ, người già ngồi nhìn

người trẻ rụng dần trên cõi đời, trên đất nước chiến tranh.

Mỗi tỉnh là một hình ảnh sống, mỗi nơi tôi bước qua trong ngày tháng chiến tranh là một kỷ niệm khôn phai. Như một lần nào đó trong chuyến công tác cùng anh Hồ Phong tại Đà Nẵng. Đà Nẵng của tôi chiều khi chúng tôi vừa bước chân xuống khỏi phi cảng đã thấy ngay một bầu trời xám ngoét, mưa kéo lê thế trong từng cơn gió rít trong không gian vì ngọn bão Pess. Đều rồi chúng tôi cùng tạm trú trong nhà anh Châu, người bạn học cũ đang làm Trưởng Phòng Hành Quân một Phi Đoàn Trục thăng đến mấy ngày đề rồi mò ra Quảng Nghĩa sống cùng Trần Xuân Dũng trong tiểu đoàn Quân Y và đề thấy một đám cưới trong chiến tranh thật là kỳ lạ, mà những người ở hậu phương, những người không bao giờ biết sự hiểm nguy của súng đạn chắc chắn không bao giờ ngàn đời không thể thấy được một đám cưới gắn liền với vận mệnh cuộc đời, vận mệnh đất nước như vậy.

Hình ảnh đám cưới một lần chúng tôi đã thấy đó, đã làm tôi suy nghĩ không biết bao nhiêu ngày khi trở lại Sài Gòn. Tôi đã nghĩ đến một bài thơ của một thi sĩ nổi danh thời tiền chiến. Bài thơ có những câu cho người thường ngoạn thấy một hình ảnh chiến tranh là những đau thương với người chiến binh.

«Lấy chồng đời chiến chinh»

«Mấy người đi trở lại»

«Lỡ khi mình không về»

«Thì thương người vợ chờ bé bỏng chiều quê»...

Người chiến binh thời tiền chiến được Hữu Loan dệt lên như thế

gây cho bao tâm hồn xót xa khi đến. Nhưng nếu có ai biết cho rằng, hiện tại trên quê hương của ta còn có những hình ảnh của đau thương hơn hình ảnh được người thi sĩ ấy dệt trong thơ nhiều. Như trường hợp cưới chúng tôi đã được dự ở ra Quảng Ngãi ấy.

Chàng là một phi công quan sát t phái trong Biệt Đội Quảng Ngãi, nàng là một khuynh nữ đẹp thành phố. Ngày cưới của chàng và nàng được dệt bằng những câu thơ do bạn bè thêu kết tui trên tường:

Nệm kê mây trắng, mừng thời sao

Trong khi đám cưới của chàng được diễn ra đẹp như vậy lại là chàng được lệnh phải thi một phi vụ hướng dẫn một tuần đánh địch ở Nghĩa Hành. Khi mọi người uống rượu mừng cho chàng là lúc cô dâu ng giờ từng phút lắng tai nghe phi cơ gầm thét nơi xa, ng đợi cho chàng hoàn tất phi

Và cũng trong khi ấy, những lời bạn thân của chàng lo âu, ai rằng rủi đâu nó bay sát trên địch, bị địch phơ cho một đạn phòng không, hết về chú rể, lúc ấy cô dâu sẽ ra

Chiến tranh là những bất trắc lường. Sống chết đời người trai gởi cho đất nước quê hương là những điều đẹp. Nhưng người vợ chờ bé bỏng chiều và một cô dâu trong ngày đã nghe tin chàng về ra đi viễn, ra đi không phải là sởn, ra đi lòng vẫn chung tình thử hỏi người vợ và cô dâu

của ngày vu quy trong giải quê hương của chúng ta đau đớn biết ngần nào. Ôi, nếu cô dâu chưa kịp «*Khập như thiếu nữ vu qui nhật*» mà rủi ro nào lại với khốc chia ly, thì thử hỏi những ngày dừng chân ở Quảng Ngãi của chúng tôi sẽ mĩa mai như thế nào.

Tất cả hình ảnh tôi đã đi qua trên các tỉnh nhỏ trên quê hương hầu hết là những kỷ niệm khôn phai như thế. Tôi làm sao quên được, dù bóng thời gian là cái mốc lãng quên. Mỗi hình ảnh, mỗi sự kiện xảy ra nó như là một thứ sáng chói, lung linh trong đầu óc tôi. Lạy trời, tôi vẫn còn nhớ mãi nhớ mãi như một chàng trai lãng mạn không quên được cuộc tình nhiều đớn đau.

Ba năm cách đây, những nơi tôi đi qua còn được gọi là danh từ vùng chiến thuật. Một năm trở lại đây những nơi đó đã được thay danh từ là những quân khu. Những quân khu một, quân khu hai, quân khu ba, quân khu bốn thì vẫn là những tỉnh nhỏ của các vùng chiến thuật khi xưa. Ngày tháng và hiện tại không còn là thứ xóa nhòa được mất cái đẹp, cái đau thương, cái tang tóc, cảnh chiến tranh nghèo khổ, cảnh hoang sơ ruộng vườn của một quốc gia trong thời chiến. Vì thế tôi xin mọi người đọc những đoạn trên tôi viết như là một phóng bút theo một tâm hồn trôi nổi với đầy ắp hình ảnh đã được sống qua, nhân một lần được nhắc đến. Đó là đoạn mở đầu cho những giòng bút ký viết cho Những Bước Chân Trên Quê Hương. Đó là những bao gồm của ngày tháng và hiện tại. ●●

T H Ờ I điểm là một lúc nào đó trong tương lai. Vào thời đó, trong mấy trăm năm liền, mỗi gia đình trên trái đất đều chỉ giới hạn vào tối đa là hai đứa nhỏ. Dân số trên trái đất lúc đó đã ổn định, nằm ở một mức độ ngang với khả năng sản xuất thực phẩm của địa cầu. Do đó, thế giới không còn nạn đói, và loài người đã sống dàn rộng đều đặn khắp quả địa cầu để mật độ dân số ở đâu đâu cũng đồng đều một cách tốt đẹp.

Nhưng con người thời đó có những thay đổi thật đáng ngại. Hẳn không còn là con người của thế kỷ 20 nữa. Về bề ngoài, hẳn không giống như con người vào thế kỷ 20, về thể chất, hẳn không mạnh bằng, về trí tuệ, hẳn không giỏi bằng và hẳn phải chịu nhiều sự thua

thiệt về thể xác mà tổ tiên của hẳn vào thế kỷ 20 không có hoặc có ít thôi. Ngay cả những người sống cùng một thời đó cũng ít ai giống nhau.

Các loại bệnh truyền nhiễm tai hại và kinh niên của thế kỷ 20 đã hoàn toàn bị tiêu diệt. Thay vào đó, các bệnh viện lại sản sóc các bệnh nhân có một lô chứng bệnh đáng ngại vì cơ quan trong người bị thiếu hụt hoặc kém hoạt động. Các khu phòng bệnh nhân trong các bệnh viện của thế kỷ hai mươi cũng không còn nữa. Mỗi bệnh nhân có cả một «phòng thí nghiệm» hỗ trợ riêng dành cho những nhu cầu cá nhân của người đó. Trong cái thế giới mà các bệnh nhân có vô số bệnh trạng khác nhau này, các bác sĩ phải phân tích từng trường hợp



Loài Người Sẽ Suy Vi Dần

Câu chuyện đáng chú ý về sự suy vi của loài người trong tương lai, mà đầu gây mỗi nhớ là phong trào hạn chế sinh đẻ hiện nay.

● ĐỖ TÙNG

cá nhân một, chỉ định số nhu cầu điện lực cần dùng cho bệnh nhân, quyết định các cuộc giải phẫu thay bộ phận trong người, và điều khiển hệ thống hỗ trợ bên ngoài để giúp bệnh nhân sống và khỏe mạnh.

Tất cả các tài nguyên kinh tế khắp thế giới đều phải dồn cho y học vì loài người đang đối đầu với sự diệt chủng. Con người duy nhất để giữ con người sống sót trong một thời gian đủ để sản xuất trở lại là sự săn sóc của bệnh viện. Những người nào không được bệnh viện săn sóc sẽ bị nguy hiểm trước khi họ có thể làm việc trở lại, hoặc con cái của họ sẽ chết trong bụng mẹ hoặc chết rất trẻ.

Đó là sự thật

Đoạn diễn tả ở trên không phải là chuyện khoa học giả tưởng, mà là do nhà sinh vật học Leonard Ornstein ở Viện Sinh Vật Học Sinai (Nữ Uớc) đưa ra, căn cứ trên các dữ kiện khoa học. Ngoài trừ vài điểm thêm bớt, hình ảnh trên là số phần mà con người sẽ chịu nên các phương pháp hạn chế sinh đẻ được áp dụng để điều động dân số thế giới theo ý muốn.

Sự hạn chế sinh đẻ phổ quát trên thế giới sẽ đưa đến việc khử diệt tiến trình "chọn lọc" của dân số loài người; kết quả chỉ có thể là một sự gia tăng số phần tử di

truyền bệnh tật, và cuối cùng là hình ảnh bi thảm đã tả ở trên.

Trong các sinh vật như con người mà sự sanh sản là do phương tiện tính giao, các phần tử di truyền của người con do cả cha lẫn mẹ truyền sang và kết hợp lại. Các phần tử di truyền này (tinh trùng của đàn ông và noãn bào của đàn bà) kiểm soát các đặc tính di truyền của đứa con, thí dụ như màu tóc, màu mắt, hoặc trí thông minh.

Vì những sự kết hợp tình cờ, một số cuộc thí nghiệm nhằm kết hợp các phần tử di truyền đã tạo nên thú vật hoặc cây cối.

Thêm vào đó, những thú vật hay cây cối do các phần tử di truyền kể trên tạo ra tác dụng lẫn nhau với các điều kiện chung quanh. Những sự kết hợp này, nếu thêm vào vài sự thay đổi về phần tử di truyền, sẽ tạo ra những thú vật hay cây cối thích hợp hơn hoặc ít thích hợp hơn với các điều kiện chung quanh so với những con thú hay cây cối đã sinh sản ra chúng. Nếu các sự thay đổi và điều chỉnh các phần tử di truyền đem đến cho thú vật (hoặc cây cối) một lợi ích hay tiến bộ này đó thì phẩm chất và dòng dõi của chúng sẽ dần dần thay thế phẩm chất và dòng dõi của thú vật (hoặc cây cối) đã sinh sản ra

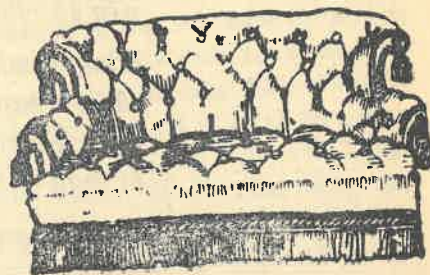
chúng. Mặt khác, nếu các sự thay đổi phần tử di truyền đem đến cho thú vật (hoặc cây cối) một sự thoái hóa, dòng dõi của con thú con (hoặc cây con) sau này sẽ dần dần ít đi hoặc sẽ bị diệt chủng. Tiến trình này được gọi là sự chọn lọc.

Sự hạn chế sinh đẻ phổ quát không đưa đến một hiểm họa thay đổi phần tử di truyền nào trong nhân loại. Tuy nhiên, sự thiếu chọn lọc của loài người đặt ra một vấn đề, đó là vấn đề mà nhà sinh vật học Ornestein đã nói: "Một khi thiếu sự chọn lọc thì bất cứ một chủng loại nào (kể cả loài người) cũng sẽ dần dần bị thoái hóa". Chính sự chọn lọc là guồng máy ngăn cản những sự thay đổi nguy hiểm của các phần tử di truyền. Không có sự chọn lọc những sự thay đổi nguy hiểm này sẽ nhiều thêm. Con người của thế kỷ 20 đã có một số đau khổ vì những tính chất đầy nguy hiểm kể trên. Có thể kể các bệnh đái đường, bệnh thiếu máu, bạch tạng. Hiện nay việc kiểm soát sinh đẻ phổ quát sẽ giữ một dân số ổn định cho địa cầu. Con số sinh không thể vượt quá con số tử. Mỗi cặp vợ chồng có thể sẽ hạn chế trong vòng hai đứa con mà thôi.

Nhưng sự chọn lọc chỉ có thể xảy ra khi những giống đôi «tốt» sinh sản ra nhiều con cái hơn là

những dòng dõi «xấu». Tuy nhiên trong phong trào hạn chế sinh đẻ phổ quát toàn thế giới hiện đang diễn ra, những dòng dõi «tốt» vẫn không thể nào sản xuất nhiều hơn những dòng dõi «xấu», do đó sự chọn lọc sẽ không thể xảy ra được.

Những nhà di truyền học vốn đòi hỏi một sự thăng tiến của loài người bằng cách điều khiển các phần tử di truyền kết hợp nhau tốt đẹp hơn, hẳn phải chống lại phong trào hạn chế sinh đẻ phổ quát hiện nay. Và có lẽ những nhà cầm quyền, những nhà lãnh đạo tôn giáo hay tất cả mọi người, đều nên có bốn phần tìm một cách nào khác thay thế cho sự hạn chế sinh đẻ hiện nay. Phải hành động càng sớm càng tốt để con cháu của mình khỏi bị những tai hại không cách nào tránh khỏi được.





EM MẶC ÁO VÀNG

từ em mặc áo vàng qua phố đỏ
tôi bỗng yêu màu nắng ấm vô cùng
biết em đến nhẹ nhàng như chim nhỏ
tôi càng yêu những buổi sáng mai trong
trời đẹp quá, những khi em đứng hẹn
chỉ nhìn nhau cũng đủ thấy dịu lòng
nhưng buồn quá, những khi em lỡ hẹn
tôi vào ra bé mãi đốt tay không
biết em giận tôi làm thơ buồn lắm
trông mùa thu đã tới ở sau lưng
cũng tê tái nghe hồn mình hiu quạnh
thấy mưa bay qua nóc phố mang mang
biết em vui tôi yêu hoài giấy trắng
chép thơ tình suốt suốt gởi trao em
nhưng tình yêu cũng có khi mệt đắng
em dễ vui cũng lại rất dễ buồn
em còn tình trẻ con tôi vẫn biết
thường giận hờn và nũng nịu không đâu
trong tình yêu tôi cũng là con nít
muốn giữ hoài những bóng dáng cho nhau
chỉ làm khổ gã trai si tình ấy
mãi chiều em và lo sợ phập phồng
đề em giận chắc là tôi buồn chết
nên vô cùng yêu màu áo vàng em
nắng có nhạt nhưng áo em không nhạt
tôi làm sao quên được hờ em
con chim nhỏ trong hồn tôi vừa hết
ôi màu vàng của nắng sớm, chiều hôm...

(anh gởi cho em những trái tim hồng)

HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN



những mùa mưa lãng quên

• truyện dài TỪ KẾ TƯỜNG

(tiếp theo kỳ trước)

ĂN cơm trưa xong Nguyễn ra ngoài thêm ngồi hút thuốc. Chàng xem đồng hồ. Mới có mười hai giờ rưỡi. Giờ này chắc Uyên chưa ra xe. Chàng thấy nóng âm ỉ trong lưng áo, và nghe rõ những giọt mồ hôi đang rịn ra lăn trên lớp da xuống dọc đường xương sống. Nguyễn thêm ra bờ biển cởi bỏ quần áo nằm lăn trên bãi cát dưới một bóng râm nào đó. Nguyễn sẽ ngủ giữa tiếng gió vi vu và tiếng sóng vỗ vập vào ghềnh đá. Nhưng chàng nhớ tới cái hẹn với Long. Và chờ đợi. Gánh hát cải lương đang chuẩn bị để diễn tuồng vào buổi tối, Nguyễn thấy những tấm bảng quảng cáo bày la liệt dưới những gốc me tây. Nét chữ sơn mới viết, đủ màu sắc lòe loẹt. Từ sáng sớm

đến giờ luôn luôn có một chiếc xe lôi chạy vòng quanh khu chợ. Anh cô động viên đánh trống ầm ỉ để phát chương trình giới thiệu vở tuồng tối nay. Trẻ con lại được dịp vui chơi, chúng chạy rong theo xe lôi và cổ vũ hết lòng. Gánh cải lương về đây được hai hôm, sức hấp dẫn của nó làm thay đổi hẳn bộ mặt quận lỵ. Riêng khu phố Nguyễn ở trông nhộn nhịp khác thường. Tối nay là tối ra mắt của đoàn cải lương, cũng là tối đầu tiên trong ba tháng nay giờ giới nghiêm được nói rộng đến hai giờ sáng. Nguyễn cười một mình. Nói rộng giờ giới nghiêm rồi làm gì ở cái quận lỵ này. Đi uống cà phê cùng lắm cũng đến mười giờ là quán đóng cửa. Chỉ còn một phương tiện hân hữu để giải trí là đi xem cải lương. Nguyễn không thích không khí của một rạp cải lương. Không khí ấy chỉ thích hợp cho đàn bà. Họ vào đây để khóc, để chứng tỏ cái lòng vị tha của mình theo những vai tuồng trên sân khấu. Nguyễn nghĩ tới bà Liên, bà Liên cũng là một người sống với không khí cải lương hay sao? Buổi sáng khi được ông Phụng mời bà Liên có vẻ thích thú háng hái lắm. Nguyễn nghĩ tới lúc bà Liên, ông Phụng và Ngân đồng khóc thút thít trước một hoàn cảnh bi thảm nào đó của vở tuồng chắc là không có gì tức cười hơn. Nhất là ông Phụng, cái gương mặt láng lầy những mờ là mờ ấy phụng phịu khóc và quệt nước mắt trong bóng tối mờ bên cạnh hai người đàn bà thì kỳ hết chỗ nói. Nguyễn bỗng quay vào hỏi Hân :

— Cậu có bao giờ đi xem cải lương và đã lần nào khóc trong rạp hát chưa ?

— Tôi không ưa thứ ấy. Cải lương chỉ để cho đàn bà người ta xem.

— Chắc ông hiệu trưởng nhà mình tối nay sẽ khóc kinh khiếp lắm. Hân buồn cười gật đầu ra ghế. Nguyễn cũng ôm bụng cười.

Long từ xa đi xe gắn máy tới đỗ trước thềm, cười hỏi :

— Có gì vui mà cười nghiêng ngửa vậy ? Mình đi chứ ?

Nguyễn đứng lên nói :

— Ừ, đi, này giờ chờ cậu đấy.

Chàng nói với Hân :

— Tôi đi chơi chiều cậu ăn cơm một mình nhé ?

Hân hỏi chừng nào về. Nguyễn đã ngồi lên xe, Nguyễn nói :

— Không biết.

Long rồ máy chạy đi. Một lúc xe ra con đường đất. Nắng thật gắt. Nguyễn ngồi phía sau nhìn ra hai bên vườn dừa, Long nói :

— Ngày tôi mới tới vùng này bị tụi nó phục kích ở kia.

Long đưa tay chỉ cho Nguyễn thấy một đám dừa nước rậm rạp mọc dài theo con kinh ăn sâu vào trong vườn dừa rộng lớn. Long tiếp :

— Suýt chút nữa thì đi đoong cuộc đời.

Nguyễn hỏi :

— Bây giờ chắc cậu còn ngán ngán khi đi qua đây ?

— Quen rồi, bây giờ chịu chơi lắm, cứ mong cho chúng giờ trở ra một lần nữa xem sao nhưng chả thấy. Lúc trước mình đâu có được đi khơi khơi như thế này.

Long rồ mạnh ga để chiếc xe đủ sức qua cây cầu ván bắt ngang con kinh. Nguyễn nhìn bao quát khắp con kinh rộng, hai bên dừa nước mọc sát vào nhau, dày bịt. Con kinh ăn mãi vào vườn dừa mút mắt. Nguyễn ngó thấy bóng mình lướt trên mặt nước. Chàng không ngờ mình có một ngày trôi dạt đến miền đất xa lạ này, không người thân thuộc. Không liên lạc gì với thành phố. Ở đó bà chị, đứa cháu gái và Miên. Chiếc xe gắn máy chạy chậm qua cầu. Những tấm ván run lên, khua động, có lúc chiếc xe chao qua một bên làm Nguyễn muốn té. Qua khỏi cầu Long cho xe chạy hết ga. Phía trước là một cánh đồng mênh mông. Con đường đất nằm lơ lửng dưới nền trời. Con mưa đêm qua như rửa sạch mây, bầu trời cao vút. Nắng có sao làm Nguyễn chói mắt. Con đường không có một bóng cây và vắng tanh. Có lúc Nguyễn như không còn nhìn thấy nó nữa. Con đường như đã chui vào khoảng thỉnh không bao la chật ngất kia. Chiếc xe lao thật uhanh, từng thửa ruộng lùi về phía sau vun vút. Nguyễn nghe gió ù ù bên tai. Chàng cố sức mở mắt ra để nhìn xa tới trước nhưng khó mà làm được như ý muốn. Nguyễn vòng tay ôm ngang hông Long. Tay chàng vô tình chạm phải cái bao súng của Long đang đeo. Nguyễn chợt nhớ ra mình đi chơi với một người lính.

hàng tức cười nói lớn ý nghĩ ấy cho Long nghe làm Long cười sắc sảo. Nguyễn không hiểu tại sao đến bây giờ chàng vẫn chưa trở thành một người lính như Long. Các bạn của chàng đã lần lượt đi và lần lượt ngã xuống. Nguyễn thấy chàng vẫn còn may mắn. Nhưng may mắn để làm gì? Nguyễn đoán trong vài tháng nữa người ta cũng gọi chàng đi. Nguyễn hình dung ra chàng trong bộ quân phục, cái lon đeo trên cổ áo, cây súng đeo bên hông. Mấy viên đạn, con dao găm bên gối. Nguyễn mà là lính sao? Miên đã từng nói cái bộ vỏ anh mà là lính vào quân trường tội cho người ta phải khiêng. Nguyễn cười thầm ngó phía sau lưng Long. Anh chàng trông khoẻ mạnh hơn mình nhiều. Long cho xe chạy chậm lại để sửa soạn qua một cây cầu nữa. Nguyễn nghĩ tới nơi chàng đến. Nơi tưởng chừng như quen thuộc lắm nhưng thật ra không phải của chàng. Ở đây Nguyễn không có gì cả. Lúc xe lên cầu Long hỏi:

— Đi đâu trước tiên?

— Cứ đi theo tôi đã rồi tính. Tôi sẽ ghé thăm một nhà quen.

Tới nơi, Nguyễn bảo Long chạy thẳng vào sân. Căn nhà nằm khuất trong vườn cây. Bóng mát đồ đầy xuống một khoảng rộng. Long tắt máy xe nhảy xuống rút khăn lau mồ hôi. Nguyễn nói:

— Nhà của một đứa học trò, nó nài nỉ mãi hôm nay mới ghé thăm được.

Long cười:

— Nhà này tôi cũng có người quen.

Phiến nghe tiếng xe từ trong chạy ra. Cô bé reo lên:

— A, thầy tới chơi, có cả anh Long nữa.

Nguyễn mỉm cười, Long nói lớn:

— Trưa nóng quá Phiến trả công cho anh bằng một châu dĩa xiêm đi?

Phiến vuốt tóc ngây thơ hỏi:

— Anh Long nói trả công gì mới được cơ à?

— Công chờ thầy Phiến tới đây.

Phiến nguyền Long một cái dài. Nguyễn và Long vào nhà. Phiến vừa kéo ghế vừa nói:

— Anh Long và thầy ngồi chơi đề Phiến nhờ người hái dứa nhé. Phiến ngó Long nheo mắt:

— Và thông báo cho chị Thuyền là có thiếu úy đến chơi.

Nguyễn không ngờ cô bé học trò trong lớp nhút nhát như hoa mắc cở mà ở nhà lại ghê thế. Long nói:

— Con nhỏ chỉ hay cái phá đám.

Thuyền từ nhà sau bước lên. Thấy Nguyễn nàng ngạc nhiên hỏi:

— Có cả anh Nguyễn nữa à, tưởng anh không thèm đến nhà này nữa chứ?

Nguyễn nói:

— Lâu nay bận quá. Phiến nó giục mãi, hôm nay mới ghé được. Long cười:

— Đó là công của anh.

Thuyền ngồi xuống ghế nguyền Long một cái thật dài. Nguyễn không ngờ Long lại thân thuộc với gia đình này như vậy. Nguyễn thì chỉ mới biết Thuyền có một lần hôm chàng được Phiến dẫn về nhà ăn bữa cơm trưa. Nhà chỉ có hai chị em và một bà mẹ. Theo lời Phiến kể lại thì cô bé không được biết mặt cha như thế nào. Từ nhỏ tới lớn Phiến sống với tình thương của bà mẹ và người chị. Mấy ông anh thì đi khu biệt tịch luôn không trở về. Thuyền suốt ngày gần như ngồi bên máy may thuê đồ đạc cho hàng xóm. Bà mẹ suốt ngày ở ngoài vườn chăm sóc những cây xoài ghép mới trồng. Phiến mỗi ngày với chiếc xe đạp đi gần 2 cây số đường đất để tới trường. Hai chị em và bà mẹ sống nhờ vườn dứa và ít mẫu ruộng còn khai thác được cho thuê lấy lúa. Còn lại đều bỏ hoang vì thuộc vùng mất an ninh. Nhờ tài may vá của Thuyền gia đình sống ở mức bình thường. Phiến mong kỳ bãi trường tới sẽ đậu xong bằng tiểu học sau đó sẽ lên tỉnh thi vào trường công để học tiếp tục. Nguyễn thấy Phiến có thể đạt tới cái mơ ước nhỏ bé mà lớn lao của cô học trò trường quận không mấy khó khăn. Trong lớp, Phiến là đứa học trò khá nhất và ngoan nhất. Với số tuổi mười ba Phiến đang đi trên đường trở thành một thiếu nữ. Phiến đã biết e lệ, làm dáng một cách vô tội trước bạn trai cùng lớp và ông thầy giáo. Nguyễn thấy từ khi Phiến đã bắt đầu nảy nở một sức quyến rũ. Bộ ngực non đầy đặn phập phồng trong lần áo mỗi khi lên trả bài, mỗi khi

guyễn giận dữ. Một lần Nguyễn đánh cho cô bé mấy thước kẻ vào y vì làm sai một bài toán đố. Phiến khóc suốt buổi học và tỏ vẻ dỗi bèn ông thầy giáo khất khe. Nguyễn biết chàng đang gặp phải khó khăn khi phải canh giữ dạy dỗ gần ba mươi đứa con gái đang sắp trở thành thiếu nữ. Nguyễn bây giờ không những chỉ đóng vai trò của một ông thầy mà còn thêm vai trò của một người anh. Nguyễn phải hết sức tế nhị và luôn luôn kiên nhẫn trong mọi trường hợp. Chàng dim bớt tánh nóng của một ông thầy để có sự dịu dàng của một người anh. Với bọn con trai tuổi này thì dễ đối phó hơn. Mặc dù lâu lâu lại phải nghe bọn chúng tổ khỗ nhau và phải xử lý những trường hợp thật kỳ dị đến cả Nguyễn cũng không biết mình xử đúng hay xử sai. Hân đã nói với Nguyễn tôi đã sợ dạy lớp lớn, dạy lớp nhỏ mình dùng toàn quyền của một ông thầy còn dạy lớp lớn như cậu đôi khi cái quyền đó bị hạn chế. Mình không thể đàn áp mình cảm chúng được. Nhất là tình cảm mới lớn lên, mang đầy đủ sức mạnh nồng nức của nó. Nguyễn biết nàng gặp khó khăn ngay từ khi mới tới lớp học.

Phiến nhí nhảnh bưng lên ly nước dừa đặt trên bàn. Cô bé ngó Nguyễn hỏi :

— Thầy tới chơi sao hồi sáng không nói trước với em ?

Nguyễn cầm chiếc muỗng gỗ vào thành ly :

— Thầy cũng định ghé. Nhưng đi giữa đường sức nhớ tới lời hứa với Phiến hôm trước. Thầy ghé có hơi bất ngờ.

Phiến đứng sau lưng chị cười khúc khích :

— Thấy thầy em mừng ghê, bất ngờ thật.

Thuyền ngó Long :

— Chiều nay nghỉ được sao ?

— Được chứ, bắt con người ta làm hoài chịu sao nổi ? Lâu lâu phải cho người ta nhàn hạ một bữa để bù vào chứ.

Phiến nhanh miệng :

— Đẳng nào anh Long cũng là trưởng đồn, hách lắm chứ bộ chị tưởng.

Long uống một ngụm nước dừa :

— Con nhỏ xạo không ai bằng.

Thuyền mời :

— Anh Nguyễn uống nước đi chứ, xem tài của cô học trò mình.

Phiến biau môi :

— Em làm nước dừa thì khỏi chê, có pha muối nữa.

Nguyễn uống một ngụm, khoát tay .

— Tộp cô lại, nước dừa mặn chết.

Long thêm !

— Uống muốn xé lưỡi.

Phiến đỏ mặt cãi :

— Em bỏ có một chút xíu muối thôi.

Thuyền thui vào lưng em nói :

— Biết tài cô rồi đừng cãi nữa.

Phiến ngó Nguyễn phụng phịu như sắp khóc. Chàng lại phải trở tài ông thầy giáo :

— Mặn thật nhưng uống nước dừa như thế này mới ngon.

Long cười :

— Thầy khen trò...

Phiến nguýt Long chạy đi :

— Không thèm nói chuyện với anh Long nữa.

Nguyễn nhìn ra con đường trước mặt. Nắng làm bốc hơi mặt cát. Một cơn gió tung bụi mịn mù che phủ cái xe nước đá và căn nhà đối diện phía bên kia đường. Giờ này có lẽ Uyên đã ra xe. Chiếc xe mang nàng về tỉnh giữa buổi chiều mịn mù gió cát. Nguyễn bỗng thấy nhớ Saigon. Nhớ những đêm lao đao trong cơn say trở về gõ cửa căn nhà chị Xuyên, nghe chị rầy và nghe hơi nước mát từ bàn tay chị và vào mặt. Nguyễn chỉ có tình thương ở đó. Nguyễn gọi nhỏ trong lòng : chị Xuyên, chị Xuyên. Thuyền bỗng nói :

— Trong nhà hơi nóng, mình ra ngoài vườn cho mát.

Cả ba đứng lên theo Thuyền ra vườn. Phiến đang ngồi kể bên người mẹ dưới một bóng mát lớn. Người mẹ đang nhai trầu. Thuyền

có anh Long và thầy Nguyễn tới chơi. Người mẹ mỉm cười, yên và Long cúi đầu chào, người mẹ nói :

— Lâu quá mới thấy thầy giáo ghé chơi.

Nguyễn bứt một chiếc lá ném đi.

— Dạ cháu bạn.

Long hỏi :

— Máy cây xoài ghép của bác đã chịu đất chưa ạ ?

— Một ứ hơi mới được như vậy đó.

Người mẹ đưa tay chỉ về mấy cây xoài. Nguyễn nghĩ nếu mẹ g còn sống chắc cũng cần cù nhẫn nại như thế này. Máy cây xoài rào bằng một lớp tre, gốc được tấp bằng rơm. Lá xanh non. Đôi mẹ nhấp nháy đôi mắt hướng nhìn lại công trình khó nhọc của u. Nguyễn thấy một cái gì hài lòng hãnh diện trong đôi mắt đó. yễn thấy xúc động và thêm khát cái hạnh phúc nhỏ bé êm đềm gia đình này. Nguyễn cố hình dung ra mẹ chàng. Người mẹ đã đi tuổi thơ Nguyễn. Chàng hiện tại không có gì hết sao ?

Thuyền nói :

— Mình ra kia có nhiều bóng mát hơn.

Long đi với Thuyền. Nguyễn ngồi xuống bên cạnh người mẹ. Gió trong vườn mát rượi. Người mẹ nhai trầu một cách an. Bà hỏi :

— Thầy giáo chắc ở trên tỉnh ?

— Dạ cháu ở Sài Gòn.

— Tôi cũng có mấy đứa con trai trạc tuổi thầy, anh của hai đứa nhưng tự nhiên nó bỏ nhà đi đâu biệt tích. Nghe nói nó đi vào n khu gì đó. Thầy nghĩ tôi già rồi sống nay chết mai. sống với hai con gái thật không yên tâm chút nào, nhất là giữa thời buổi giặc này.

Nguyễn nói :

— Bác không được tin tức gì hết sao ?

— Phải được tin tức tôi đỡ lo.

Phiến cầm một cây que tân mần xăm vào những chiếc lá khô. Mái tóc dài chấm vai. Nắng làm gương mặt Phiến hồng tươi như một trái chín. Cô học trò của Nguyễn đây sao ? Lúc này Long và Thuyền đã đi sâu vào vườn dừa. Phiến yên lặng với trò chơi của mình. Bà mẹ yên lặng nhìn ra mấy cây xoài. Nguyễn châm một điếu thuốc và đứng lên. Chàng định đi một vòng rồi trở vào nhà chờ Long. Phiến bỗng ném cây que nói :

— Thầy thích vườn dừa không em dẫn thầy đi vào trong đó. Mát lắm.

Vườn dừa rộng mênh mông. Em thường học bài trong đó, có hôm em ngủ dưới gốc cây.

Người mẹ cười :

— Hư như thế mà con khoe với thầy.

Nguyễn nói :

— Đi, mình vào trong đó chắc gặp họ.

Phiến đứng lên :

— Vườn rộng lắm chắc không gặp đâu.

Nguyễn chào người mẹ và Phiến nói con đi vào vườn dừa tìm chị Thuyền. Nguyễn không ngờ có lúc mình đi với cô học trò như thế này. Chàng bỗng nhớ tới một lần đi chơi vườn với Uyên gặp cơn mưa, cơn mưa lớn và gió dữ dội. Uyên đã lo sợ cuống cuống và chàng đã ôm chặt Uyên trong một bụi cây rậm suốt cơn mưa. Sau lần đó Uyên không dám đi chơi vườn nữa. Bây giờ đi với cô học trò của mình Nguyễn không biết nếu gặp cơn mưa chàng sẽ phải làm sao ?

Đi được một lúc Nguyễn thấy Long và Thuyền phía bên kia bờ mương, khuất sau một khóm dừa nước. Nước trong mương lớn đầy và trong vắt. Nguyễn thoáng thấy Long và Thuyền hôn nhau. Chàng cúi xuống lượm một hòn đất ném xuống nước, lúc quay lên thấy mặt Phiến đỏ bừng. Cô bé bối rối vịn vào một cành cây. Nguyễn yên lặng thở dài. Điếu thuốc tàn trong đầu mấy ngón tay, chàng ném xuống mặt nước. Phiến bứt lá cây ném theo và khóc tức tưởi.

(CÒN TIẾP)

Bệnh viện cho côn trùng

Các bác sĩ đôi khi cố gắng chữa trị cho chúng, nhưng thường thường thì giết các « bà con » của chúng.

◦ YÊN CHI

TẠI trường Đại học California ở Berkeley, các loại côn trùng thuộc đủ cỡ, đủ giống là « bệnh nhân » trong một bệnh viện. Nhưng trong cái bệnh viện kỳ quặc này, mục tiêu của các y sĩ thông phải lúc nào cũng chăm sóc bệnh nhân.

Bệnh lý về côn trùng là một khoa học tương đối mới mẻ, nhưng tới nay nó đã cho thấy khá ổn nhiều thì giờ và tiền bạc. Nhờ nghiên cứu khoa học mới mẻ này các nhà khoa học đã khám phá nhiều phương cách để chống lại bệnh dịch mùa màng đã từng làm các nông gia Hoa kỳ mất mỗi năm

độ 2 tỷ Mỹ kim vì hao hụt nông phẩm.

Bệnh nhân từ khắp nơi trên thế giới

Kể từ khi «bệnh viện cho côn trùng» ngày mở cửa lần đầu từ năm 1945 đến nay, hàng ngàn côn trùng mắc bệnh hay đã chết từ khắp nơi ở Mỹ Quốc và vài xứ xa xôi khác như ở Nam Mỹ, Trung Hoa và Úc Châu đã được gửi tới. Các «bệnh nhân» gồm cả các con trùng sọc vàng ở nam California, các con sâu bướm ở Pháp, những con bọ chết ở Do Thái, và côn trùng ở các đồng ruộng Trung Hoa.

Các loại côn trùng bệnh nhân kể trên được đưa đến Mỹ bằng đường bưu điện hàng không hỏa tốc và thường đến nơi đến chốn bình an nhờ được bảo vệ kỹ trong các bưu kiện. Người gửi có thể là một khoa học gia danh tiếng thế giới, hoặc là một nông dân, và bưu kiện có thể đề địa chỉ đang hoàng «Laboratory of Insect Pathology, c/o University of California», hoặc chỉ cần đề «Bughouse, Berkeley, Calfi». Viết địa chỉ theo lối nào, các côn trùng đều được đưa đến đúng chỗ.

Bệnh viện cho côn trùng do bác sĩ Edward A. Steinhaus điều hành. Mỗi quan tâm chính yếu của ông là làm sao giải quyết các chứng bệnh bí hiểm của thế giới côn trùng. Ông đã nghiên cứu hàng mấy trăm trường hợp bệnh hoạn của côn trùng, và đã khám phá ít nhất 30 chứng bệnh mới.

Khi một bệnh dịch của côn trùng được khám phá, các bác sĩ và giáo sư thường tập trung nỗ lực để tạo thêm sức mạnh cho chứng bệnh đó thay vì tiêu diệt, vì nếu chứng bệnh đó gây chết chóc cho côn trùng thì nó lại có lợi cho loài người. Thí dụ như loại giáp trùng ở Nhật thường là một mối đe dọa cho xứ này. Ngày nay, loại trùng này đã bị trừ khử hiệu quả nhờ ở một loại thuốc xít vi khuẩn. Loại vi khuẩn này tạo nên một bệnh dịch vốn là kẻ thù tàn sát số một đối với loại giáp trùng nói trên. Và chính tại bệnh viện côn trùng ở Berkeley mà các khoa học gia đã chế tạo ra một loại độc tố có thể giết sạch mọi con sâu

bướm trước khi chúng kịp phá hoại mùa màng.

Đó là một công việc đòi hỏi nhiều khéo léo. Một khi một loại độc tố hữu dụng được tìm thấy, vấn đề đặt ra cho các nhà khoa học là làm sao chế tạo loại độc tố ấy thật nhiều. Không giống như vi trùng, lớn mạnh và phát triển được trong những môi trường nhân tạo, các loại độc tố không thể «cấy» ra nhiều ở trong môi trường nào khác ngoài các tế bào của côn trùng.

Các khoa học gia chống côn trùng ở Berkeley hy vọng sẽ thành công với một loại độc tố có thể thay thế các chất diệt trùng hóa học, vì các chất diệt trùng này thường hủy diệt rất nhiều sinh vật vô tội khác. Một chai chất độc nhỏ xíu và rẻ tiền có thể tiêu diệt các côn trùng phá hoại mùa màng trong cả một vùng. Và, vì không có ảnh hưởng tai hại đến các súc vật, nên chất độc này có thể xử dụng trong các đồng bằng trồng thực phẩm nuôi gia súc.

Lề lối làm việc tại bệnh viện

Từ lúc một côn trùng bị bệnh vừa đến bệnh viện, nó được chăm sóc cẩn thận ngay. Tình trạng của nó được đo lường và ghi vào một đồ biểu. Sau đó nó được đưa vào một «phòng riêng» gồm nhiều dãy hộp kiếng. Bệnh nhân được cho ăn những «thức» thích hợp được trồng tại một ngôi nhà kiếng trực thuộc bệnh viện; nơi đây trồng đủ mọi thứ cây cỏ mà côn trùng thường ăn.

Khi một bệnh dịch đã được tìm

và giết chết đúng "nạn nhân" một cách công hiệu, xác con côn trùng bị giết sẽ được đưa vào một nhà xác ướp lạnh cho đến khi Bác sĩ Steinhaus và nhóm phụ gồm tám người của ông sẵn sàng làm một cuộc giải phẫu. Có hai phương pháp thông thường được áp dụng khi khám nghiệm sự nhiễm bệnh của côn trùng. Phương pháp thứ nhất là đùn các côn trùng vào một hỗn hợp có cây thuốc nhuộm hay độc tố. Sau đó lấy mẫu côn trùng ra xem xét qua kính hiển vi để tìm dấu hiệu các cơ quan bị nhiễm độc. Phương pháp thứ hai là giải phẫu tỉ mỉ các côn trùng để tìm phần bị nhiễm bệnh.

Trong số 600.000 loại côn trùng được tìm thấy từ trước tới nay, chỉ có khoảng 300 loại là kẻ thù của loài người, còn số còn lại đồng minh của loài người hoặc không hại gì cho loài người. Các loại côn trùng « đồng minh » gồm những loại như con bọ rùa, là đồng ăn thịt con bọ chết với mức độ 40 con một ngày và loại ngựa vằn là giống « tiêu thụ » một số rất lớn các loại côn trùng khác. Các loại ruồi cánh màu, ong đào đất, ong tò vò, các loại giáp trùng và rất nhiều loại côn trùng khác rất có ích cho loài người. Những loại côn trùng đó được nghiên cứu tại « bệnh viện do côn trùng » ở Berkeley trong chiều hướng bảo vệ chúng khỏi bệnh hoạn và phát triển chúng cho thật nhiều.

Trường hợp của một bà nội trợ ở California

Trong cuốn nhật ký của bệnh viện, có kể một câu chuyện của một bà nội trợ ở California. Một

ngày nọ đang làm việc nhà thì bà ta bỗng hốt hoảng khi nhìn thấy một đám ruồi bay lảo đảo qua bức tường nhà bếp. Bà ta đã nhiều lần thấy ruồi, nhưng những con ruồi này không giống như những con mà bà đã thấy. Khi bà nhìn chăm chú vào chúng, những con ruồi này bay lảo đảo đến một cánh cửa sổ, đậu xuống, đuôi dựng đứng lên và tiết ra những quãng trắng nho nhỏ!

Lo âu và hơi sợ hãi những sự kiện vừa chứng kiến, người đàn bà nhè nhẹ chụp cả đám ruồi lạ lùng kia vào một cái bao và đựng một lúc lâu mà không biết phải làm gì. Cảm cái bao đã cột chặt trong tay, bà có cảm giác rằng mình đang cầm một quả lựu đạn đã rút chốt trong tay. Chúng có phải là những côn trùng giết người đến từ ngoại từng không gian? Đó có phải là vũ khí của một cuộc chiến tranh vi trùng đã bắt đầu mà bà chưa hay biết?

Bà gọi điện thoại đến Viện Đại Học California. Bác sĩ Steinhaus và một viên phụ tá của ông lái xe đến ngay. Và ông đã làm bà nội trợ kia an lòng ngay. Đó chỉ là một loại bệnh mà bác sĩ Steinhaus đã quá quen thuộc, và ông đã truy nguồn gốc bệnh này có từ thế kỷ 18. Những con ruồi kia bị mắc bệnh, và những chất trắng kia là các bao tử bị chúng tiết ra khi chết. Chẳng có sự đe dọa gì trừ ngoại từng không gian, và cũng không có chiến tranh vi trùng gì hết. Những thắc mắc của bà nội trợ tiêu tan và người đàn bà giàu tưởng tượng này trở về nhà, miệng thở dài nhẹ nhõm.

VÀI NÉT VỀ NỀN Y KHOA NHẬT BẢN

Bên cạnh khoa Tây Y còn có khoa Đông Y. Nhưng dân Nhật thích Tây Y hơn. Vì vậy đời sống các Đông Y Được Sĩ tại Nhật không được sung túc lắm...

• CHU VĂN LỘC
(Sendai-Nhật Bản)



N HẬT bản hiện nay có sáu ngàn bệnh viện trang bị tối tân và khoảng một trăm ngàn y sĩ. Hai con số này cho thấy y khoa Nhật đang ở trong tình trạng khả quan. Vậy mà người Nhật vẫn than thiếu y sĩ! Tỷ số y sĩ đối với dân chúng là trung bình một ngàn người có một y sĩ nhưng đa số y sĩ tập trung ở các tỉnh trù phú đông dân nên các tỉnh ít dân ở miền Nhật bản hải thiếu y sĩ rất nhiều, các tỉnh ấy phải dùng thêm bác sĩ ngoại quốc, thường thường là Đài Loan (các bác sĩ này tốt nghiệp tại Nhật nên không có vấn đề ngôn ngữ bất đồng). Ngoài ra những tỉnh ấy còn cấp học bổng rất hậu hĩ cho sinh viên y khoa để buộc họ ký khế ước làm việc tại bệnh viện tỉnh sau khi tốt nghiệp. Học bổng hàng tháng vào khoảng năm mươi dollars. Bạn có thể đoán học bổng

dành cho sinh viên các phân khoa khác là bao nhiêu không? Khoảng mười lăm dollars, thưa bạn. Đủ biết sinh viên y khoa Nhật sướng đến đâu. Nhưng thí vào y khoa không phải là chuyện dễ. Chỉ những học sinh ưu tú đứng nhất nhì trong lớp mới có thể đỗ vào các phân khoa y học của những trường đại học quốc lập. Một số đại học tư cũng mở ban Y khoa nhưng học phí rất đắt, khoảng một ngàn dollars cho mỗi niên khóa, nên chỉ còn những gia đình khá giả mới dám nộp đơn xin thí vào các trường này.

Việc thi tuyển vào Đại học Quốc Lập

Việc thi tuyển vào các Viện đại học quốc lập đôi khi cũng có những chuyện không... sáng sủa cho lắm như mua đề thi. Mới đây một vài sinh viên Y khoa ở một trường quốc lập phải xin nghỉ học vì người ta khám phá ra họ mua đề thi. Một bác sĩ ở Osaka đã mua đề thi cho con vì ông muốn có người kế nghiệp trông nom bệnh viện tư của gia đình. Làm bệnh viện tư ở Nhật rất có lời nên không ai muốn bán bệnh viện khi về hưu. Vì vậy các bác sĩ giám đốc bệnh viện tư ở Nhật thường cho con cái theo học Y khoa ở các trường đại học tư lập. Nếu không có con trai thì họ có thể tìm một cậu học sinh viên Y khoa để gả con và bắt rể. Lấy vợ như thế, chàng trai lợi đủ điều vừa khỏi tốn tiền đám cưới, vừa được thừa hưởng một gia tài đồ sộ.

Học trình Y khoa tại Nhật

bản là tám năm. Tám năm học này được chia ra làm ba giai đoạn: giáo dục căn bản (hai năm) giáo dục chuyên môn (bốn năm) và nội trú bệnh viện (hai năm). Sau khi hoàn tất thời gian nội trú bệnh viện, sinh viên phải dự kỳ thi do bộ y tế Nhật tổ chức để lấy chứng chỉ hành nghề y sĩ quốc gia. Thường thì hành nghề y sĩ rồi, người y sĩ mới ra trường còn tiếp tục học hỏi thêm vài năm nữa tại các bệnh viện đại học hay tại các viện nghiên cứu y khoa để lấy thêm kinh nghiệm trước khi ra hành nghề riêng.

Vài thành công trong việc nghiên cứu y khoa

Công tác nghiên cứu y khoa hiện đang được xúc tiến mạnh tại cả Viện đại học Nhật và các phòng thí nghiệm của những công ty dược phẩm. Nhờ vậy những loại thuốc trị ung thư như Mitomycin C, Nitromin, Marphirin v.v... đã được sáng chế tại Nhật. Ngành hóa học trị liệu (chemotherapy) tại Nhật rất tiến bộ. Chẳng hạn, bác sĩ Kiyoji Kimura, trưởng ban Nội Khoa tại bệnh viện của Viện Khảo cứu Ung Thư Quốc Gia, đã thành công trong việc chặn đứng chứng ung thư máu của một số bệnh nhân trong thời gian dài tới 5 năm.

Việc Khảo cứu về thuốc trụ sinh cũng có kết quả khả quan, nổi tiếng nhất có Kanamicine do Giáo sư Hamao phát kiến. Trong kỳ đại hội Y khoa Nhật bản năm nay, Giáo sư

Umezawa cho biết ông đã thành công trong việc cải thiện Kanamicine cho có công hiệu hơn. Ông đã dùng loại Kanamicine mới cho thú vật và đạt được kết quả như ý, trong tương lai ông sẽ thử dùng loại mới này cho người xem kết quả có phù hợp với thí nghiệm cho thú vật không.

Ngành giải phẫu Nhật cũng phát triển mạnh, nhất là giải phẫu tim. Các giáo sư Shigeru Sakakibara (Nữ Đại học Y Khoa Tokyo), Keijiro Suruga (viện đại học Juntendo), Keiji Sano (viện đại học Kyoto), Yukiaki Ueki (viện đại học Niigata) Tunecaki Nakayama (Nữ đại học Y Khoa Tokyo) v.v... được coi là những chuyên viên giải phẫu lừng danh ở Nhật. Nổi tiếng về giải phẫu ung thư bao tử thì có bác sĩ Tama Kajitani (bệnh viện của Viện khảo cứu Ung thư Quốc gia) bác sĩ Furu Masaru v.v Cách đây hai năm, Giáo sư Wada thuộc trường đại học y khoa Sapporo ở Hokkaido (Bắc Nhật Bản) cũng làm dư luận xôn xao do cuộc giải phẫu ghép tim lần đầu ở Nhật Bản thực hiện dưới quyền điều khiển của ông. Kết quả bệnh nhân được ghép tim chết nhưng danh tiếng Giáo sư Wada vẫn nổi lên như cồn. Một số nhà trí thức Nhật phản đối cuộc ghép tim đó vì họ cho rằng người cho tim chưa chết hẳn khi trái tim được lấy ra. Sau một thời gian dài điều tra vụ này, tòa án Sapporo quyết định không truy tố Giáo sư Wada vì không đủ yếu tố buộc tội.

2.700 Calories cho mỗi người Nhật

Nhờ y học tiến bộ nên tỷ số trẻ chết yểu đã giảm rất nhiều (khoảng mười hai phần ngàn). Đời sống trung bình cho nam giới Nhật là 68 năm, cho nữ giới là 72 năm (ai dám bảo phải đẹp là phải yếu?). Đời sống dân Nhật được kéo dài ra nhờ y học nhưng cũng nhờ vào sự phồn thịnh kinh tế nên ai cũng đủ ăn. Tương đối, khẩu phần hàng ngày của dân Nhật đầy đủ hơn khẩu phần của dân các xứ Á Châu khác. Người Nhật ít ăn thịt vì thịt ở Nhật đắt. Bù lại họ ăn rất nhiều cá. Cá là nguồn cung cấp protein chính cho dân Nhật. Người Nhật lại còn thích ăn cá sống (gọi là sashimi). Cá sống rất đắt nên chỉ khi có khách quý hay khi có hội hè, tết nhất, người Nhật mới dám thưởng thức món này. Họ còn có một món ăn đặc biệt là sushi. Sushi là loại cơm nắm thành những nắm tròn trong có cá sống hay trứng cá. Một số y sĩ Nhật cho rằng sushi không hợp vệ sinh lắm vì cá trong nắm cơm dễ hư hỏng và là môi trường sinh sôi nảy nở của vi trùng.

Trung bình mỗi ngày người Nhật có một khẩu phần tạo 2700 calories. Một số người ở thành thị bắt đầu theo lối ăn Tây Phương với nhiều bơ, sữa, mỡ nên các Y sĩ Nhật trong tương lai sẽ phải đương đầu với chứng bệnh tim gia tăng. Học sinh, sinh viên Nhật thường ăn cơm ở trường vào buổi trưa vì trường Nhật học hai buổi. Trường nào cũng thuê chuyên viên dinh dưỡng để có thể cung cấp

học sinh một khâu phần cân bằng. Chuyên viên dinh dưỡng thường thuộc phái nữ và đều tốt nghiệp đại học. Họ cũng làm việc tại các bệnh viện, các phòng ăn cho nhân viên các công ty, cơ xưởng kỹ nghệ. Dù có chuyên viên dinh dưỡng, thức ăn ở trường Nhật cũng có vẻ thiếu chất bổ sao đó, nhất là thiếu rau tươi. Mùa đông thì nhiệt độ xuống dưới Zero độ, tuyết rơi liên miên, không trồng cấy gì được thì thiếu rau đã đành. Mùa xuân, mùa hạ, cây cỏ xanh tươi như thế mà họ cũng không cho học trò ăn rau; chịu, tôi không hiểu nổi mấy chuyên viên dinh dưỡng đó.

Phục vụ y khoa còn có các nhà châm cứu. Những nhà châm cứu thường là những người tốt nghiệp các trường chuyên môn có quy chế như đoàn kỹ đại học (junior

college). Sau khi tốt nghiệp họ cũng phải trải qua một kỳ thi quốc gia. Nói chung, đời sống của những nhà châm cứu ở Nhật không được sung túc lắm vì lẽ dân Nhật không coi trọng y khoa cổ truyền. Một số bác sĩ Nhật cũng hành nghề đông y. Dược phẩm cổ truyền (Nhật gọi là Kanpoyaku—hán phương dược) được bán chung với thuốc tây tại các dược phòng. Thỉnh thoảng mới thấy một tiệm chuyên bán hán phương dược.

Y giới Nhật hiện đang tìm cách bảo vệ sức khỏe dân chúng khỏi những tai hại do sự ứ nhiễm (pollution) do kỹ nghệ gây ra. Vấn đề ứ nhiễm (pollution) hiện làm dư luận Nhật chú ý rất nhiều và cũng là đề tài khảo cứu cho y giới Nhật bản hiện đại. Bàn tay những người áo trắng trong quốc gia tân tiến của Á Châu này càng ngày càng cần thiết.

••

- Trong một buổi tiệc, một người đàn ông dạn dày nói với vợ:
- Thật là lạ. Mới ba ly Champagne mà người em đã biến dạng.
- Em đâu có uống rượu, người vợ ngạc nhiên.
- Nhưng anh thì có!

Một bác sĩ kể chuyện cho bạn nghe:

— Một người đàn bà trẻ vừa đến khám ở phòng tôi hôm kia. Bà ta bị chứng mũi đỏ. Tôi liền khuyên bà ta nghỉ chơi dương cầm trong ba tháng.

— Ủa, sao lạ vậy?

— Bà ta ở ngay từng lầu phía trên nhà tôi.

bức thư Tây Đức

Một chuyến đi thăm Regensburg

● TRẦN LÊ NGUYỄN VŨ

THỰC ra thì cuộc viếng thăm Regensburg đã được hoạch định từ trước, ngay cả trước khi giáo sư Wolf thuộc viện Đại Học Regensburg đến diễn thuyết tại Passau và chính thức ngỏ lời mời. Thoạt tiên theo dự tính mỗi người chúng tôi phải đóng 6 DM (Khoảng 200 đồng VN) để thuê xe, nhưng cuối cùng chúng tôi được «bao» một châu miễn phí. Tuy nhiên đến thăm một thành phố tương đối lớn với 125.000 dân như Regensburg trong phạm vi một ngày kể cả thời gian di chuyển quả là điều chúng tôi không mấy hài lòng. Khởi hành từ Passau lúc 8 giờ, hai chiếc xe buýt du lịch loại khổng lồ của hãng FURST trang bị tiện nghi tối tân, có máy siêu tần số thường xuyên liên lạc với cứ điểm xuất phát và có cả phòng vệ sinh riêng, chở chúng tôi chạy dọc theo sông Donau qua Plattling, Vilshofen, vừa lúa mì lớn nhất của miền Nam Đức với những cánh đồng xanh um bát ngát chạy dài đến vô tận, Straubing khu vực mà các nhà khảo cổ quốc tế đã đào được rất nhiều cổ vật lâu đời từ thời tiền thạch khí; chúng tôi đến Regensburg lúc 10 giờ 15. Xe đậu trước khuôn viên Đại Học; chỉ mấy phút sau giáo sư Wolf với nụ cười khả ái, chiếc kính cận sẽ xuống mũi và đầu tóc rất nghệ sĩ, bồm bồm như tóc của nhà bác học Einstein, bước ra trước thềm đón chúng tôi. Điều chúng tôi nhận thấy trước tiên là lối kiến trúc tân kỳ của khu Đại học. Bên phải gồm một dãy nhà lớn với những đường nét pha chế kiểu tân ba rốc, chính giữa một tòa nhà thấp trệt dài như hành lang ngược lại cánh trái là một giảng đường hình hộp, vuông vức cao ngút mắt. Con đường chính dẫn vào trung tâm thành phố, chạy ngang qua trước Đại học, cứ 15 phút lại có một chuyến xe buýt đưa sinh viên đến hoặc đi. Đại học Regensburg còn quá trẻ, chỉ mới ba tuổi và

à Đại học thứ 4 của tiểu bang Bayern, thiết lập năm 1967, hiện đang trên đường kiến tạo thêm. Giáo sư Wolf đưa chúng tôi vào xem bên trong. Trước tiên khu thư viện. Một thư viện không lớn lắm nhưng ngăn nắp và có rất nhiều sách quý. Các cô cậu cử nhân, tiến sĩ tương lai, kính cận dày cộm, ngồi khom lưng đầu gục vào trang sách trông thật tội nghiệp. Đúng là hình ảnh của những con mọt. Lác đác đó đây vài sinh viên da đen và da vàng đang chăm chú viết lách. Giáo sư Wolf ra dấu bảo chúng tôi nói khẽ, giữ im lặng cho họ học. Tôi liếc mắt trên bàn trưng bày báo chí, thấy có đủ báo chí quốc tế, kể cả báo Nga báo Tàu và báo của các nước Cộng sản khác, toàn là những số phát hành mới nhất. Đi một vòng xuyên qua rừng sách bỗng mắt tôi chạm phải hai chữ «Việt Nam» nằm giữa những cuốn sách dày cộm, bìa xanh, chữ mạ vàng nói về chủ thuyết của Karl Marx — Engels. Nằm lên xem thấy nhan đề «Dokumente und Materialien der vietnamesischen Revolution» (Tài liệu về cuộc Cách mạng Việt Nam) của Jutta Won Freyberg và Kurt Steinhaus trong đó có bản di chúc của Hồ chí Minh dịch sang tiếng Đức. Gần đây là cuốn «Mao Tse Tung 37 Gedichte» (37 bài thơ của Mao Trạch Đông) do Joachim Schickel dịch và tóm lược tiểu sử của tên cáo già này. Một cô nữ sinh viên Đức nhí nhảnh chỉ cho tôi xem một loạt sách khác nói về Việt Nam và khoe với tôi rằng cô đã đọc rất nhiều sử liệu Việt Nam. Và không biết đề làm vui lòng khách hay đề biểu diễn kiến thức uyên bác của mình, cô đã làm một màn so sánh vua Quang Trung ngang hàng với Karl der Grob (tức là đại đế Charlemagne) của Đức. Tôi bật cười vì cái lối so sánh thông minh, lạ kỳ đó. Giữa lúc câu chuyện đang đến hồi gay cấn thì giáo sư Wolf ra hiệu bảo đi theo. Tôi vội bắt tay từ ghế, men theo cầu thang xuống tầng dưới đất (Keller). Tại đây có hàng bán nước giải khát, bàn bida, bàn đá banh dành cho sinh viên giải trí giữa các giờ học. Sinh viên vào ra tấp nập. Trong góc phòng, từng cặp, từng cặp nắm tay nhau âu yếm; nhiều cô nữ sinh viên mặt non choẹt, ăn mặc rất cao bồi nhìn theo chúng tôi cười khiêu khích. Trèo lên mấy bậc cấp chúng tôi vào xem phòng thính âm. Phòng rất nhỏ chỉ có thể chứa tối đa 48 sinh viên, nhưng được trang bị tối tân, có cả máy dịch sang nhiều thứ tiếng ngoại quốc. Tường lát gỗ để giữ âm thanh trong trẻo. Rồi phòng thính âm chúng tôi dùng thang máy lên tầng thứ sáu của cao ốc đại giảng đường. Khác với các giảng

đường ở ngôi nhà trệt chật chội, thiếu ánh sáng mặt trời, ở đây kang trang rộng rãi, bốn thành tường đều gắn cửa kính lớn. Xa xa thành phố Regensburg cõ kính nằm phơi mình dưới nắng mai ấm áp. Nhìn ra phía trước rừng Bayrischerwald mờ mờ ẩn hiện; những cao ốc hình hộp sừng sừng đây đó, xe cộ nhỏ li ti như đồ chơi trẻ con qua lại chằng chịt. Phía sau rừng Jura ngoằn ngoèo bất tận, hệ thống cần trục chạy rì rào móc đất đặt móng xây thêm cơ sở Đại Học. Giáo sư Wolf mời chúng tôi vào dự thính một buổi diễn giảng tùy ý chúng tôi lựa chọn. Tôi vào phòng giảng của một giáo sư triết học. Vị giáo sư già, đầu tóc đã điểm tuyết, chiếc kính gọng vàng dày cộm trễ xuống trước mũi, nhưng giọng giảng vẫn nao nao ấm áp. Ông giảng về hiện tượng luận của Husserl. Tại Đức những vị giáo sư Đại học thường được chọn lựa kỹ càng, thực sự có chân tài. Ngoài việc giảng dạy còn lo chú tâm nghiên cứu, viết sách truyền bá: mỗi năm đều dạy một vấn đề mới, một khía cạnh mới. Tôi bỗng nghĩ đến hoàn cảnh Việt Nam. Ngoài một số giáo sư có lương tâm chức nghiệp, xứng đáng là bậc thầy biết lo cho tương lai của đoàn trẻ Việt, đem hết khả năng tìm tòi dạy dỗ: một số lớn khác, hoặc vì kinh tế khó khăn ngoài giờ dạy phải lo chạy xuôi kiếm thêm miếng cơm manh áo, hoặc tự mãn (parvenus) và thích hưởng thụ, vui đầu vào sông xi phé mặt chược, năm này qua năm nọ mót bả cũ đem đọc mãi, cà cạch như máy phát âm cũ rích. Có vị dạy vụn vặt, mười năm chưa ăn hết một con gián. Chỉ tội cho đám sinh viên, học sinh lo vui đầu ghi chép những lời vàng ngọc của thầy hầu kiếm mảnh bằng, nếu không cuối năm thi trượt thì con đường danh vọng cao nhất được dành sẵn là cái lon chuẩn úy Thủ đức!

Nghe xong một giờ, bụng đói cồn cào, chúng tôi bèn theo chân các sinh viên Đức vào quán ăn sinh viên ở ngay trong vòng rào Đại học, tiếng Đức gọi Mensa. Sinh viên đứng nối đuôi thành hàng dài, tuần tự lấy khay chọn đồ ăn bưng vào bàn ăn. Đồ ăn không ngon nhưng no và rẻ. Tôi chọn một đĩa gan bò xào nhỏ, một chén cơm nấu theo kiểu Đức, một đĩa rau xà lách, một ly coca-cola và một chén trái cây; tất cả chỉ phải trả 2,40 DM, rẻ bằng một nửa giá bên ngoài. Phòng ăn rộng rãi kang trang, có thể chứa cùng một lúc 300 sinh viên. Ngồi cạnh tôi là anh bạn Fritz, sinh viên năm thứ ba trường Luật. Anh cho biết tại Regensburg phòng trọ cho sinh viên thuê tương đối rẻ. Mỗi tháng với một phòng rộng rãi có

sưởi và nước tắm chỉ phải trả từ 90 đến 100 DM, so với các tỉnh khác giá gấp đôi có khi gấp ba. Đại học Regensburg cũng có cư xá cấp cho sinh viên ở nhưng chỉ đủ thỏa mãn một số nhỏ. Sát cạnh quán ăn hiệu sách báo giá rẻ hơn bên ngoài. Ăn xong chúng tôi bùng chén bát bỏ ở hệ thống tự động chuyển vào phòng rửa, đến kết trả tiền, ra ngoài còn thấy một hàng dài sinh viên nối đuôi nhau, đợi đến phiên mình vào bùng khay.

Nhìn đồng hồ hơn một giờ chiều. Theo chương trình, đúng hai giờ, chúng tôi phải có mặt tại tòa đô chính Regensburg, ở đây sẽ có một nhân viên của sở du lịch hướng dẫn chúng tôi đi xem các danh lam thắng tích. Trạm xe buýt đông nghẹt sinh viên cũng được giảm giá, mỗi chuyến chỉ tốn 20 Pf (7 đồng VN) trong khi các khách khác phải trả 70 Pf. Xe ngừng trước cửa ga ở đại lộ Maximilianstrabe. Còn sớm tôi bèn tách riêng cùng mấy anh bạn Việt Nam dạo xem phố xá. Regensburg là một thành phố vừa tân vừa cựu. Bên cạnh những mái ngói đỏ chói, những cao ốc nguy nga đồ sộ, bên trên trúc rất tân kỳ, còn lộ lộ những khu nhà cổ kính thành vòng đen sạm, lỗ chỗ rêu phong; không biết đã trải qua bao nhiêu phong sương tuế nguyệt, bao nhiêu thế kỷ già nua, nhưng chắc hẳn phải rất xưa, xưa lắm. Tôi ngẩn ngơ nhìn lên quan sát các kiểu nhà, chợt vô ý đụng phải cụ già. Chưa kịp xin lỗi cụ đã vui vẻ chỉ cho tôi xem chiếc tháp cổ hình lăng trụ, mái nhọn, vách tường lỗ lổ mà theo lời cụ, đã già trên tám thế kỷ. Nhân cơ hội tôi hỏi cụ về lịch sử. Regensburg Cụ cho biết Regensburg đã có hơn hai nghìn năm năm lịch sử. Nhiều thế kỷ trước Thiên chúa giáng sinh, Regensburg là nơi định cư của bộ tộc du mục Kelten, một bộ tộc hùng mạnh đã làm bá chủ cả một dải giang sơn rộng lớn bao gồm cả miền Nam nước Đức ngày nay. Lúc bấy giờ Regensburg được gọi theo ngôn ngữ của bộ tộc Kelten là RADASBONA. Danh từ Ratisbone mà người Pháp dùng để chỉ vùng này chính do biến thái của chữ Radasbona mà ra. Mãi đến thế kỷ thứ I sau Thiên chúa giáng sinh người La Mã bành trướng thế lực về phía Bắc, đặt chân đến vùng này. Họ đã biến Regensburg thành một căn cứ quân sự trọng yếu, dùng làm bàn đạp tiến chiếm các khu vực lân cận. Năm 179 dưới triều đại Hoàng đế Marc Aurel, một pháo lũy khổng lồ dùng cho đạo quân chinh phạt chiếm đóng mang tên «Castra Regina» được thiết lập. Chữ Regina qua 70 biến thái ngôn ngữ trở thành Reganespurc, cuối cùng là Regensburg.

Nhưng một thuyết khác cho rằng địa danh Regensburg có một nghĩa hết sức đơn giản là khu dân cư ở bên bờ sông Regen (Burg = khu dân cư, Regen = tên sông). Regen là một trong bốn con sông nhánh ở phía tả ngạn đổ vào sông Donau: Regen, Naab, Laaber, và Altmühl. Trong tiếng Đức chữ Regen có nghĩa là mưa. Phải chăng người xưa khi qua sông gặp mưa lớn, xúc cảnh sinh tình bèn dừng ngay chữ mưa đặt cho sông chăng? Suốt dọc sông Donau ngày xưa người La Mã đã thiết lập nhiều quân cảng trọng yếu. Ngày nay tàu bè đi từ Regensburg dọc theo sông Donau, xuyên qua nước Áo, Hung Gia lợi, Nam tư, Ru ma ni, Bảo gia lợi và Nga xô ra tận Hắc Hải (Schwarzer Meer) trên một thủy đạo dài ngót 2346 cây số. Khi nội bộ La Mã gặp nhiều lung củng, đạo quân chiếm đóng bắt buộc phải rút về thì Regensburg lần lượt rơi vào tay các bộ tộc Germanen, Alemanen, Thuringen và đến năm 535 bộ tộc Bajuwaren từ Bohmen tràn sang chiếm đóng. Sau đấy Regensburg trở thành thủ phủ đầu tiên của nước Đức, dưới quyền thống trị của các quý tộc thuộc giòng họ Agilolfinger cha truyền con nối. Năm 788 Regensburg sát nhập vào miền Bayern và trở thành Đế đô (Konigstadt) dưới triều đại Karl der Grob. Lúc bấy giờ Regensburg là một trung tâm văn hóa, thương mại và chánh trị rực rỡ vào bậc nhất nước Đức. Các thương gia mạo hiểm vượt bể đến các nước xa buôn bán, không mấy chốc trở nên giàu có lớn, mang tiền của về xây cất Regensburg. Các thánh đường, dinh thự nổi tiếng đều được xây cất trong thời kỳ này. Năm 1250 Regensburg trở thành khu tự trị (Freie Reichsstadt). Nhưng sau trận chiến tranh 30 năm (1618-1648) Regensburg đi dần vào con đường suy sụp, dù từ năm 1803 đến 1810 vẫn được xem là thủ phủ thuộc lãnh địa của các vị tiểu vương (Fürstentum). Chẳng bao lâu sát nhập trở lại vùng Bayern. Thời kỳ vàng son hoàn toàn chấm dứt.

Đúng 2 giờ chúng tôi có mặt ở chỗ hẹn. Người nữ hướng dẫn hiện ra ở cửa, dáng dấp mảnh mai yếu điệu (Khác với đa số phụ nữ Đức to phốp pháp tròn quay như lực sĩ hạng nặng) khuôn mặt trái soạn hiền từ, miệng cười rất xinh. Nàng mở cửa đưa chúng tôi vào xem tòa đô chính cũ (Das Alte Rathaus) của thị trấn Regensburg. Cánh trái được xây từ thế kỷ XIV, cánh phải thế kỷ thứ XVI theo kiểu kiến trúc gô tích, tất cả đều do tiền đóng góp của các lái buôn giàu có lúc bấy giờ được tôn là quốc phụ (Patrizier). Tại phòng khánh tiết chúng tôi còn thấy những tấm thảm cổ đen kịt

ờng tượng như các tấm thảm của nhà dệt Goblins, treo lủng lẳng đầy tường. Trần nhà và nền đều lát bằng gỗ (một loại gỗ có tâm dầu). Trên trần treo nhiều giá đèn xưa chạm trổ hoa lá như đèn treo ở các quán ăn. Hai hàng ghế gỗ đơn sơ, mỗi hàng gồm bốn ghế sắp đối diện với một chiếc ngai đặt trên bệ 4 cấp có trần vải. Tại đây vị vương chủ thành Regensburg thường ngự đến họp bàn công việc. Sau lưng ngai treo nhiều bức tranh cổ đường nét còn sắc nét trên tường vẽ hình con ó hai đầu, đội vương miện, vung chân, cánh tung bay, huy hiệu của vương quốc xưa. Gần sát trần treo song hai bờ tường treo nhiều hiệu kỳ đã cũ nát nhưng màu sắc chưa phai. Đặc biệt căn phòng này từ khi thiết lập đến bây giờ, trải qua nhiều thế kỷ vẫn giữ nguyên đồ đạc và bài trí, chưa một lần nào trùng tu hoặc sơn quét. Đặc biệt hơn cả cũng tại phòng này Quốc hội đầu tiên của nước Đức nhóm họp vào năm 1668 (?) lúc bấy giờ được gọi là Immerwährende Reichstag. Từ năm 1806 Reichstag mới bị bãi bỏ. Xem xong phòng khánh tiết, người nữ hướng dẫn đưa chúng tôi xuống hầm đá. Ra xuống mấy bậc cấp tôi bỗng cảm thấy một luồng gió lạnh thổi vào xương sống. Chiếc đèn nhỏ hắt ánh sáng vàng khè treo lủng lẳng âm u rờn rợn. Bên ngoài để mấy giá súng cò, nòng dài, ống nhỏ, mấy chiếc xe song mã, tứ mã màu đen và một chiếc cân ngang đầu người. Hai đĩa cân to như hai chiếc thúng được treo vào thanh đòn ngang bằng những sợi xích sắt lớn bằng tay. Cô hướng dẫn mở bóp lấy ra một chiếc chìa khóa nhỏ (kiểu khóa va li) đặt vào một đầu cân, cân cân tự nhiên nhếch về một bên. Mọi người đều trở mắt ngạc nhiên không ngờ chiếc cân của thời Trung Cổ kịch cộm thô thấp như thế lại chính xác đến độ tuyệt hảo. Thêm vài bậc cấp, chúng tôi vào phòng hình cụ, nơi tra tấn các phạm nhân thời Trung Cổ. Tôi đã được xem nhiều dụng cụ tra tấn tại các bảo tàng viện ở La Mã, Wien, Koblenz, Nuremberg... nhưng chưa lần nào tôi cảm thấy rợn tóc gáy như ở dưới hầm này. Cũng những hình ảnh, cũng những bàn chông, xích sắt, gông cùm, kẽm cắt lưỡi, dao mổ xương ấy nhưng khung cảnh ở đây sao mà lạnh lẽo u uất đến thế. Từ từ khi như cơn phảng phất đầu dây. Cô hướng dẫn cho chúng tôi biết tất cả đều được giữ đúng về nguyên thủy của nó. Tôi mở ra một chiếc phòng giam nhìn vào, vuông vức mỗi bề khoảng tám mét, cao 1 thước, được đóng kín bằng một chiếc cửa sắt dày một tấc.

Những tội nhân bị giam ở đây khi mở ra chắc chỉ còn cái xác vì không đủ không khí để thở. Chiếc bàn chông nhẵn thín như đánh giầy nhám; số người được vinh dự ngồi lên đây hẳn là đông lắm. Điều đáng nói là các hình cụ dùng tra tấn đàn bà, nhất là bọn đàn bà ngoại tình nặng nề và khổ ải hơn các dụng cụ dành cho đàn ông. Chẳng hạn chiếc gông cổ đàn ông chỉ có ba lỗ, một lỗ gông vào cổ, hai lỗ gông hai tay bắt đưa ra trước mặt, nhưng gông của đàn bà có đến năm lỗ, vừa gông đầu, gông tay, gông cả hai chân bắt nằm queo quắt trông thảm hại hơn bên cạnh chiếc cùm treo cổ dựng cao đến trần nhà có đặt mấy khối bê tông có móc sắt, mỗi khối nặng hơn 10 ký dùng để móc thêm vào chân tội nhân, khi chiếc kiềng sắt treo cổ hình tam giác quặp vào cùm tội nhân nhấc bổng lên cao. Ở một góc khác đặt một chiếc bàn quay với một ống lăn đều tua tua dính sắt. Nạn nhân sẽ được nhồi lui nhồi tới thân thê lẫn đều trên chiếc ống lăn nhon, như tờ báo được chuyển qua ống mực của máy in Rô-ta-típ. Ở cuối phòng chúng tôi thấy một chiếc thập tự giá gắn tượng Chúa Giê-su, hai bên đốt sáng hai ngọn đèn cây. Khi tội nhân đau quá không chịu nổi, van lạy xin khai thì bọn đầu trâu mặt ngựa sẽ mang tượng Chúa đặt trước mặt, bắt nhìn vào tượng thề sẽ « khai sự thật trước mặt Chúa ». Thật không gì mỉa mai hơn! Xem các phim Hexen với những cuộc tra tấn dã man, tôi vẫn đinh ninh các nhà làm phim phóng đại, vào đây mới biết là sự thực. Một số lớn hình cụ được nhập cảng từ nước Ý. Rồi tòa Đô chính chúng tôi băng qua đại lộ Goldene Barenstrabe ra bờ sông Donau xem cầu Steinerne Brücke (Đại thạch kiều). Đây là chiếc cầu đầu tiên bằng đá và xi măng bắc qua sông Donau, khởi công năm 1135 đến 1146 mới hoàn tất. Chân cầu hết sức vĩ đại, các trụ trung gian được đặt trên những bệ đá hình thoi khổng lồ, góc nhọn chia về phía thượng lưu. Các khối đá ở chân bệ được kết với nhau bằng các móc sắt đóng sâu vào đá. Nước sông chảy cuộn cuộn, xe cộ qua lại rộn rịp. Xa xa trên bến các tàu chở than và đất sét đỏ (có lẽ dùng làm đồ gốm) tập nập bốc hàng. Regensburg ngày xưa là đất dụng võ của các lái buôn muối. Muối, mệnh danh là vàng trắng, được chuyển qua sông INN, đoạn ngược dòng Donau đến Regensburg, rồi tại đây phân phối bán khắp Âu Châu. Hiện còn nhiều dấu tích các vựa muối. Bên cạnh chân cầu Steinerne Brücke có chiếc quán bán thịt dồi (tiếng Đức gọi là Wurst) rất đặc biệt đã đi vào lịch sử nước Đức.

Quán mang tên Historische Wurstkuche khai trương năm 1360. Dân Regensburg bảo rằng bất cứ ai đến Regensburg mà chưa thưởng thức miếng dồi của quán Historische Wurstkuche thì chưa được xem là hiểu biết Regensburg. Chúng tôi rủ nhau vào quán thưởng thức mỗi người một đĩa dồi. Giá mỗi đĩa 3DM, nghĩa là đắt hơn bên ngoài gấp 2 lần rưỡi. Quả thật danh bất hư truyền, tôi vốn thuộc loại « sợ » thịt dồi, nhưng bỗng cảm thấy thích nhai, vừa nhắm nháp vừa nhìn thiên hạ vào ra tấp nập như hội chợ. Những thỏi dồi ở đây chỉ nhỏ bằng ngón tay út, dài khoảng 80 phân được rán cháy sém đều đặn và ăn với su ngâm dấm. Phải chăng bí quyết nằm ở chỗ « nhỏ và gia vị đặc biệt » ? Gió sông Donau lồng lộng thổi tung cát bụi lên mặt bàn. Chiếc áo hồng quần ngang mái tóc « blonde » của cô hướng dẫn viên trẻ đẹp lay động phát phơ. Nàng đưa tay ra hiệu chúng tôi từ giả quán, rẽ lên con đường nhỏ dẫn vào Đại thánh đường Dom St. Peter. Qua một vòm đá chột nàng đứng lại chỉ cho chúng tôi xem chiếc cổng đá Bắc Môn (Nordtor) của trại quân La Mã Castra Regina ngày xưa, mang tên Porta Praetoria xây năm 179. Cổng này là di tích cổ nhất của nước Đức. Từ cổng nhìn lên, chúng tôi thấy rõ hai tháp chuông nhọn cao vòi vọi (105 thước) nổi bật trên nền trời xanh biếc. Cạnh đấy là chiếc tháp Lửa (Eselsturm), di tích cổ kính của lối kiến trúc La Mã. Hình dáng bên ngoài của Thánh đường hết sức vĩ đại, trông xa như một buồng thạch nhũ buồng rủ tua tủa, lăm lăm đó đây những pho tượng nhỏ kiểu gô tích chạm trổ rất tinh vi. Thánh đường St. Peter khởi công xây cất từ năm 1275. Sang thế kỷ XV thêm các tháp chuông lớn và mặt tiền phía Tây. Thế kỷ XIX hoàn tất việc sửa các tháp. Đầu thế kỷ XX trùng tu. Mở cửa vào bên trong, lối kiến trúc rộng lớn khiến con người có cảm giác lạc lõng, nhỏ bé. Từng chiếc cột khổng lồ bốn năm người ôm không xuể chạy dài hun hút. Ở lưng chừng một chiếc cột, tượng bà Maria, nét mặt thanh thản trầm lặng nhìn xuống đám thể nhân bon chen trần lụy lúc nhúc bên dưới. Tôi bỗng nghĩ đến khuôn mặt hiền từ của Phật bà Quan Thế Âm Bồ Tát. Trên một chiếc cột khác có tượng của vị Thiên Thần hộ trì thành phố Regensburg, với những lọn tóc cuộn cuộn, và miệng cười vui vẻ. Ở góc phải là cái giếng sâu 18 thước, nước trong vắt tương truyền đã có từ lâu đời. Chái phía Bắc còn lưu giữ một mảnh đồng, di tích của một quả chuông bị rơi bẽ trong trận hỏa

hoàn tàn phá Regensburg mấy thế kỷ trước đây. Chiếc bàn thờ chính thấp nhưng rất xinh trang trí theo kiểu Ba rốc vào đầu thế kỷ thứ XIX. Đặc biệt chiếc Đại phong cầm, thay vì đặt trên lầu cao như ở các nơi khác, lại nằm khuất sau bàn thờ. Ánh nắng bên ngoài chiếu sáng rực rỡ các mảnh kính ngũ sắc. Tôi đưa mắt tìm kiếm một hình ảnh quen thuộc nhưng không có. Hình ảnh mà tôi tìm là hình của Hitler, Goering, Goebbels mà lần đầu tiên tôi được thấy trên cửa kính ngũ sắc ở thánh đường St. Martin tại Landschut. Các tay gộc Đức Quốc Xã đã bắt thiên hạ khắc tượng mình đồng hóa với thần thánh để lưu truyền hậu thế. Rồi thánh đường St. Peter chúng tôi ghé xem ngôi nhà thờ Alte Kapelle sát bên cạnh. Nhà thờ này được xây cất dưới triều đại các vua thuộc dòng họ Agilolfinger. Đến thế kỷ thứ IX vua Ludwig cho phá một đoạn thành của trại quân La Mã xưa lấy đá xây tiếp thánh đường. Vào năm 1000 dưới triều vua Heinrich đệ II, thánh đường lại được trùng tu và nới rộng thêm. Năm 1748 thánh đường được trang trí theo lối Rocô cô với hình hoa hoè tỉ mỉ, thép vàng lộng lẫy giữ nguyên cho đến ngày nay. Một vị giáo sư Đức nói với tôi rằng sau thế chiến thứ 2 các di tích văn hóa của Đức bị tiêu tan hết, chỉ may còn sót lại một số trong các thánh đường. Điều ấy đã được chứng minh khi tôi vào xem ngôi nhà thờ Alte Kapelle. Lối trang trí làm tâm hồn cảm thấy thoải mái dễ chịu. Tại thánh đường Alte Kapelle còn giữ được bức hình của đức Bà Maria, thánh tượng cổ nhất của vùng Bayern. Bước ra bên ngoài, tôi đưa mắt nhìn bao quát một vòng thấy toàn là nhà thờ. Khu vực này trước kia thuộc khuôn viên của tòa Giám mục. Tường cũng nên nhắc lại, các vị Giám mục ngày xưa quyền nghiêng thiên hạ. Nhiều vị được phong vương tước (Fürstbischof) giữ cả quyền đạo lẫn đời. Lẽ tất nhiên khi đã có quyền hành các vị cũng kiêu sa, dâm dật, vung tay sinh sát, bóp đầu nặn họng dân đen một cách kinh khủng như bất cứ một tên bạo chúa nào. Đọc lại lịch sử của thời đại này còn thấy rợn tóc gáy. Ra khỏi thánh đường Alte Kapelle cô nữ hướng dẫn bồi ngùi từ giả, nàng nở nụ cười tươi cúi đầu chào chúng tôi miệng vẫn giữ câu giáo đầu lịch sử « Meine Damen und Herren » (Thưa quý bà quý ông). Mọi người trở lại viện Đại học Regensburg dự cuộc hội thảo thân mật. Tôi tách riêng ghé thăm các nhà thờ St. Emmeram (lập từ thế kỷ thứ 6, nổi tiếng với các thạch mộ của những bậc vương hầu quý tộc điêu khắc theo kiểu La Mã, và các bức tích họa vẽ từ 800 năm trước (khoảng 1125 đến 1155); Dreieinigkei-

skirche (lập năm 163), Dominikanerkirche (lập từ 1245 đến 1300) Carthaus Prull (thế kỷ thứ XII) Niedermunsterkirche (thế kỷ thứ VIII) Allerheiligenkapelle (nơi có mộ các vị Giám mục xây từ năm 1150) Neupfarrkirche (xây năm 1519)... Các thắng tích quá nhiều mà thì giờ eo hẹp nên tôi đến mỗi nơi chỉ nhìn qua rồi đi ngay. Chân tôi mỏi rã nhưng lòng vẫn cứ ham thích, ngàn năm một thuở đi qua rất ưỡng nên tôi lại cố lết đi xem thêm mấy nơi khác như các ngôi biệt thự Don Juan d'Austria (nơi Hoàng Đế Karl đệ V và ái phi Barbara Blomberg, nguyên quán Regensburg, thường g gư đến) Zum Goldenen Kreuz (khu vực ngày xưa các quốc phụ ở)v.v. Trượt qua cầu định xem thêm mấy nơi nữa bất chợt trời đổ mưa. Anh bạn tôi theo thốt một câu ai oán: «Đúng là Regensburg! Tên làm sao trời trao m vậy!». Đúng 19 giờ 05 chúng tôi lên xe trở lại Passau. Xa lộ này dài hun hút. Cả một rừng ánh sáng di động không ngừng. Gió từ rừng Bayrischer Wald phả vào xe mát lạnh. Văng vẳng trong không gian lơ lửng như có tiếng ngâm thơ. Thơ của một sử gia biên niên (Chronist) đời Trung Cổ:

«Nơi đây mới cũ dung hòa,

«Trong môn kinh khuyết, Ratisbona đứng đầu»

(Die Stadt Ratisbona ist alt und neu zugleich.

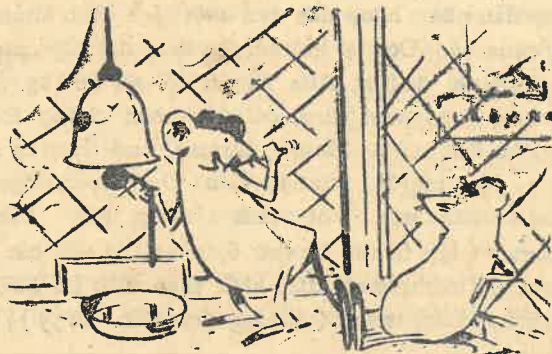
Sie ist die erste unter allen groben Stadten.

— Otloh um 1050 —)

Neuburgerstrabe, tiết Lập Hạ

TRẦN LÊ NGUYỄN VŨ

TRANH KHÔNG LỜI



Mối Tình Chim Ưng

Nguyên tác: THE FALCON

Tác giả: GIOVANNI BOCCACCIO

Định thuật: NGUYỄN HÙNG

GIOVANNI BOCCACCIO (1913-1375) là nhà văn chuyên kể chuyện danh tiếng nhất nước Ý. Như đa số nhà văn khác, tác phẩm của Boccaccio chỉ được chú ý về cốt chuyện hơn là bút pháp.

Boccaccio cũng là thi sĩ và học giả; về văn, tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là Decameron. Chuyện dưới đây trích trong tuyển tập này.

KHI Filomena dứt lời, nữ hoàng thấy không còn ai đề kể chuyện trừ ngài và Dioneo nên ngài bắt đầu câu chuyện dưới đây:

« Đến lượt tôi kể chuyện và tôi hân hoan đóng góp vào cuộc vui.

Tôi tin chắc rằng các bạn đều biết Coppo de Borghese Bomenichi, một người đáng kính trọng trong thành phố của chúng ta, đáng kính trọng vì những hành động cao cả chứ không phải vì dòng dõi quý tộc. Khi về già, ông thích kể lại thời niên thiếu với các bạn láng giềng. Tài kể chuyện của ông rất xuất sắc vì ông có trí nhớ và có duyên ăn nói.

Trong các mẫu chuyện tình, Domenichi thích kể chuyện một chàng trẻ tuổi tên là Federigo, một hiệp sĩ lỗi lạc ở vùng Tuscan. Chàng trai này nổi danh về tài cung kiếm và các hành động cao thượng.

Như phần lớn các tay hào hoa phong nhã, Federigo yêu một giai nhân tên Giovanna, một người đẹp như xứ Florence.

Đề được mắt giai nhân chú ý, Federigo tổ chức các cuộc thu hùnh, chàng cũng mua tặng phẩm biếu người đẹp, xài tiền như nước. Nhưng giai nhân là người đoan trang vô tình không lưu tâm đến kẻ si mê mình.

Trong khi Federigo hoang phí tiền của mà không đạt được một chút cảm tình nào của giai nhân, gia tài của chàng ngày càng tiêu hao và không bao lâu, chàng chỉ còn có một nông trại nhỏ bé vừa đủ sống và một con chim ưng. Con chim ưng này thuộc loại hiếm có. Dù vậy, mối tình của Federigo dành cho Giovanna tăng chứ không giảm. Tuy nhiên, nhận thấy mình không đủ sức để sống huy hoàng ở kinh kỳ, chàng dời về Campi ở. Tại đây chàng làm bạn với con chim ưng và kiên tâm chịu đựng cảnh túng thiếu.

Trong thời gian đó, chồng của Giovanna lâm trọng bệnh và khi thấy cách chết gần kề, ông làm bản di chúc.

Là một triệu phú, ông giao gia tài cho cậu con trai duy nhất và nếu cậu bé chết mà không có con thì gia tài sẽ về tay mẹ nó là Giovanna.

Kể từ đó, giai nhân thành quả phụ. Mùa hè năm ấy theo tục lệ phụ nữ Ý, bà đưa con về quê, cất nhà gần nông trại Federigo.

Trong một thời gian ngắn, cậu bé trở thành bạn thân của Federigo. Cả hai đều thích săn bắn và thả chim ưng. Cậu bé trông thấy Federigo cho con chim ưng tung trời xanh lấy làm thích chí và muốn xin đứt con chim ưng đó, nhưng cậu không có can đảm đề nghị vì thấy Federigo rất quý con chim.

Kể cậu bé bệnh nặng. Bà Giovanna lo lắng vô cùng vì cậu bé là con một. Ngày đêm bà ngồi bên giường bệnh an ủi, vỗ về con. Bà tìm hiểu con thích gì để cố gắng thỏa mãn. Nghe mẹ nói nhiều lần, cậu bé nói :

— Thưa mẹ, nếu mẹ xin ông Federigo cho con con chim ưng thì con tin chắc là con sẽ bớt bệnh.

Bà mẹ do dự trước yêu cầu của con. Bà suy nghĩ nhiều. Bà biết Federigo hãy còn yêu bà, dù không hề được bà ban cho một ánh mắt. Bà lầm bầm "con chim ưng của Federigo nổi tiếng là có một

không hai ở xứ này. Nó lại là nguồn an ủi duy nhất của Federigo. Mình không thể đoạt lấy niềm vui cuối cùng của chàng."

Bà Giovanna rất khổ tâm vì chuyện con chim ưng. Bà biết Federigo sẽ không tiếc gì với bà, bà ngỡ lòng là được con chim ưng ngay nhưng bà không thể làm chuyện đó cho nên bà không biết phải nói như thế nào với cậu bé. Bệnh tình cậu bé ngày càng tăng và mối tình mẫu tử thiêng liêng bắt buộc bà phải thỏa mãn ý muốn của cậu bé dù phải trả với giá nào. Bà nói :

— Con hãy vui vẻ phần chẵn lên. Mẹ hứa là sáng mai mẹ sẽ đem con chim ưng về cho con.

Ngay ngày hôm ấy, chỉ có một lời hứa thôi mà bệnh tình cậu bé đã thuyên giảm thấy rõ.

Sáng hôm sau, Giovanna cùng với một thiếu phụ đến viếng nhà Federigo. Lúc bấy giờ không phải là mùa thả chim ưng nên Federigo đang ở ngoài vườn khi giai nhân đến. Hay tin Giovanna tới thăm, ông lấy làm vui mừng chạy ra đón. Với nét duyên dáng sẵn có, Giovanna chào Federigo :

— Chào ông ! Tôi đến đây để đền bù những tệ hại mà ông đã gánh chịu vì tôi : Tôi đến thăm ông hôm nay và xin được dùng cơm với ông cùng bà bạn của tôi.

Federigo đáp :

— Thưa bà, tôi không nhớ đã đau khổ chút nào vì bà. Trái lại bà đã giúp cho tôi rất nhiều và nếu ngày nay, nếu tôi còn được người ta kính trọng, đó là nhờ đức hạnh trung trinh của bà đối với một tình chân thật của tôi. Ngày nay bà đến thăm trong khi tôi lâm vào cảnh hàn vi, sự viếng thăm đó càng làm cho tôi xúc động hơn là lúc tôi còn hưng thời.

Đứt lời, ông mời khách vào nhà. Nhà đơn chiếc, ông nói :

— Thưa bà, nhà tôi không có ai nên tôi nhờ một bà nhà nông ở gần bên hầu chuyện với bà trong lúc tôi trông nom nấu nướng và dọn ăn.

Cho đến lúc bấy giờ Federigo mới ý thức được cái nghèo của mình. Không có món gì để thiết đãi người đẹp, ông đi tới đi lui, không biết tìm đâu ra tiền để mua thức ăn. Không có tiền, cũng không

có món gì đánh giá để đi cầm. Hơn nữa trời cũng đã trưa. Không muốn hạ mình xuống mượn tiền người làm vườn của mình hay kẻ khác, ông nhìn quanh quẩn. Tình cờ đôi mắt ông trông thấy con chim ưng. Đó là hy vọng cuối cùng của ông. Bắt con chim ưng, thấy nó mập, ông nghĩ đem xào nó sẽ là một món ngon, xứng đáng với một mệnh phụ. Nghĩ vậy, ông vịn cổ con chim ngay, không hề đắn đo và giao cho một cô tớ gái để nhờ lòng, nấu nướng.

Bàn ăn được trải khăn trắng tinh — ông còn giữ lại vài chiếc khăn và khi đầu đầy xong rồi, ông ra vườn mời Giovanna vào nhà dùng bữa.

Giai nhân và bà bạn ngồi vào bàn ăn. Không biết gia chủ đãi mình món gì, cả hai ăn con chim ưng mà Federigo thiết đãi thật trịnh trọng.

Ăn xong, họ đi dạo một lúc, và khi đến lúc cáo lui, Giovanna mới đề cập vấn đề của chuyến viếng thăm.

— Chắc ông kinh ngạc khi nghe tôi thú thật lý do viếng thăm của tôi. Có lẽ ông sẽ cho hành động của tôi là tàn ác là vô tâm. Nhưng nếu ông có con thì ông sẽ hiểu tình mẫu tử thiêng liêng như thế nào. Tôi tin chắc là ông sẽ tha thứ phần nào hành động của tôi. Vì tình thương con, tôi bắt buộc phải đến đây xin ông vật mà ông quý như trên đời. Tôi muốn xin ông con chim ưng. Ông Federigo ơi, con của tôi muốn thích con chim ưng của ông lắm. Nếu tôi không xin được con chim ưng của ông thì tôi sợ bình tình của nó sẽ trầm trọng và có thể là tôi mất đứa con duy nhất. Cho nên tôi xin ông, không phải vì mối tình mà ông dành cho tôi mà vì tấm lòng cao cả của ông, tôi xin ông con chim ưng vì món quà đó sẽ là vấn đề chết sống của con tôi...

Nghe Giovanna ngỏ lời, Federigo rơi nước mắt không nói được tiếng nào.

Thoạt tiên Giovanna tưởng Federigo tiếc con chim ưng, bà toan nói là bà thôi không xin nữa. Nhưng bà chờ xem Federigo nói gì. Chạm nước mắt, Federigo nói :

— Thưa bà, từ ngày Thượng Đế xui khiến tôi yêu bà, tôi đã nhiều lần than thân trách phận không được may mắn, gặp nhiều nghịch cảnh. Nhưng tất cả những điều bất hạnh đó không có nghĩa gì so với bất hạnh hôm nay. Bà đến thăm tôi tại ngôi nhà tôi tàn này trong khi bà không hề đặt chân đến tòa lâu đài nguy nga khi tôi còn hưng thời, và bà chỉ đến để xin tôi một vật không đáng ! Vậy mà tôi không thể tặng được !

Tôi sẽ nói vắn tắt cho bà biết vì sao tôi không thỏa mãn được bà... Khi nghe bà muốn dùng bữa với tôi, tôi thấy một mệnh phụ đức hạnh như bà phải được tiếp đãi đặc biệt. Và tôi nghĩ chỉ có con chim ưng của tôi mới xứng đáng với bà cho nên hôm nay tôi đã làm thịt nó để đãi bà. Tôi nghĩ như thế là hay. Nào ngờ ! Bây giờ, khi biết bà xin nó về cho cậu chơi tôi thật là khổ tâm vô cùng.

Để chứng minh, ông đưa giai nhân ra sau xem lồng, mở và vuốt chim ưng.

Bà Giovanna trách Federigo đã hy sinh con chim ưng vô giá để thiết đãi một người đàn bà xoàng xĩnh.

Nhưng bên trong, bà xúc động trước tâm hồn cao cả của Federigo. Dù sống trong cảnh nghèo khó, tấm lòng hào hiệp của chàng vẫn sáng tỏ như thuở nào.

Tuy nhiên bà vẫn lo cho sanh mạng của con nhiều hơn mọi việc nên bà từ giã Federigo ra về, lòng buồn khôn tả. Không rõ cậu bé thất vọng vì không được chim ưng hay vì số phận của cậu chỉ có bấy nhiêu nên vài ngày sau cậu bé thở hơi cuối cùng, để lại bà mẹ trong cảnh sầu muộn sâu thẳm.

Bà Giovanna sống những ngày đầy nước mắt và thở dài, nhưng bà hãy còn trẻ và giàu có nên các anh bà khuyên bà tái giá. Dù không có ý định bước thêm bước nữa, nhưng trước những lời khuyên nồng nhiệt đó, bà nghĩ ngay tới tâm hồn hào phóng của Federigo, như là việc giết con chim ưng để thiết đãi bà. Bà nói với các ông anh :

— Tôi thích ở vậy, nếu các anh cho phép. Nhưng vì các anh khuyên tôi tái giá, tôi sẽ chọn Federigo.

Mọi người cười ngất, chế nhạo bà :

— Cô thật là khùng ! Thằng cha đó nghèo xơ nghèo xác, không có đến một đồng « florin » (Ý kim).

Giovanna nói :

— Tôi biết điều đó. Nhưng tôi thích có một người chồng nghèo tiền hơn là một kẻ giàu mà không có tư cách phong lưu mã thượng.

Biết được ý của cô em, các ông anh cũng nghĩ là Federigo là một người xứng đáng với em mình, dù nay đang lâm vào cảnh nghèo túng. Họ liền đến thăm Federigo và làm mai mối.

Federigo vô cùng ngạc nhiên và thích thú trước tình thế mới. Bỗng nhiên chàng cưới được giai nhân mà từ lâu nay chàng ôm ấp bóng hình trong tuyệt vọng. Và bỗng nhiên chàng lại được hưởng một gia tài kết sù của giai nhân.

Rút kinh nghiệm đã qua, Federigo quản lý gia tài khôn ngoan hơn và sống với người đẹp đến ngày tàn.

Xe hơi của thành phố tương lai

Những chiếc xe hơi dành riêng cho thành phố trong tương lai sẽ nhỏ, gọn, rẻ tiền và chạy chậm.

• TRẦN THANH

TRONG hiện tại, nạn kẹt xe ở các thành thị đã trở thành một bài toán quan trọng. Trong mọi hành phố lớn của thế giới tự do, ở người có xe hơi tăng dần cho đến một lúc nào đó đường sá sẽ bị kẹt cứng vì xe hơi trong lòng các hành phố.

Đến lúc ấy, các biện pháp: mở rộng một chiều, đường lớn bao quanh đô thị, bãi đậu ngầm dưới đất, luật cấm đậu xe dọc đường

phố v.v. cũng không giải quyết được vấn đề mà chỉ đẩy lùi dần cái ngày đường xá bị nghẽn cứng xe hơi mà thôi.

Mặt khác, số xe hơi đông đảo nói trên còn có tác dụng tai hại thứ hai nguy hại không kém tuy nguy cơ không cụ thể bằng.

Tình trạng nhiễm độc không khí do hơi độc của các máy xe hơi phát ra.



Trên đây là kiểu xe Aruande do nhà chế sườn xe Frissone chế tạo, kiểu của một nhà vẽ kiểu Ba Tây. Dài 2 thước, Cửa mở bằng cách đẩy ra phía sau. Đủ chỗ cho 2 người ngồi và 2 cái va li để đằng sau.

Tâm lý của giới xe hơi: một động cơ đưa đến nạn kẹt xe

Trong khung cảnh ấy, nếu các xe hơi đang chạy trong thành phố đều là xe hơi nhỏ thì nạn kẹt xe đỡ đi rất nhiều. Nhưng chủ nhân các xe hơi bao giờ cũng đòi hỏi một loại xe vừa rộng rãi vừa đẹp đến mức tối đa có thể, so với túi tiền. Một công cuộc điều tra cho phép ta nói rằng cho đến nay, mỗi kiểu hãnh vẫn là động lực thúc đẩy sự chọn lựa của giới mua xe hơi, bất chấp luận lý, lẽ phải. Ở điều này chúng tỏ rõ rằng qua việc hãng xe Renault của Pháp thành công thương mại mỹ mãn nhờ loại xe Renault Major thân dài hơn trước. Hãng Simca cũng nhờ loại Simca thân dài mà kiếm được một khoản lời đáng kể.

Trong số trên 300 kiểu xe hơi đang lưu hành chỉ có chừng 40 kiểu bề dài chưa quá 4m và chỉ có 8 kiểu bề dài dưới 3m,50.

Giải pháp «vả» tạm thời

Nhìn vào loại xe hơi mình ngăn nói trên, người ta mới chỉ thấy các loại sau đây:

Renault 4, Peugeot 204 (3m74) Simca 1.000 (3m,80) Citroen 2 CV (3,12) và Amid (3m,89) của Pháp và Fiat 500, Honda 360 và BMC «Mini», Citroen Mini v.v...

Loại xe này, nếu có tiện lợi hơn các loại xe khác trong thành phố đi chẳng nữa vì thân ngắn thì chúng cũng chỉ là một loại xe trung gian, ở thành phố dùng cũng tiện và đi đường xe cũng tạm được. Do đó, đối với thành phần có xe hơi bây giờ, nó là chiếc xe thứ hai của gia đình nghĩa là xe «sứ vụ» của nhà giàu...

Mặt khác, giá của những loại xe này vẫn còn quá cao so với túi tiền của đại chúng và nó cũng chưa đủ nhỏ để xứng đáng gọi là xe hơi của thành phố, loại xe dành cho đại chúng mọi người đều hy vọng có được.

Xe hơi dùng trong thành phố của đại chúng

Các nhà chuyên môn xe hơi đã quan niệm rằng:

Đã đến lúc phải có luật lệ cần thận ảm định kích thước loại xe chở người dành cho thành phố khác hẳn với loại xe hơi bây giờ. Loại xe hơi này phải rất nhỏ và không phải là loại xe dùng để đi đường xa vì những lý do sau đây:

Nó chỉ là một chiếc xe hai chỗ ngồi (4 của Việt Nam) không có «cốp» đựng hành lý (nếu có cốp là nó không thể ngắn hơn loại xe nhỏ nhất bây giờ. Honda N360 (3m,04) Autobianchi (3m,02) Austin và Morris «mini» (3m,05). Xe phải nhẹ vừa phải với một động cơ nhỏ không tốn bao nhiêu lít xăng nhưng vận đủ để di chuyển trong thành phố mà thôi. Cố nhiên loại xe này không đặc dụng để đi xa đường dài và xấu.

Từ trước đến nay, loại xe này chưa ra tới được vì các chủ nhân xe hơi to lớn ngày nay sẽ chống lại việc phải sắm hai chiếc xe: xe đi ngoài và đi trong thành phố.

Tất cả vấn đề là ở đây.

Thực vậy, cứ đà này mà tiến thì trong vòng 5 hay 10 năm nữa đường Saigon sẽ tắc nghẽn nếu như tất cả mọi loại xe cộ vẫn được lưu thông tự do, dù đã có loại xe thành phố nhỏ ra đời.

Trọng lượng chuyên chở không

lầm và tốc độ tối đa chừng 80 cây số là đủ rồi. Loại máy này có thể chỉ cần có 125cm³ hay 300cm³ là đủ. Với loại xi lanh nhỏ như vậy, xăng không hết bao nhiêu (khoảng 100 cây số), đồ phụ tùng ít, bảo hiểm hạ.

ngoài ra loại máy này lại chỉ cần một khối lượng khí độc rất đáng kể.

Máy này có thể có một hoặc hai xi lanh, làm nguội bằng không gian (tiện) hoặc bằng nước (hơn) máy bốn thì hay hơn cũng được. Ngoài ra, loại này đã có một bộ phận giảm tiếng động rất hữu hiệu (đã minh, có thể giải trừ bớt khí độc chất khí độc nằm trong "pô" có thể đẩy đằng sau hoặc kéo trước, máy đặt dưới sàn xe. Vấn đề lái, xe có thể có máy a bán tự động hay tự động.

Loại xe đã ra đời

Nhiều kỹ nghệ gia đã nghĩ đến việc này và đã chế ra nhiều kiểu xe cho thành phố.

Đầu tiên ra đời quá sớm, giữa lúc xe hơi chưa được giải quyết vấn đề cho thành phố nhỏ, rồi đến nay chưa thể chống lại xe hơi nhiều khách hơn, lúc bấy giờ.

Vậy đó, loại xe thành phố tạm thời thất bại.

Trong công trình nghiên cứu không ít: Đại khái, người ta được biết các điều sau đây: Kabimenroller (Đức) do nhà chế tạo may bảy lừng danherschmitt chế tạo.

Inter

Valérie

Avolette

Mochet, đều do Pháp chế tạo.

Nhưng nổi bật nhất trên địa hạt này là loại:

Isetta, do Iso chế tạo đã bảo hiểm cho hãng BMW Đức và xe lộng lẫy Velam chế tạo ở Pháp. Isetta đã một thời bán chạy ở Pháp nhưng chẳng bao lâu bị mất thế trước những loại xe hơi tân kỳ, lớn, máy mạnh.

Isetta dài 2m,38, rộng 1m,42 máy 2 thì 236cm³. Xe cân nặng 322kg, chở được 2 người, tốc lực tối đa 85 cây số.

Loại xe Isetta này rất có hy vọng bán mạnh ngay các thành phố lớn bắt buộc phải xài loại xe nhỏ, riêng cho thành phố.

Vespa 400 do nhà Vespa chế tạo máy 393cm³ hai thì, 14ch tốc độ 93cs, dài 2,185 rộng 1m27. Vespa đã thành công rực rỡ trong buổi đầu nhưng sau chết vì máy nổ, dàn xe rung quá mạnh nhà chế tạo không kịp chữa lại khuyết điểm này mà giá xe lại đắt vì số sản xuất quá ít cho nên chẳng bao lâu nó chết.

Ở Ý, các hãng Pell và Roberts thì chế ra đời được một chiếc Stuart Smith chế được một chiếc dài 1,1m 69 nặng 113 kilo máy 200 phân khối tốc độ 80/cây số giờ.

Đây chỉ là những công trình chế tạo rất đáng kể để nghiên cứu mà thôi, chưa được thương mại hóa.

Kết luận

Saigon của chúng ta sắp bị nạn khủng hoảng kẹt xe, sự nhập cảng xe sẽ đi quá mức trong khi tình trạng đường xá không kịp phát triển. Cứ cái đà này, một ngày nào đó người lái xe sẽ đi chuyển trên cái mũi xe để đi tới sở làm và lúc bấy giờ đi bộ nhanh hơn đi xe hơi!

T những giòng HƠ' MƠI

• HOÀNG TUYẾT KHANH phụ trách

Một phương trời nhớ

NHỮNG mối tình như thế đó mà ta không ngờ có ngày sẽ tan vỡ như chiếc bóng trong cơn mưa. Người tôi rất nhẹ và ở rất sâu trong hồn ta và ngày tháng chất cao bằng một đỉnh núi. Lên đỉnh núi đứng nhìn chung quanh ta. Nơi nào người đã đi. Sự ra khơi chỉ xảy đến cho hai kẻ yêu nhau một lần nhưng vết thương còn tồn tại mãi. Những người làm thơ trước nhất để nói về cái tan rã đó. Cũng là một lần yêu nhau. Người ta gọi là tình đầu. Ôi thơ mộng và cũng đau đớn thay những mối tình đầu. Khi anh về tưởng rằng sẽ đón nhau bằng mắt, cười với nhau một màu môi. Những phím tơ đàn trên tóc và tiếng hát của một ngày son tươi cất lên. Nhưng người đã đi. Đến một phương trời nào đó, kỷ niệm còn đây những dấu chân bước trên đường. Giòng sông như ai xẻ đôi. Trời kia như ai chia ra hai mảnh. Thơ của Ngọc thủy Khanh thật đẹp. Và biết đâu mối tình giữ cho người đi cũng là một mối tình đẹp nhất?

RẤT QUEN

Có biết anh về ngày cuối đông
sao em chia nước chảy hai dòng
bỗng dưng nắng cũng vàng yêu dấu
hiu hắt niềm thương đến Đạo Long
thăm giữ ngàn năm tình của ta
thăm yêu ngày tháng theo âm ba
chiều náo tóc rũ bên đồi cát
từ ấy bây giờ thật thiết tha
nên ở trời xa nhớ thật gần
nhớ thương một nỗi nên phân vân
lời em còn vọng trong hồn trí
và biết sao quên phút ngại ngần
trời khiến anh về vui với em
nên hóa theo gió xuống bên thềm

nên mây đem nhạc vào lời nói
anh ngờ bây giờ ôi rất quen

Ngọc thủy Khanh

Tiếng hát ấy đã cất lên là như thể tâm hồn ta đã rã. Tình yêu
đến tất cả và cũng mang đi tất cả. Chỉ còn lại một mình. Chiếc
xưa mất đi hơi ấm của người cũ. [Chỗ ngồi vắng chiếc bóng ngả
ri chân. Hạnh phúc là một huyền thoại ngẩn, như là một vệt mây
qua khung cửa. Ta ở lại với từng ấy thứ, thành một chất men
lên, cay nồng và người đi là hương mật. Hương mật của đêm buồn.

Thơ năm chữ của Thy Linh Tử muốn làm mới, bút phá
văn điệu cũ, ngôn ngữ cũ. Nhưng làm mới thơ không phải là
thơ đến chỗ vô nghĩa. Xử dụng ngôn ngữ sáng tạo không phải là
khuôn những từ ngữ với nhau. Một bài thơ cho dù mới đến đâu,
không thể ra khỏi một thứ âm hưởng riêng của nó. Và thơ là gì
không phải là một thứ ngôn ngữ nhiều rung động nhất.

HÁT TRÊN MÂY

ta ngồi trên mây hát
giọng hát thật là cao
thanh âm lồng đôi mắt
đâm thấu hồn hư hao
ta ngồi trên mây hát
giọng hát thật là buồn
ôi trần gian mưa tấp
thiên hạ thấy quá thương
ta ngồi trên mây hát
giọng hát thật là ngông
đang thân thành gỗ mục
tình bỗng đầy rêu không.

Thy Linh Tử

Cũng một bài thơ năm chữ, nói về một cuộc tình đã vỡ như thế.
Nguyễn Đăng Hà. Ở đây, Nguyễn Đăng Hà cũng muốn làm thơ mới
m chữ, bằng ngôn ngữ và âm điệu nhưng Nguyễn Đăng Hà không
ng những từ ngữ sáo và lớn, để cho câu thơ biến thành vô nghĩa. Và
lên vì thế nên thơ năm chữ của Nguyễn Đăng Hà thật nhiều rung
ng.

Người làm thơ nổi tiếng đã từng nói đại ý : Một bài thơ hay không
phải là một bài thơ toàn bích. Vì thơ toàn bích người ta không thể chê
hoặc khen ở một câu nào, một ý nào. Nó gọt rũa, tròn trịa. Một bài thơ
hay là bài thơ chưa đạt đến sự toàn bích. Nó còn những câu chưa đủ ý,
chưa đủ lời. Nhưng đầy đủ những rung động. Thơ của Nguyễn Đăng
Hà ở trong trường hợp đó :

TÔI ĐỨNG NHÌN TÔI VỠ

tôi trên thêm sương giăng
đứng khóc một mùa trăng
(trăng rớt đầy mộng tưởng
hoa úa buổi khuya buồn)
tôi như hồn đá lặng
khoác rêu chờ tháng năm
nhìn mình sao quá lạ
nhìn mình sao đứng đưng
nước mắt nào đã cạn
thiên thu khóc rất thâm
đồng sông trôi tháng thốt
chia mấy nhánh sầu, cam
tôi đứng nhìn tôi vỡ
rời xác ướt đầm sương
tôi nhìn tôi rất buồn

Nguyễn Đăng Hà

Yêu đương là đem hoa mới nở tặng cho nhau, và ngắt đi giùm
những nụ gai lòng, « con đường ấy dù có mưa hay nắng, vẫn thấy
trong lòng những chiếc lá xanh ». Bầu trời của yêu đương cho dù ở
một thời tiết nào cũng vẫn đẹp. Phạm hữu Quang mới đến với « những
giòng thơ mới », nhưng ý tưởng đã đứng và hơi thơ vững. Tuy nhiên
trong bài cũng có những câu sáo ngữ, làm dáng một cách khó khăn :
« Ý nghĩ cuốn giò chạy quanh số không » chẳng hạn. Người phụ trách
mong nhận tiếp những bài mới của Phạm hữu Quang với tin tưởng

GỢI CHO EM NHỮNG ĐÓA HOA TÌNH KHÔNG

cho Thu

Cải tốc em đóa hoa tình không

Bàn tay ta dơ cao tắm lòng
 Em lắc đầu vô cùng lạnh bạc
 Ta chưa thấy mình trong mắt trong
 Cài mắt em đóa hoa tình không
 Không mây xanh, mây tím, mây hồng
 Hạnh phúc đời ta là nước mắt
 Chờ tình em qua một dòng sông
 Cài môi em đóa hoa tình không
 Nụ hôn đầu mùa em chưa chổng
 Nụ hôn vội vàng ta chẳng nhớ
 (Ý nghĩ cuốn giò chạy quanh số không)
 Cài tim em đóa hoa tình không
 Bởi lỡ mang hình em trong lòng
 Bởi yêu em suốt đời chưa chán
 Em như một chiếc bóng không

Phạm Hữu Quang

Tình yêu đầu tiên, đến với chúng ta bao giờ cũng là một đóa hoa rực rỡ nhất. Chói lóa nhất. Em tưởng sẽ không bao giờ có một cơn nắng nào, trận mưa nào, ngọn gió nào làm tàn phai. Nhưng rồi tất cả đã biến thành một thứ hương xa. Mây Hạ cũng là một người làm thơ đầu tiên đến với «Những dòng thơ mới». Thơ của Mây Hạ là thơ con gái. Chúng ta đọc thấy những câu thật dễ thương cũng như những hình ảnh được nhìn với con mắt của một người nữ. Con gái làm thơ thì nhiều, nhưng con gái làm thơ hay rất hiếm. Người phụ trách chưa có thể tiên đoán gì về Mây Hạ cả. Bởi đây là một bài thơ đầu tiên, trong những bài thơ đầu tiên của Mây Hạ gửi về. Nhưng thơ Mây Hạ là thơ mới. Tức là không dẫm chân lên những người cũ. Và chính điều đó cho chúng ta hy vọng.

HƯƠNG XA

Buổi sáng với những đóa hoa uất kim hương nở thật rực rỡ
 Sáng chói như tình yêu của chúng ta
 Như lần thứ nhất
 Em làm thơ ca ngợi tình yêu của chúng mình
 Ca ngợi những tháng ngày màu hồng cho tình yêu điểm tuyệt
 Như lần thứ nhất
 Anh làm nhạc ngợi ca cho tình yêu điểm tuyệt thuở đầu đời

Đánh dấu cho ngày gặp gỡ
 Êm đềm như lời nguyện cầu
 Âm thầm như bước chân rời xa
 Yêu thương rồi vỡ tan như nắng
 Bởi nắng thì mong manh như thủy tinh,
 Như tình yêu của chúng ta còn xa vời như mơ
 Ở trong buổi sáng của vô cùng thương yêu
 Tôi cúi đầu thăm thì, nguyện cầu
 Nghe tiếng mình tan trong gió
 Như tình yêu đã vỡ tan như nắng

Mây Hạ

Một bài thơ đẹp nữa, nói về một tình đầu đã đi qua. Người đi qua đời tôi có nhớ gì không người, có để lại gì không người? Nhớ và để lại nhiều thứ lắm. Những chiều đông sâu mưa mù rơi mấy vai gió buồn lên mây trời những con đường xưa và linh hồn rét mướt. Ngàn thứ ấy đã là một bản tình ca không dứt. Và không ngọt tấu lên trong những ngày tháng kỷ niệm ủa vàng và thương, nhớ một phương. «Trăng của nhà ai trắng một phương. Ở đây rượu đắng mưa đêm trường». Thơ của Vũ Hoàng Chương đó. Và thơ Trần Mộng Hoàng cũng nói về một tình đầu với cái mơ của mây trời và cái đẹp của giòng sông buổi chiều.

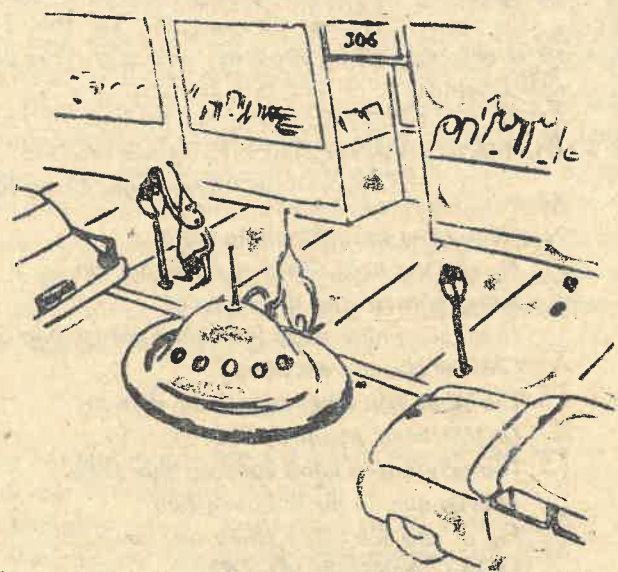
CHO ÁNH NẮNG VÀNG TRÊN GIÒNG SÔNG VÀ EM (Thương trao Phạm Ngọc Dung Kiên Giang)

Nắng vàng soi giữa giòng sông
 Thuyền mơ lướt đến ứng hồng má em
 Nắng hôn sợi tóc nhung mềm
 Tháp hồng năm ngọn lênh đênh giữa giòng
 Gió lay cho tóc em bông
 Gió khơi dậy ngọn sóng lòng đam mê
 Tơ trời từng ngậm trôi về
 Tóc mây quện nắng vuốt ve thủy triều.
 Thuyền qua đề nước hoang liêu
 Em đi cho ánh nắng chiều bơ vơ
 Lá khô từng chiếc vất vơ
 Chiều về lạc lối đề trơ trái sầu

Trần Mộng Hoàng

Thơ lục bát của Trần mộng Hoàng chưa có gì mới. Cả về ngôn ngữ lẫn âm điệu, ý tứ. Muốn làm mới thơ lục bát không phải là một chuyện dễ mà bất cứ người làm thơ nào cũng làm được. Bởi vì trước đó đã có Nguyễn Du, thơ lục bát của Nguyễn Du quá đẹp. Bởi vì trước đó có Huy Cận, thơ lục bát của Huy Cận quá sâu. Cái đẹp và cái sâu làm chúng ta ngất hồn. Bây giờ những người muốn làm mới thơ lục bát phải qua hai ngọn núi đó. Thấy cao và xa vút. Khó quá. Trong một kỳ trước người phụ trách "những giòng thơ mới" đã loan báo là sẽ làm một số về thơ lục bát hôm nay cho những người làm thơ lục bát mới. Đến hôm nay vẫn chưa có đủ số thơ lục bát hay. Như thế thơ lục bát bây giờ khó làm. Tuy nhiên mong rằng trong một kỳ tới số thơ lục bát vừa ý sẽ đủ. Và chúng ta sẽ có một kỳ dành cho những người làm thơ lục bát mới.

HOÀNG TUYẾT KHANH



— Tiền của mình không lọt lỗ ở đây. Lạ quá!



MAI VỀ THĂM TÂM VU

Mai tôi về thăm Tâm vu
Trên dòng sông con nước xô bờ
Người thỉnh lặng như hồn tượng đá
Thấp thoáng dáng đời kẻ mộng du

Mai tôi về thăm Tâm vu
Trên đồng khời khói bếp bay mù
Ôi, hạnh phúc đời người như khói
Thấp lớp mây trời nhớ thiên thu

Mai tôi về thăm Tâm vu
Tặng quê hương một trái tim mù
Từng sợi nắng bay ngoài tri tưởng
Đời sống mình như kẻ tương tư

Mai tôi về thăm Tâm vu
Ngày mai như hạnh phúc không ngờ
Ôi, hạnh phúc làm sao thấy được
Tôi trầm ngâm như vị chân tu

Mãi tôi về thăm Tâm vu
Tâm lòng xanh dần trận mưa mù
Khu vườn thơm bay nồng khói lá
Tấm lòng vàng đắm đuối hơi ru

Mai tôi về thăm Tâm vu
Mắt hoa lên như kẻ say gù
Hai mươi năm đời tôi ngất ngưỡng
Lúc đắm mặt mình cũng đại ngu

Mai tôi về thăm Tâm vu
 Như tội nhân thoát cửa ngục tù
 Trời xanh dang cánh tay mộng tưởng
 Chào người đi về từ thiên thu

Mai tôi về thăm Tâm vu
 Lòng như đá núi nhớ mưa mù
 Đau thương chạy đua lên trí nhớ
 Chạy trên đường tìm máu thiên thu

Mai tôi về thăm Tâm vu
 Như trẻ thơ khóc được đèn bù
 Cỏ xe vàng chạy ngoài trí tưởng
 Chuyển xe hoàng hôn suốt thiên thu

Phạm hữu Quang

TUYỆT TÌNH

Tình quay đi như tình cầu đang vỡ
 Anh cúi đầu nhất từng mảnh tan hoang
 Tiếng gọi hôm nào, sự sống khua vang
 Giờ đã tắt, em chôn vào đáy huyệt !

Đường hôm nào đã mờ dần bóng nguyệt
 Dấu chân gầy phủ lấy vạn Sương sa
 Hồn hồn lên trên trái chín ngọc ngà
 Thì trái rụng đè ôm sâu cổ độ

Tình yêu ấy anh vẫn ghi muôn thừa
 Dù bay xa trong cát bụi miệt mài
 Gió gọi hồn và tiếng động chân nai
 Anh ngơ ngác làm một loài thú lạc

Anh là kẻ đứng bờ hồ ngắm nguyệt
 Đáy hồ sâu đâu nhất được trăng vàng
 Tâm tay gầy ôm vạn khối trắng tan
 Nghe sương gió rót mật vào cổ la.

Gia tài anh chỉ làm bằng vô giá
 Chiếc áo phai màu, nét mực đơn sơ
 Không lâu son nên em mãi hững hờ
 Tình chấp cánh bay vào hương sắc lạ

Giờ trong anh xây lâu đài bằng giá
 Lăn quay về bằng những bước đi hoang
 Kiếp giang hồ và chút mảnh khăn tang
 Trên phần mộ của mối tình đã chết.

Hồng Phong

LẦN VỀ THĂM ĐẠO LONG

Lần phép về thăm quê Đạo Long
 phố ơ phố đứng dừng dừng lòng
 sông ơ sông chảy sao hồ hững
 tôi khóc vô cùng có biết không ?

Làm lính bấy giờ buổi chiến chinh
 mấy năm tôi sống thật vô tình
 kẻ bên chết chóc bên tang chế
 rừng núi rồi quen khóc một mình

Vườn ruộng nhà tôi tro đất khô
 điện chùa đạn rớt đến hoang sơ
 ngôi trường học cũ vài lô cốt
 nhạc súng ru đêm đến vật vờ

Giờ đó tôi về đơn vị đây
 phố ơ phố nhớ kẻ xa này
 sông ơ sông giữ niềm tha thiết
 tôi khóc nhiệt tình ai có hay.

Ngọc Thùy Khanh



Sinh Hoạt Văn Nghệ

• ĐẶNG BẢO TRẦN

NGHỆ THUẬT PHIM VIỆT NAM ĐÁNG ĐƯỢC LƯU Ý VỚI PHIM: NHƯ HẠT MƯA SA

Nhóm Việt Ảnh Phim vừa hoàn thành xong cuốn phim «Nư Hạt Mưa Sa» và sắp sửa ra mắt khán giả vào khoảng đầu tháng này. Đây là một cuốn phim Scope đen trắng thuộc loại hoạt động và tình cảm, phỏng theo cuốn tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Ngọc Linh. Tuy chưa chiếu cho khán giả xem nhưng quý vị ở phòng kiểm duyệt Điện Ảnh sau khi xem xong đã khen lấy khen để và cho rằng đây là cuốn phim Việt Nam hấp dẫn nhất từ trước tới nay.

Cốt chuyện phim thuật lại cuộc đời «tu mi đa truân» của Thuyền (Trần Quang) một họa sĩ nghèo yêu hai người đàn bà là «cải lương chi bảo» Dã Lan (Bạch Tuyết) và Yến (Thầm Thúy Hằng). Phim thực hiện công phu với những màn buồn lậu dùng voi vượt rừng, những pha đấm đá gay cấn, rượt bắn sôi nổi bằng xeh oi, sôi động từ đầu tới cuối.

Thành phần diễn viên ngoài các vai chính do Trần Quang, Thầm Thúy Hằng, Bạch Tuyết đảm nhiệm còn có các tài tử danh tiếng như Đoàn châu Mậu, Tùng Lâm, Thanh Hoài, Tony Hiếu, Cao Huỳnh, Minh Sơn, Minh Ngọc, Tuấn Nghị.v.v..

Thành phần chuyên viên cũng gồm những tay gao cội và đắt giá hiện nay là ô. ô. Bùi Sơn Duân (đạo diễn sản xuất), Trần Đình Mưu (giám đốc hình ảnh), Nguyễn văn Quý, Bùi Nhi, Lâm Thành Sung (Quản trị sản xuất) và Đình phong Mạnh Vũ (Truyện phim — phân cảnh).

Khán giả mê điện ảnh hẳn đang nôn nóng chờ đợi xem tác phẩm mới của hai ông Bùi Sơn Duân—Trần Đình Mưu, sau khi hai nhà đạo

Số 266

PHỔ THÔNG

III

diễn yêu nghề này đã được nhiều thiện cảm của khán giả qua phim «Ba cô gái tuổi châu». (Y.C).

Hoạt động của Đoàn Văn nghệ Sinh Viên Học sinh Tiên Rồng

Nhân ngày giỗ tổ Hùng Vương năm nay, đoàn văn nghệ Sinh viên Học sinh Tiên Rồng» đoàn trưởng là anh Nghiêm phú Phát đã có một chương trình tổ chức gồm : Ngày 3-4 triển lãm họa phẩm của đoàn viên tại trung tâm C.P.S đường Đinh Tiên Hoàng Sài Gòn. Qua hôm sau 4-4, tại thính đường trường Quốc Gia Âm Nhạc cùng trong chương trình giáo sư Trần Ngọc Ninh đã nói về «ngày xưa khi núi sông ta ra đời». Buổi tối cùng ngày đã có một chương trình văn nghệ đặc biệt được trình diễn.

Tạp chí Trình bày lại bị tịch thu

Trình bày số 17 ra ngày 1-4-1971 đã bị tịch thu. Đây là lần thứ ba trong 17 số báo. Hai lần trước Trình bày đã bị lập biên bản, giải tòa, lãnh án. Lần thứ hai vừa xảy ra với cái án 100.000\$ và treo lại tiếp đến lần này.

Lý do bị tịch thu lần này là đã cho đăng bài «thư gửi những người Thiên chúa giáo» của Camilo Tovres. Bài này do Diễm Châu, thư ký tòa soạn của tờ báo giới thiệu và dịch ra Việt ngữ.

Truyện của Túy Hồng sắp lên phim

Một cuốn tiểu thuyết của Túy Hồng (cuốn Tôi nhìn tôi trên vách) đã được một hãng phim thương lượng để đưa lên màn bạc. Theo tạp chí Văn, hiện người làm phim đang kẹt một vai. Vai nhà văn chồng của nhân vật nữ xưng tôi. Cũng theo tạp chí Văn, nhà văn Thanh Nam đã từ chối vai ấy. Thế cũng là phải, vì nhà văn và tài tử tương gần nhưng cũng rất khác xa nhau...

Một nhà văn làm xuất bản

Nhà gây mang tên «Đồng Tháp» của nhà văn Thảo Trường. Cuốn sách đang in là cuốn «Đi tìm tác phẩm văn chương của Huỳnh Phan Anh. Đây là cuốn sách «tiểu luận và phê bình», gồm những nhận định về những khuôn mặt văn nghệ : Samuel Beckett, J. P. Sartre, S. De Beauvoir, Nhất Linh, Tản Đà, Hàn Mặc Tử, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Y Uyên. Một cuốn sách khác của nhà «Đồng Tháp» là cuốn Mé Nước của Thảo Trường, người chủ trương nhà xuất bản.

Chuyện tình chết vì yêu

Vụ Gabriell Rusfier, cô giáo, chồng đã ly dị, có 2 con, 31 tuổi yêu học trò 17 tuổi của mình. Rồi trước dư luận, tòa án,

cô đã tự từ bây giờ được đem lên quay thành phim với nhan « Mourir d'aimer » « chết vì yêu », cái nhan đề lãng mạn và cô diễn trên đã gây xúc động đến độ trong vòng 3 tuần lễ, số người đi xem phim đã lên tới 220.000 khán giả. Và khán giả nào cũng đều không cầm được nước mắt.

Những dấu hiệu « trở về » đang diễn ra, ở Pháp với chuyện trên, ở Mỹ với nhạc pop được ca ngợi chúa và chuyện Love Story. Người ta bắt đầu trở lại với những tình cảm nhẹ nhàng, ướt át. Đó cũng là dấu hiệu người ta chống lại những chuyện « cái giống » đã bị phôi bày không còn một che dấu nào.

Sách viết về Phạm Duy

Sáng chủ nhật tuần trước đây, tại Hầm Gió, Tạ Tỵ đã cho ra mắt cuốn : « Phạm Duy còn đó, nỗi buồn ».

Cuốn này do nhà Văn Học Sĩ xuất bản.

Đây là cuốn sách được viết với tác giả trong tư cách là một người gần gũi Phạm Duy viết về Phạm Duy.

Hình như là tình yêu

Hình như là tình yêu là một tập truyện ngắn đầu tay của Hoàng ngọc Tuấn, do Quán Văn xuất bản. Bìa của Đinh Cường. Hoàng ngọc Tuấn là một tác giả trẻ viết về tình yêu rất nhẹ nhàng. Sách đã in xong, sắp được phát hành. Hoàng ngọc Tuấn là một cây bút đã cộng tác với tạp chí Bách Khoa, Văn Đền, Khởi Hành.

Lễ kỷ niệm cụ Nguyễn đình Chiểu

Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách vừa cho biết trong khuôn khổ chương trình kỷ niệm các danh nhân nước nhà trong lãnh vực văn học nghệ thuật, Phủ Quốc Vụ Khanh đang chuẩn bị tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm cụ Nguyễn đình Chiểu vào tháng 6-1971.

Chương trình cuộc lễ ngoài những buổi diễn thuyết, trình diễn văn nghệ, còn có triển lãm sách, báo xưa và nay về thân thế, sự nghiệp văn chương, di tích cụ Đồ. Trong một thông cáo phủ QVK văn hóa yêu cầu học giả tư nhân hiện có những tài liệu liên quan xa gần đến cụ Đồ Chiểu cho Phủ mượn để trình bày cho công chúng xem. Phủ Văn Hóa sẽ giữ gìn kỹ lưỡng mọi tài liệu cho mượn và hoàn lại nguyên vẹn sau cuộc lễ (!)

Xin liên lạc Nha Văn Hóa QVK số 8 đường Nguyễn trung Trực Saigon (ĐT : 92.038).

Lại một nhà thơ làm nghề xuất bản:

Đó là nhà thơ Bích Hoài, vừa cho xuất bản tạp chí Khởi Nguyên đã phát hành số ra mắt trong tháng 4 vừa qua với những cây bút quen thuộc như: Cao Tiều, Châu Tri, Chu Tấn, Du Tử Lệ, Đinh Phụng Tiến, Hồ Phong, Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Nguyễn Nhược Nghiễm, Từ Kế Tường...

Ngay cùng với số ra mắt nhà xuất bản Khởi Nguyên cũng đã cho phát hành tập truyện « Góc chuông giáo đường » của Nguyễn Nhược Nghiễm, Bích Hoài có vẻ sốt sắng trong việc này và liền theo đó, trong tháng 5, Bích Hoài sẽ in thêm tác phẩm thứ 2 của nhà xuất bản. Đó là cuốn « Gió Vàng Thu » của Từ Kế Tường. Đây là một cuốn truyện dài. Nghe Bích Hoài nói mới ghê : Phim bìa mang sang Hồng Kông và in ở một nhà in lớn, đẹp nhất Saigon. Giữa lúc tình trạng xuất bản sách khó khăn như hiện nay quả Bích Hoài là người can đảm. Bạo phổi. Vậy chúc cho người can đảm gặp may mắn ngay từ cuốn đầu.

ĐỌC MỘT CUỐN SÁCH MỚI

CÓ MỘT NU CƯỜI

FRANÇOISE SAGAN.

bản Việt Văn của NGUYỄN MINH HOÀNG

Tôi là một con đàn bà đã yêu một gã đàn ông. Câu chuyện tầm thường, có gì đâu mà phải làm ra khổ sở. Đó là những câu cuối cùng của un certain sourire mà Françoise Sagan đã viết. Françoise Sagan là một tác giả có thể nói đã quen thuộc với một số đông độc giả Việt Nam, nhất là thời thuyết hiện sinh đang là một cao trào. Quen thuộc và còn có thể nói ảnh hưởng nữa là khác (ảnh hưởng đến một vài tác giả Việt Nam !)

Trước hết, viết về có một nụ cười người đọc sẽ nhận thấy cuốn sách được viết với bố cục và cú pháp thường hằng mà Françoise Sagan xử dụng. Chia làm 3 phần, câu chuyện mở ra với cuộc tình thứ nhất, nhân vật chính xưng tôi. Tôi đây là một thiếu nữ còn đi học Dominique, yêu một thanh niên tên Bertrand. Hai người yêu nhau trong cái tình trạng đã làm tình với nhau.

Phần thứ hai một sự việc mới xảy ra, thiếu nữ gặp ông chú của Bertrand. Ông này là em của mẹ Bertrand, có bà vợ là Françoise